



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 487-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng, phiên bản 1.0

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIV;
- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị khoá XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;
- Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy định số 384-QĐ/TW, ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng.

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng, phiên bản 1.0 (văn bản kèm theo).

Điều 2. Các cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Giao Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng chỉ đạo các cấp uỷ và cơ quan đảng thực hiện Quyết định này; giao Văn phòng Trung ương Đảng với vai trò là Cơ quan Thường trực giúp Ban Chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư về việc ban hành Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0.

Nơi nhận:

- Các cơ quan đảng ở Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

TAM BAN BÍ THƯ



Trần Cẩm Tú

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

**KHUNG KIẾN TRÚC SỐ
CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG,
PHIÊN BẢN 1.0**

*(Kèm theo Quyết định số 487-QĐ/TW, ngày 29/9/2026
của Ban Bí thư Trung ương Đảng)*

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2026

MỤC LỤC

I- QUY ĐỊNH CHUNG	13
1. Khái niệm, mục đích và mối quan hệ	13
2. Phạm vi áp dụng	13
3. Đối tượng sử dụng	15
4. Nguyên tắc áp dụng	16
II- CĂN CỨ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÂN NHÓM NGHIỆP VỤ.....	18
1. Cơ sở để xây dựng Khung	18
2. Căn cứ phân nhóm theo bản chất tổ chức và nghiệp vụ	18
2.1. Nhóm đảng uỷ lãnh đạo, chỉ đạo	19
2.2. Nhóm các cơ quan tham mưu, giúp việc	20
2.3. Nhóm cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận	21
2.4. Nhóm cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản của Đảng.....	22
3. Mô hình tổng quan các cấp, khối cơ quan và luồng nghiệp vụ, dữ liệu chủ yếu	23
4. Mô hình nghiệp vụ của các cơ quan đảng	25
III- PHƯƠNG PHÁP LUẬN, NGUYÊN TẮC KIẾN TRÚC, MỤC TIÊU, BÀI TOÁN ƯU TIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ ĐỐI CHIẾU	27
1. Phương pháp luận	27
2. Nguyên tắc kiến trúc	28
2.1. Các nguyên tắc cốt lõi.....	29
2.2. Các nguyên tắc và yêu cầu về thiết kế, triển khai, quản trị và bảo đảm nguồn lực.....	30
2.3. Nguyên tắc triển khai	34
3. Mục tiêu, kết quả cần đạt và bài toán ưu tiên	36
4. Hiện trạng kiến trúc số	40
5. Kết quả đối chiếu hiện trạng với kiến trúc mục tiêu.....	44
IV- MÔ HÌNH TỔNG THỂ KHUNG KIẾN TRÚC SỐ	44
1. Mô hình 4 lớp và 4 thành phần xuyên suốt	44
2. Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và thành phần do các cơ quan đảng triển khai	48
2.1. Vị trí, vai trò và phạm vi của thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng....	49
2.2. Mô hình tổng thể của thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng	49

2.3. Các nhóm năng lực bắt buộc dùng chung.....	51
2.4. Mô hình cung cấp, sử dụng và phân tầng thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng	52
2.5. Ranh giới giữa thành phần dùng chung và thành phần đặc thù.....	53
3. Cụ thể hoá và tổ chức áp dụng Khung.....	53
V- LỚP HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG	54
1. Mục tiêu	54
2. Thành phần Hạ tầng số	56
2.1. Thành phần hạ tầng số dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.....	56
2.2. Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng	57
2.3. Mạng nội bộ (LAN/Intranet) và kết nối Internet băng rộng; Kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng	58
2.4. Thiết bị đầu cuối phục vụ cán bộ, công chức; Thiết bị số hoá hồ sơ; Thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến theo điều kiện	59
2.5. Thành phần hạ tầng số đặc thù khác của các cơ quan đảng (tài nguyên tính toán, lưu trữ, môi trường thực thi; sao lưu, phục hồi)	60
3. Thành phần An ninh mạng.....	62
3.1. Thành phần an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	62
3.2. Các hệ thống, giải pháp phục vụ bảo đảm an ninh mạng của các cơ quan đảng (giám sát, phòng vệ và ứng cứu an ninh mạng).....	63
3.3. Thành phần an ninh mạng đặc thù khác của các cơ quan đảng (bảo vệ hệ thống, phân miền; cơ yếu và mật mã).....	63
4. Phân loại và phạm vi triển khai các thành phần	66
4.1. Theo trách nhiệm quản lý và phạm vi cung cấp	66
4.2. Theo tính chất và yêu cầu sử dụng	66
4.3. Nguyên tắc phân định và sử dụng tài nguyên.....	67
5. Nguyên tắc quản trị, vận hành và phát triển hạ tầng	67
5.1. Quản trị thống nhất theo kiến trúc và danh mục.....	67
5.2. Bảo đảm khả năng sẵn sàng, dự phòng và phục hồi.....	68
5.3. Bảo đảm kết nối, liên thông và an toàn ngay từ thiết kế	68
5.4. Quản lý vòng đời và kiểm soát đầu tư trùng lặp.....	68
5.5. Phân công trách nhiệm triển khai	69
VI- LỚP DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI.....	69
1. Mục tiêu	69
2. Thành phần dữ liệu	72

2.1. Nguyên tắc quản trị dữ liệu.....	72
2.2. Các miền dữ liệu chủ yếu	73
2.3. Các loại dữ liệu xuyên suốt.....	76
2.4. Các thành phần dữ liệu chủ yếu.....	78
2.5. Mô hình dữ liệu tham chiếu.....	79
2.6. Quản trị chất lượng và vòng đời dữ liệu.....	79
3. Thành phần nền tảng lõi.....	80
3.1. Vị trí, vai trò và nguyên tắc tổ chức	80
3.2. Các thành phần nền tảng chủ yếu	80
3.3. Nguyên tắc tổ chức nền tảng dùng chung.....	83
4. Kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, nền tảng	83
5. Quản lý, công bố và cập nhật danh mục dữ liệu, nền tảng số	85
5.1. Quản lý danh mục dữ liệu.....	85
5.2. Quản lý danh mục nền tảng và dịch vụ dùng chung.....	85
5.3. Công bố và cập nhật danh mục.....	85
6. Phân công trách nhiệm và tổ chức triển khai.....	86
VII- LỚP ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG.....	86
1. Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức	86
2. Các thành phần ứng dụng và nghiệp vụ.....	87
2.1. Thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.....	87
2.2. Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan đảng	88
2.3. Các hệ thống thông tin, ứng dụng phục vụ hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng	89
2.4. Các ứng dụng hỗ trợ hoạt động nội bộ dùng chung khác của các cơ quan đảng	91
2.5. Nền tảng AI của các cơ quan đảng	92
2.6. Thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung khác của các cơ quan đảng ..	93
3. Phân định chức năng, kết nối và phạm vi triển khai.....	95
3.1. Phân định chức năng và kết nối.....	95
3.2. Phân công giữa Trung ương và địa phương	96
3.3. Xử lý trùng lặp và giải pháp chuyển tiếp.....	96
4. Quản lý danh mục và tổ chức thực hiện	98
VIII- LỚP KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ.....	98
1. Vị trí, vai trò và nguyên tắc tổ chức	98
2. Kênh tương tác.....	101

2.1. Thành phần kênh tương tác dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	101
2.2. Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan đảng	101
2.3. Thành phần kênh tương tác đặc thù khác của các cơ quan đảng (Cổng ứng dụng và các giao diện tương tác chuyên biệt)	102
3. Đo lường hiệu quả.....	103
3.1. Thành phần đo lường hiệu quả dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	103
3.2. Triển khai các công cụ chỉ đạo, điều hành: Các Bảng thông tin điều hành (Dashboard) giám sát, điều hành của các cơ quan đảng.....	104
3.3. Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) của các cơ quan đảng.....	104
3.4. Thành phần đo lường hiệu quả đặc thù khác của các cơ quan đảng (chỉ số, công cụ đo lường bổ sung cho nghiệp vụ đặc thù)	105
4. Tổ chức triển khai và quản lý	106
IX- CÁC THÀNH PHẦN XUYỀN SUỐT.....	106
1. Quản trị, điều phối và giám sát.....	106
1.1. Vai trò của Văn phòng Trung ương Đảng	106
1.2. Đầu mối quản trị kiến trúc tại các cơ quan đảng ở Trung ương.....	107
1.3. Phân vai chủ quản nghiệp vụ và dữ liệu	107
1.4. Cơ chế quản trị dữ liệu, chất lượng dữ liệu và đầu mối quản trị dữ liệu.....	109
1.5. Đánh giá tuân thủ Khung Kiến trúc số	111
1.6. Phân công trách nhiệm quản trị Khung Kiến trúc số.....	112
1.7. Quản trị động phạm vi dùng chung giữa Trung ương và địa phương	113
1.8. Trường hợp đặc thù không sử dụng thành phần dùng chung	113
1.9. Dữ liệu phát sinh tại cơ quan, địa phương và tích hợp ngược về Trung ương.....	114
1.10. Quyền, trách nhiệm khi khai thác dữ liệu và trách nhiệm đối với kết quả liên thông	114
2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung.....	115
3. Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First).....	115
4. Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric)	116
5. Yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.....	116
5.1. Vai trò và phạm vi	116
5.2. Nguyên tắc bảo vệ.....	116
5.3. Yêu cầu cốt lõi đối với an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu	117
5.4. Bảo đảm an ninh mạng đối với toàn bộ các thành phần kiến trúc.....	118

5.5. Bảo vệ Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp và các ứng dụng trên Hệ thống	118
5.6. Mô hình kiến trúc đối với nền tảng, hạ tầng và hệ thống xử lý thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước.....	120
X- PHƯƠNG ÁN HOÀN THIỆN VÀ LỘ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI	120
1. Giai đoạn 2026.....	121
2. Giai đoạn 2027 - 2028	123
3. Giai đoạn 2029 - 2030	124
4. Mục tiêu và chỉ tiêu định lượng đến năm 2030	124
XI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	129
1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.....	130
2. Văn phòng Trung ương Đảng	130
3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương	132
4. Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và đảng uỷ bộ, ngành Trung ương	133
5. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương.....	133
6. Các cơ quan đảng địa phương.....	133
PHẦN PHỤ LỤC	1
PHỤ LỤC I- PHÂN LOẠI CÁC NHÓM CƠ QUAN ĐẢNG PHỤC VỤ ÁP DỤNG KHUNG KIẾN TRÚC SỐ	1
1. Nhóm đảng uỷ lãnh đạo, chỉ đạo	1
2. Nhóm cơ quan tham mưu, giúp việc.....	1
3. Nhóm cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng	2
PHỤ LỤC II- PHƯƠNG ÁN HOÀN THIỆN VÀ NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI KIẾN TRÚC ƯU TIÊN.....	3
1. Nội dung cần hoàn thiện và phương án xử lý ở mức kiến trúc	3
2. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi kiến trúc và lộ trình	7
PHỤ LỤC III- QUY TẮC GIẢI QUYẾT PHẠM VI PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG, ỨNG DỤNG, CƠ SỞ DỮ LIỆU GIỮA CÁC CƠ QUAN VÀ GIỮA TRUNG ƯƠNG VỚI ĐỊA PHƯƠNG.....	18
PHỤ LỤC IV- PHƯƠNG THỨC ÁP DỤNG CÁC THÀNH PHẦN DÙNG CHUNG GIỮA CÁC CƠ QUAN TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN ĐẢNG.....	20

DANH MỤC HÌNH VẼ

Các sơ đồ kiến trúc của Khung được gọi tên, dẫn chiếu theo mã sơ đồ tại Mẫu số 02 kèm theo Công văn số 7234/BKHCN-CĐSQG; trạng thái thể hiện: Kiến trúc mục tiêu; phiên bản 1.0; đơn vị thực hiện: Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu).

SĐ-04. Mô hình tổng quan mối quan hệ của hệ thống Đảng	24
SĐ-CT-01. Mô hình khái quát Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng	45
SĐ-CT-02. Các thành phần do các cơ quan đảng triển khai theo Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng.....	47
SĐ-CT-02.1. Mô hình quan hệ giữa thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng với các thành phần chuyên ngành, đặc thù và thành phần dùng chung trong hệ thống chính trị.....	50
SĐ-06.1. Mô hình Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung.....	55
SĐ-06.2. Mô hình thành phần Hạ tầng số của Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung.....	61
SĐ-06.3. Mô hình thành phần An ninh mạng của Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung.....	65
SĐ-05.1. Mô hình Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi.....	71
SĐ-05.2. Mô hình thành phần dữ liệu trong Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi	77
SĐ-05.3. Mô hình thành phần nền tảng lõi trong Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi.....	82
SĐ-05.4. Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với cơ quan khác trong hệ thống chính trị.....	84
SĐ-04.1. Mô hình Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung.....	94
SĐ-04.2. Mô hình các thành phần của Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung ..	97
SĐ-04.3. Mô hình Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả.....	100
SĐ-06.4. Mô hình thành phần xuyên suốt Quản trị, điều phối và giám sát	110
SĐ-06.5. Mô hình yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu	119

BẢNG TỪ VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

STT	Từ, thuật ngữ viết tắt	Giải thích
1	Agent Node	Máy chủ bảo mật điểm kết nối do Trung tâm dữ liệu quốc gia bố trí, cài đặt, vận hành tại vùng mạng biên của Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng, phục vụ kết nối LGSP của Đảng với NDOP
2	AI	Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo
3	ANM	An ninh mạng
4	API	Application Programming Interface - Giao diện lập trình ứng dụng
5	CĐS	Chuyển đổi số
6	CĐS-CY	Chuyển đổi số - Cơ yếu
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9	CSDLQG	Cơ sở dữ liệu quốc gia
10	HTTT	Hệ thống thông tin
11	IOC	Intelligent Operations Center - Trung tâm điều hành thông minh
12	KPI	Key Performance Indicator - Chỉ số đo lường kết quả
13	LDOP	Local Data Orchestration Platform - Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của khối cơ quan, bộ, ngành, địa phương theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia
14	LGSP	Local Government Service Platform - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh; trong các cơ quan đảng là Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Đảng
15	NAS	National Architecture Management System - Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia
16	NDOP	National Data Orchestration Platform - Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia
17	NDXP	National Data Exchange Platform - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia
18	OKR	Objectives and Key Results - Mục tiêu và kết quả then chốt
19	RPO	Recovery Point Objective - Mục tiêu điểm khôi phục

STT	Từ, thuật ngữ viết tắt	Giải thích
20	RTO	Recovery Time Objective - Mục tiêu thời gian khôi phục
21	SLA	Service Level Agreement - Thỏa thuận mức dịch vụ
22	SLO	Service Level Objective - Mục tiêu mức dịch vụ
23	SOC	Security Operations Center - Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng
24	SSO	Single Sign-On - Đăng nhập một lần
25	TSLCD	Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan đảng, nhà nước
26	TTHC	Thủ tục hành chính
27	TW	Trung ương

QUY ƯỚC MÃ SỬ DỤNG TRONG KHUNG

Các mã dưới đây là mã quản lý trong phạm vi Khung Kiến trúc số; mã đã sử dụng được giữ ổn định trong quá trình cập nhật Khung.

- **MT-x**: Mục tiêu, bài toán ưu tiên của Khung (Mục 3 Phần III).
 - **ND-x**: Nội dung cần hoàn thiện, là sai khác giữa hiện trạng và kiến trúc mục tiêu hoặc yêu cầu chuyển đổi cần xử lý (Mục 1 Phụ lục II).
 - **NV-x**: Nhiệm vụ chuyển đổi kiến trúc trong lộ trình triển khai (Mục 2 Phụ lục II). Ký hiệu "ND-x → NV-x" thể hiện nội dung cần hoàn thiện ND-x được xử lý thông qua nhiệm vụ NV-x.
 - **KPI-x**: Chỉ tiêu kiểm chứng kết quả của Khung (Mục 4 Phần X).
- KT-x, QG-x, LQ-x, QH-x**: Mã tham chiếu cục bộ trong Danh mục kiến trúc (Bộ dữ liệu kiến trúc), các mã này được quản lý, cập nhật trong Danh mục kiến trúc; không thay thế mã chính thức do cơ quan chủ quản công bố và mã định danh trên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS), trong đó:
- **KT-x**: Đối tượng kiến trúc do các cơ quan đảng quản lý (hạ tầng, hệ thống, nền tảng, dữ liệu, dịch vụ).
 - **QG-x**: Thành phần dùng chung cấp quốc gia, kể cả nền tảng số dùng chung quốc gia do cơ quan, đơn vị của Đảng chủ quản.
 - **LQ-x**: Thành phần tham chiếu do cơ quan khác quản lý.
 - **QH-x**: Quan hệ, kết nối chính.
- SĐ-x**: Mã sơ đồ kiến trúc, trong đó:
- **SĐ-CT-01** - mô hình khái quát của Khung.
 - **SĐ-CT-02** - các thành phần do các cơ quan đảng triển khai.
 - **SĐ-04** - sơ đồ nghiệp vụ và hệ thống hỗ trợ.
 - **SĐ-05** - sơ đồ dữ liệu và kết nối chủ yếu.
 - **SĐ-06** - sơ đồ triển khai và phạm vi quản lý.
 - **SĐ-07** - sơ đồ chuyển đổi hệ thống (lập khi có chuyển đổi lớn).
- Ký hiệu **SĐ-x.y** là sơ đồ chi tiết thuộc nhóm sơ đồ **SĐ-x**. Các sơ đồ được gọi tên, dẫn chiếu theo mã sơ đồ (không đánh số hình riêng) và được liệt kê tại Danh mục hình vẽ.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Các thuật ngữ đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực được hiểu và áp dụng theo văn bản đó; bảng dưới đây chỉ giải thích các thuật ngữ kiến trúc hoặc cách sử dụng thuật ngữ trong phạm vi Khung này.

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1.	Khung Kiến trúc số	Hồ sơ quản trị kiến trúc ở cấp tổng thể, là hợp phần của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg; gồm tài liệu Khung và bộ sơ đồ kiến trúc; xác định cấu trúc 4 lớp và 4 thành phần xuyên suốt, nguyên tắc, thành phần dùng chung và thành phần do các cơ quan đảng triển khai, quan hệ kết nối; thể hiện mối liên hệ giữa mục tiêu, hiện trạng kiến trúc số, kiến trúc số mục tiêu, nội dung cần hoàn thiện, nhiệm vụ, lộ trình chuyển đổi và cơ chế quản trị, đánh giá tuân thủ, cập nhật.
2.	Thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng	Thành phần do cơ quan đảng được giao chủ trì triển khai để nhiều cơ quan đảng cùng sử dụng; được xác định trong từng lớp của Khung.
3.	Nền tảng số	Năng lực kỹ thuật dùng chung cung cấp dịch vụ tích hợp, dữ liệu, định danh, xác thực, phân quyền, giám sát, trí tuệ nhân tạo và các dịch vụ nền tảng cho ứng dụng.
4.	Miền dữ liệu	Nhóm dữ liệu được xác định theo bản chất nghiệp vụ, chủ quản, phạm vi tạo lập, khai thác, chia sẻ và yêu cầu bảo vệ; không đồng nhất với một phần mềm hoặc cơ sở dữ liệu cụ thể.
5.	Dữ liệu chủ	Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dữ liệu; Khung này sử dụng thuật ngữ theo đúng nội hàm do văn bản có thẩm quyền quy định.
6.	Dữ liệu tham chiếu	Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dữ liệu; Khung này sử dụng thuật ngữ theo đúng nội hàm do văn bản có thẩm quyền quy định.
7.	Nguồn dữ liệu có thẩm quyền	Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dữ liệu; Khung này sử dụng thuật ngữ theo đúng nội hàm do văn bản có thẩm quyền quy định.

STT	Thuật ngữ	Giải thích
8.	Trạng thái vòng đời	Mức độ sẵn sàng của thành phần kiến trúc hoặc dịch vụ số, phản ánh phạm vi phục vụ, mức ổn định, năng lực, chất lượng dịch vụ và điều kiện sử dụng.
9.	Chênh lệch kiến trúc	Khoảng cách đã được nhận diện giữa kiến trúc hiện trạng với yêu cầu của Khung hoặc kiến trúc mục tiêu.
10.	Trường hợp đặc thù	Trường hợp chưa sử dụng thành phần dùng chung hoặc chưa đáp ứng yêu cầu kiến trúc, được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo Mục 3 Phần III Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, có thời hạn, có đánh giá rủi ro, kiểm soát bù, chủ thể chịu trách nhiệm và kế hoạch khắc phục.
11.	Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng	Hệ thống ứng dụng trọng yếu thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung, là nền tảng số dùng chung quốc gia do Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản (Phụ lục II Quyết định số 1425/QĐ-TTg), cung cấp các chức năng dùng chung để số hoá, xử lý, phối hợp và theo dõi các quy trình làm việc phổ biến trong các cơ quan đảng.
12.	Kênh tương tác số	Phương thức hoặc giao diện số làm điểm tiếp xúc giữa người dùng với ứng dụng, dữ liệu và dịch vụ số, cho phép người dùng truy cập, trao đổi, phản hồi và thực hiện nghiệp vụ theo vai trò, thẩm quyền. Email, nhắn tin, thông báo, trợ lý số và trợ lý trí tuệ nhân tạo là ứng dụng hoặc dịch vụ được truy cập thông qua kênh tương tác, không mặc nhiên được coi là kênh tương tác số.
13.	Lớp kiến trúc	Nhóm các thành phần kiến trúc có cùng bản chất và vai trò chủ yếu, được tổ chức để phân định phạm vi chức năng và trách nhiệm quản trị trong Khung. Các lớp có quan hệ tương tác, cung cấp năng lực, dữ liệu và dịch vụ cho nhau; không thể hiện quan hệ cấp trên, cấp dưới hoặc quan hệ sinh thành.

STT	Thuật ngữ	Giải thích
14.	Thành phần xuyên suốt	Thành phần áp dụng xuyên suốt đối với toàn bộ 4 lớp kiến trúc. Khung sử dụng 4 thành phần xuyên suốt theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg: Quản trị, điều phối và giám sát; Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung; Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First); Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric).
15.	Thành phần dùng chung	Thành phần kiến trúc được tổ chức để nhiều cơ quan, nhiều cấp hoặc nhiều nhóm nghiệp vụ cùng khai thác, sử dụng hoặc tái sử dụng theo phạm vi, thẩm quyền và điều kiện được công bố.
16.	Thành phần chuyên ngành, đặc thù	Thành phần kiến trúc phục vụ yêu cầu nghiệp vụ riêng của một ngành, lĩnh vực, cơ quan hoặc địa phương mà thành phần dùng chung chưa đáp ứng; phải tuân thủ Khung, ưu tiên tái sử dụng các thành phần dùng chung và bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo thẩm quyền.

I- QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khái niệm, mục đích và mối quan hệ

Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng, phiên bản 1.0 là hợp phần của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, nhằm định hướng thống nhất việc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu và sử dụng chung hạ tầng số, hệ thống số, hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số; bảo đảm an ninh mạng; nâng cao hiệu quả đầu tư, triển khai chuyển đổi số và chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan đảng; hướng tới đổi mới thực chất phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chuyển từ số hoá công việc sang lãnh đạo, chỉ đạo, dự báo, ra quyết định và kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu. Khung xác lập mô hình tổng thể, các nguyên tắc, yêu cầu cốt lõi, cơ chế quản trị và yêu cầu tuân thủ đối với các cơ quan, tổ chức đảng trên phạm vi toàn quốc.

Khung do Ban Bí thư ban hành và áp dụng thống nhất trong phạm vi các cơ quan đảng. Khung bám sát cấu trúc 4 lớp, 4 thành phần xuyên suốt của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, phiên bản 1.0; sử dụng Hình 3 và Hình 4, Mục 1 Phụ lục I Quyết định số 1425/QĐ-TTg, ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ xác định các lớp và thành phần của Khung. Việc sử dụng mô hình tham chiếu của cơ quan, tổ chức để đối chiếu cấu trúc và hồ sơ không làm thay đổi tính chất cấp hệ thống, có phạm vi áp dụng trong toàn quốc và thẩm quyền quản trị của Khung này.

Khung là căn cứ bắt buộc để rà soát, xây dựng, cập nhật, thẩm định, phê duyệt, triển khai, nghiệm thu, vận hành, nâng cấp, thay thế hoặc dừng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hạ tầng số, ứng dụng, kênh tương tác và nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số; bảo đảm liên thông, dùng chung, tái sử dụng, không đầu tư trùng lặp và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng bảo đảm phù hợp, tương thích, ánh xạ và liên thông với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung và Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia; đồng thời không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền nghiệp vụ, quyền quản lý nguồn dữ liệu có thẩm quyền, yêu cầu bảo vệ bí mật và trách nhiệm của các cơ quan đảng.

2. Phạm vi áp dụng

Khung áp dụng thống nhất đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, trong

phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; bao quát hệ thống, dữ liệu, nền tảng, hạ tầng và dịch vụ số do các chủ thể này là chủ quản hoặc được giao quản lý, triển khai. Việc một cơ quan đảng khai thác thành phần dùng chung do chủ thể khác quản lý không làm phát sinh quyền chủ quản hoặc quyền quyết định kiến trúc nội bộ đối với thành phần đó. Đối với tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị ngoài phạm vi quản lý trực tiếp của các cơ quan đảng, Khung được áp dụng bắt buộc tại giao diện, điểm kết nối, trao đổi dữ liệu và sử dụng thành phần dùng chung; các nội dung còn lại được tham chiếu theo thẩm quyền.

Các nhóm chủ thể, phạm vi áp dụng trực tiếp và phạm vi phối hợp, tham chiếu được xác định theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý thực tế như sau:

2.1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương: Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

2.2. Các đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của các đảng ủy trực thuộc Trung ương, gồm: Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương, các đảng ủy bộ, ngành Trung ương. Việc áp dụng Khung đối với các đảng ủy nêu tại Điểm này thực hiện theo Điểm 4.11 Mục này; hệ thống số của Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc Khung kiến trúc số tương ứng theo Mục 1 Phần II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

2.3. Các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp tỉnh: Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, Ban Tổ chức tỉnh ủy, thành ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, Ban Nội chính tỉnh ủy, thành ủy; trường chính trị tỉnh, thành ủy; cơ quan báo và phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh, thành phố.

2.4. Các đảng ủy xã, phường, đặc khu và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy xã, phường, gồm: Văn phòng, Ban Xây dựng Đảng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra đảng ủy; cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy đặc khu gồm Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra; trung tâm chính trị hoặc đơn vị sự nghiệp của đảng ủy cấp xã, phường, đặc khu.

2.5. Các cơ quan, đơn vị báo chí, truyền thông, xuất bản, lý luận, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận có liên

quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, gồm: Báo Nhân Dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Tạp chí Cộng sản, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có tính chất tương ứng. Việc xác định đơn vị thuộc phạm vi áp dụng trực tiếp hay chỉ có quan hệ phối hợp, liên thông phải căn cứ văn bản về chủ quản, chức năng, nhiệm vụ và quyết định phân công của cấp có thẩm quyền; không lấy việc Đảng lãnh đạo, chỉ đạo làm căn cứ để mặc nhiên nhận quyền quản lý hệ thống, dữ liệu hoặc hạ tầng của chủ thể khác. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc phạm vi áp dụng trực tiếp của Khung, thống nhất với Mục 3 Phụ lục I; việc kết nối với hệ thống thuộc Khung kiến trúc Chính phủ số thực hiện tại giao diện, điểm kết nối được phê duyệt.

2.6. Các tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam thuộc phạm vi Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương: Việc áp dụng Khung đối với các hệ thống, dữ liệu, kết nối thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu, công an, an ninh, trật tự phải tuân thủ đồng thời các quy định chuyên ngành, quy định bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, quân đội, công an và chỉ thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu theo cơ chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với tổ chức đảng trong Quân đội và Công an ở địa phương, việc áp dụng Khung và việc phối hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với tỉnh uỷ, thành uỷ trên địa bàn thực hiện theo phân cấp quản lý tổ chức đảng, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm yêu cầu bảo mật đặc thù của Quân đội, Công an.

3. Đối tượng sử dụng

Đối tượng sử dụng Khung gồm các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, tham mưu, tổng hợp, thẩm định, kiểm tra, giám sát, tổ chức triển khai, vận hành, bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, cung cấp dịch vụ số, khai thác dữ liệu và sử dụng hệ thống thông tin trong các cơ quan đảng.

Khung cũng được các đơn vị tư vấn, thiết kế, phát triển, tích hợp, cung cấp giải pháp, cung cấp dịch vụ hạ tầng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các tổ chức, cá nhân tham gia nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng sử dụng.

4. Nguyên tắc áp dụng

4.1. Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng là Khung kiến trúc số chung của hệ thống các cơ quan, tổ chức của Đảng trên phạm vi toàn quốc, do Ban Bí thư ban hành; không phải Khung riêng của một cơ quan, tổ chức đảng; bảo đảm tương thích, liên thông và được cập nhật, ánh xạ với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

4.2. Khung xác định mô hình, nguyên tắc, 4 lớp kiến trúc, 4 thành phần xuyên suốt và yêu cầu tuân thủ chung; nội dung cụ thể hoá theo cơ quan, ngành dọc, địa phương được thể hiện, dẫn chiếu trong Khung; nội dung kiến trúc của từng nhiệm vụ, dự án được thể hiện trong hồ sơ nhiệm vụ, dự án.

4.3. Mọi nhiệm vụ, dự án, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hạ tầng số và kênh tương tác phải được rà soát, đối chiếu với Khung và Danh mục kiến trúc tại các giai đoạn phù hợp của vòng đời; các hệ thống hiện có được kế thừa có đánh giá, không mặc nhiên được coi là phù hợp.

4.4. Việc phát triển mới các hệ thống phải ưu tiên sử dụng hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, ứng dụng và dịch vụ dùng chung đã được công bố sẵn sàng, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, chất lượng dịch vụ và bảo vệ; không đầu tư trùng lặp chức năng lõi.

4.5. Các quy trình tác nghiệp phổ biến và quy trình nội bộ phù hợp được ưu tiên rà soát, chuẩn hoá, số hoá thành ứng dụng trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng. Nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính của Đảng, theo dõi thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghiệp vụ chuyên ngành được thực hiện trên hệ thống đã được giao; kết nối, tái sử dụng chức năng dùng chung khi cần. Chỉ xây dựng hệ thống khác khi có căn cứ nghiệp vụ, dữ liệu, bảo vệ hoặc phạm vi cung cấp và thuộc thẩm quyền.

4.6. Nghiệp vụ, dữ liệu gốc, mã định danh, phân quyền và yêu cầu bảo vệ thuộc phạm vi các cơ quan đảng do cơ quan đảng có thẩm quyền quyết định. Việc sử dụng hạ tầng hoặc năng lực dùng chung theo địa bàn không được làm thay đổi thẩm quyền, làm sai lệch nguồn dữ liệu có thẩm quyền hoặc làm suy giảm mức độ bảo vệ.

4.7. Các cơ quan đảng được chủ động lựa chọn giải pháp, cấu hình, bổ sung thành phần đặc thù hoặc triển khai giải pháp chuyển tiếp trong phạm vi thẩm quyền, với điều kiện tuân thủ ranh giới kiến trúc, chuẩn dữ liệu, giao diện kết nối, yêu cầu an ninh mạng, mức dịch vụ và phương án hội tụ với thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng.

4.8. Các nhiệm vụ, dự án chưa phê duyệt thiết kế phải tuân thủ Khung. Nhiệm vụ, dự án đã phê duyệt nhưng chưa nghiệm thu phải được rà soát mức độ phù hợp, ảnh hưởng và phương án kế thừa, kết nối, điều chỉnh hoặc chuyển tiếp; không mặc nhiên đình chỉ dự án đã được phê duyệt và cũng không coi quyết định phê duyệt cũ là căn cứ miễn yêu cầu tuân thủ đang có hiệu lực. Việc điều chỉnh dự án, tài sản, hợp đồng thuộc thẩm quyền của cấp có thẩm quyền theo quy định. Hệ thống đang vận hành được kế thừa có đánh giá và phải xây dựng lộ trình chuẩn hoá, tích hợp, nâng cấp, hợp nhất, thay thế hoặc dừng theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Các kiến trúc số của cơ quan, địa phương đã được ban hành theo Quyết định số 333-QĐ/TW tiếp tục được áp dụng cho đến khi được rà soát, cập nhật theo Khung; trường hợp có nội dung không phù hợp với Khung thì thực hiện theo Khung.

4.9. Đối với hệ thống, dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nội chính, kiểm tra, giám sát, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, tài chính, tài sản Đảng, dữ liệu mật hoặc dữ liệu nhạy cảm, yêu cầu bảo vệ và tính liên tục của hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo được ưu tiên cao hơn yêu cầu tiện lợi hoặc mở rộng khai thác.

4.10. Đối với cơ quan, đơn vị có tính chất kép hoặc đồng thời thực hiện chức năng đảng và chức năng nhà nước hoặc Mặt trận Tổ quốc, Khung áp dụng đầy đủ đối với nghiệp vụ, dữ liệu, hệ thống và tài sản số thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đảng; áp dụng bắt buộc tại giao diện, điểm kết nối, trao đổi dữ liệu và phối hợp vận hành với hệ thống ngoài phạm vi quản lý trực tiếp.

4.11. Đối với Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các cơ quan tham mưu, giúp việc tương ứng, việc quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thuộc phạm vi các cơ quan đảng với các hệ thống thông tin số của hệ thống cơ quan tương ứng phải được phân định rõ theo chức năng, nhiệm vụ, chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu và thẩm quyền quản lý hệ thống; bảo đảm tuân thủ Khung này đồng thời phù hợp với kiến trúc, quy định và yêu cầu bảo vệ của cơ quan tương ứng. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu chỉ thực hiện theo thẩm quyền, qua giao diện hoặc điểm kết nối được phê duyệt, có phân quyền, xác thực, bảo mật và lưu vết; không làm thay đổi quyền quản lý nguồn dữ liệu có thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan liên quan. Công tác dân vận do Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương tham mưu theo Quyết định số 209-QĐ/TW, ngày 31/7/2026 của Bộ Chính trị: Nghiệp vụ, dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ công tác này được tổ chức, triển khai như các hệ thống thông tin khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức

chính trị - xã hội, theo kiến trúc số của hệ thống cơ quan tương ứng; không thuộc phạm vi nhiệm vụ, đầu tư chuyển đổi số của các cơ quan đảng. Khung này chỉ áp dụng tại giao diện, điểm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan đảng.

4.12. Về vị trí, Khung này được ban hành tập trung ở cấp hệ thống của toàn Đảng, áp dụng thống nhất đối với các cơ quan đảng; nội dung cụ thể hoá theo cơ quan, ngành dọc, địa phương được thể hiện, dẫn chiếu trong Khung. Không hình thành việc mỗi cơ quan, tổ chức đảng lập một Khung Kiến trúc số riêng.

4.13. Việc áp dụng Khung thực hiện phù hợp với quy định của Đảng và pháp luật có liên quan, trong đó có Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Lưu trữ, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Cơ yếu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

II- CĂN CỨ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÂN NHÓM NGHIỆP VỤ

1. Cơ sở để xây dựng Khung

Khung căn cứ các quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan thuộc phạm vi áp dụng; xác định đặc trưng nghiệp vụ, dữ liệu, quan hệ công tác, trách nhiệm quản lý và yêu cầu bảo vệ của từng nhóm cơ quan. Danh mục và trạng thái pháp lý của từng đơn vị được đối chiếu theo văn bản về tổ chức bộ máy còn hiệu lực.

2. Căn cứ phân nhóm theo bản chất tổ chức và nghiệp vụ

Việc phân nhóm các cơ quan đảng trong Khung Kiến trúc số căn cứ chủ yếu vào vị trí tổ chức, bản chất nghiệp vụ, phương thức thực hiện chức năng, loại dữ liệu phát sinh, loại hệ thống thông tin cần dùng và quan hệ công tác trong toàn hệ thống.

Việc phân nhóm nghiệp vụ trong Khung kế thừa 6 lĩnh vực nghiệp vụ chủ yếu đã được xác định trong Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0, đồng thời mở rộng, chuẩn hoá theo bản chất tổ chức, nghiệp vụ, dữ liệu và yêu cầu quản trị kiến trúc đối với các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, đảng uỷ bộ, ngành Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, cơ quan báo chí, truyền thông, xuất bản, lý luận, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận.

Theo cách tiếp cận này, các cơ quan đảng được phân nhóm như sau: Danh mục phân loại các nhóm cơ quan đảng phục vụ áp dụng Khung được quy định tại Phụ lục I của tài liệu này.

Các nhóm được trình bày theo bản chất nghiệp vụ; danh mục cơ quan tương ứng được tập trung tại Phụ lục I để tránh duy trì hai danh sách không thống nhất.

2.1. Nhóm đảng uỷ lãnh đạo, chỉ đạo

Đây là nhóm cơ quan có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan đồng cấp, tổ chức đảng trực thuộc và cấp dưới thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, vận động Nhân dân, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các nhiệm vụ chính trị theo phạm vi được phân công.

Đặc trưng nghiệp vụ của nhóm này là ban hành chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch; lãnh đạo, chỉ đạo, phân công, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; yêu cầu báo cáo; xử lý những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm, phát sinh; quyết định hoặc cho ý kiến về công tác tổ chức, cán bộ, tài chính, tài sản Đảng theo thẩm quyền. Nghiệp vụ chủ đạo của nhóm này gồm:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc và cấp dưới thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

b) Ban hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, chương trình, kế hoạch, kết luận và văn bản lãnh đạo, chỉ đạo theo thẩm quyền.

c) Chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.

d) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền.

đ) Quyết định hoặc cho ý kiến về tài chính, tài sản Đảng, chương trình công tác, chương trình kiểm tra, giám sát, công tác cán bộ và các vấn đề quan trọng theo thẩm quyền.

e) Yêu cầu báo cáo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Đối với nhóm các cấp uỷ, Khung Kiến trúc số cần ưu tiên các năng lực số phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; quản lý nghị quyết, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ; thông tin, báo cáo; Bảng thông tin điều hành (Dashboard); quản lý tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ; kiểm tra, giám sát; quản lý tài chính, tài sản Đảng; phân quyền theo cấp uỷ, vai trò, thẩm quyền và phạm vi quản lý.

2.2. Nhóm các cơ quan tham mưu, giúp việc

Đây là nhóm cơ quan có chức năng nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền về chủ trương, nghị quyết, quy định, chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ; tổ chức thực hiện hoặc phối hợp tổ chức thực hiện những nội dung đã tham mưu sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các cấp, cơ quan, tổ chức trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

Đặc trưng nghiệp vụ của nhóm này là nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu; xây dựng đề án, báo cáo, văn bản; thẩm định, thẩm tra, cho ý kiến đối với đề án, văn bản, nội dung trình cấp có thẩm quyền; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; hướng dẫn nghiệp vụ; tham gia, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan nhưng không nhất thiết là cơ quan chủ trì. Nghiệp vụ chủ đạo của nhóm này gồm:

a) Nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu, đề xuất chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, kế hoạch, đề án, báo cáo, văn bản.

b) Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp tổ chức thực hiện nội dung đã tham mưu sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các cấp, cơ quan, tổ chức trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

d) Thẩm định, thẩm tra, cho ý kiến đối với đề án, văn bản, báo cáo, nội dung trình cấp có thẩm quyền.

đ) Theo dõi tình hình, tổng hợp thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất; sơ kết, tổng kết; đề xuất xử lý vấn đề phát sinh.

e) Tham gia, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, nhưng không phải là cơ quan chủ trì đối với những nội dung đã được cấp có thẩm quyền phân công cho cơ quan khác chủ trì.

g) Quản lý dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành, chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức khai thác dữ liệu phục vụ tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo.

Đối với nhóm này, Khung Kiến trúc số cần ưu tiên các năng lực số phục vụ nghiên cứu, tham mưu, tổng hợp; quản lý văn bản, hồ sơ công việc, phiếu trình,

chương trình công tác; thẩm định, thẩm tra; theo dõi, đôn đốc nhiệm vụ; báo cáo, phân tích, dự báo; quản lý dữ liệu chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo ngành dọc; phân quyền theo lĩnh vực, cấp quản lý, hồ sơ công việc và mức độ mật của dữ liệu.

2.3. Nhóm cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận

Đây là nhóm cơ quan, đơn vị có chức năng chủ yếu về đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; nghiên cứu khoa học; tổng kết thực tiễn; phát triển lý luận; xây dựng, quản lý, khai thác tri thức, học liệu, kết quả nghiên cứu, cơ sở dữ liệu khoa học, dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng và các nguồn tri thức phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu của Đảng.

Đặc trưng nghiệp vụ của nhóm này là quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng; quản lý học viên, giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học; quản lý nhiệm vụ khoa học, đề tài, đề án, công bố, sản phẩm nghiên cứu; xây dựng kho học liệu, thư viện số, kho tri thức, dữ liệu tổng kết thực tiễn và cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển lý luận. Nghiệp vụ chủ đạo của nhóm này gồm:

a) Quản lý chương trình, kế hoạch, lớp học, học viên, giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học.

b) Quản lý đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; quản lý học liệu, giáo trình, bài giảng, chứng chỉ, kết quả học tập.

c) Quản lý nhiệm vụ khoa học, đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu, công bố khoa học, sáng chế, sản phẩm nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm khoa học.

d) Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu phát triển lý luận, xây dựng báo cáo khoa học, báo cáo tư vấn, báo cáo chuyên đề phục vụ tham mưu, hoạch định chính sách.

đ) Xây dựng, quản lý, khai thác thư viện số, kho học liệu, kho tri thức, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, cơ sở dữ liệu chuyên gia, cơ sở dữ liệu nhà khoa học.

e) Kết nối tri thức đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học với nhu cầu tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo, hoạch định chính sách của các cơ quan đảng.

Đối với nhóm này, Khung kiến trúc số cần ưu tiên các năng lực số phục vụ quản lý đào tạo, bồi dưỡng; quản lý nhiệm vụ khoa học; quản lý học liệu, thư viện số, kho tri thức; phân tích, khai thác dữ liệu nghiên cứu; kết nối dữ liệu nghiên cứu

với dữ liệu chính sách, chiến lược, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền học liệu, dữ liệu nghiên cứu và dữ liệu cá nhân của học viên, giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học.

2.4. Nhóm cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản của Đảng

Đây là nhóm cơ quan có chức năng chủ yếu về thông tin, tuyên truyền, báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tấn, xuất bản, truyền thông chính sách, định hướng dư luận xã hội, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, lan toả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đặc trưng nghiệp vụ của nhóm này là tổ chức quy trình sản xuất, biên tập, kiểm duyệt, phát sóng, đăng tải, phát hành, lưu trữ, khai thác và phân phối nội dung số; quản lý tác phẩm báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình, sản phẩm thông tấn, xuất bản phẩm; quản lý bản quyền, dữ liệu truyền thông, dữ liệu tương tác, dữ liệu dư luận; thiết lập cơ chế kiểm soát nội dung trên quy trình số trước khi phát sóng, đăng tải, phát hành theo thẩm quyền.

Nghệp vụ chủ đạo của nhóm này gồm:

- a) Tổ chức sản xuất, biên tập, kiểm duyệt, phát sóng, đăng tải, phát hành, lưu trữ và phân phối nội dung số.
- b) Quản lý tin, bài, ảnh, video, âm thanh, chương trình phát thanh, truyền hình, sản phẩm thông tấn, xuất bản phẩm, dữ liệu truyền thông và dữ liệu tác nghiệp.
- c) Tổ chức truyền thông đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- d) Quản lý quy trình phê duyệt nội dung, phân quyền biên tập, kiểm duyệt, xuất bản, phát sóng, đăng tải theo thẩm quyền.
- đ) Quản lý dữ liệu người dùng, dữ liệu tương tác, dữ liệu dư luận, dữ liệu phân phối nội dung, dữ liệu bản quyền, dữ liệu lưu chiếu và dữ liệu lưu trữ nội dung.
- e) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, đa nền tảng truyền thông trong sản xuất, phân phối, giám sát và đánh giá hiệu quả nội dung.

Việc phân nhóm theo bản chất nghiệp vụ nêu trên là cơ sở để xác định miền dữ liệu, hệ thống thông tin, Nền tảng số, kênh tương tác, mô hình phân quyền, yêu

cầu an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và cơ chế quản trị, điều hành phù hợp với từng nhóm cơ quan. Trong Khung kiến trúc số, khái niệm "năng lực nghiệp vụ" được hiểu là các nhóm năng lực số cần được thiết kế, chuẩn hoá và hỗ trợ bằng hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, ứng dụng và kênh tương tác tương ứng với nghiệp vụ chủ đạo của từng nhóm cơ quan, không phải là tiêu chí độc lập để phân loại cơ quan.

Đối với nhóm này, Khung Kiến trúc số cần ưu tiên các năng lực số phục vụ quản trị toà soạn số, quản trị nội dung số, quản lý phát sóng, xuất bản, phân phối đa kênh, lưu trữ số, phân tích dữ liệu truyền thông, quản lý bản quyền, đặc biệt là kiểm soát nội dung trước khi phát sóng, đăng tải, phát hành; đồng thời bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu người dùng, bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác và ngăn chặn việc phát tán các nội dung không phù hợp hoặc trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Mô hình tổng quan các cấp, khối cơ quan và luồng nghiệp vụ, dữ liệu chủ yếu

Khung Kiến trúc số sử dụng mô hình tổng quan hệ thống theo 03 cấp và 4 khối để phản ánh đúng đặc thù tổ chức, quan hệ công tác và luồng dữ liệu trong hệ thống cơ quan đảng. Ba cấp gồm: Cấp Trung ương; cấp tỉnh; cấp xã. Bốn khối gồm: Khối cấp uỷ; khối tham mưu, giúp việc; khối cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận; khối cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản của Đảng.

Mô hình thể hiện các quan hệ nghiệp vụ chủ yếu: Lãnh đạo, chỉ đạo từ trên xuống; tham mưu, tổng hợp, báo cáo từ dưới lên; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát theo ngành dọc; phối hợp ngang giữa các cơ quan cùng cấp; khai thác hạ tầng, nền tảng, dữ liệu, dịch vụ số dùng chung theo thẩm quyền. Đồng thời, mô hình làm rõ các luồng dữ liệu chính gồm dữ liệu chỉ đạo, điều hành; dữ liệu báo cáo, tổng hợp; dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành; dữ liệu phát sinh tại địa phương, cơ quan, đơn vị; dữ liệu dùng chung; dữ liệu phân tích, dự báo, Bảng thông tin điều hành, trợ lý số, trợ lý trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo khác.

Mô hình này là căn cứ để thiết kế các lớp kiến trúc, xác định miền dữ liệu, ứng dụng nghiệp vụ, nền tảng dùng chung, kênh tương tác, mô hình phân quyền, trách nhiệm chủ quản nghiệp vụ và dữ liệu, trách nhiệm cập nhật dữ liệu, cơ chế tích hợp, chia sẻ dữ liệu và yêu cầu an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ Khung.

MÔ HÌNH TỔNG QUAN MỐI QUAN HỆ CỦA HỆ THỐNG ĐẢNG

LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Khối cấp ủy, đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư
- Các đảng ủy trực thuộc Trung ương: Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương
- Đảng ủy bộ, ngành, cơ quan thuộc Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội

2. Khối cơ quan tham mưu, giúp việc

- Văn phòng Trung ương Đảng: Ban Tổ chức Trung ương, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược, Trung ương
- Cơ quan tham mưu, giúp việc của các đảng ủy trực thuộc Trung ương, đảng ủy bộ, ngành, cơ quan

3. Khối cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
- Tạp chí Cộng sản

4. Khối cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản

- Báo Nhân Dân
- Đài Tiếng nói Việt Nam
- Đài Truyền hình Việt Nam
- Thông tấn xã Việt Nam
- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát theo ngành, đọc

Tham mưu, tổng hợp, báo cáo

CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

Lãnh đạo, chỉ đạo

1. Khối cấp ủy, đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo

- Tỉnh ủy, thành ủy

2. Khối cơ quan tham mưu, giúp việc

- Văn phòng: Ban Tổ chức; Cơ quan Ủy ban Kiểm tra; Ban Tuyên giáo; Ban Nội chính tỉnh ủy, thành ủy

3. Khối cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận

- Trường chính trị tỉnh, thành phố

4. Khối cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản

- Cơ quan báo và phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh, thành phố

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát theo ngành, đọc

Lãnh đạo, chỉ đạo

CẤP XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

1. Khối cấp ủy, đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo

- Đảng ủy xã, phường, đặc khu

2. Khối cơ quan tham mưu, giúp việc

- Văn phòng: Ban Xây dựng Đảng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra đảng ủy xã, phường, đặc khu; Văn phòng: Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra

3. Khối cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận

- Trung tâm chính trị hoặc đơn vị sự nghiệp của đảng ủy xã, phường, đặc khu

4. Khối cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản

- Không tổ chức riêng

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát theo ngành, đọc

Tham mưu, tổng hợp, báo cáo

THAM MƯU, TỔNG HỢP, BÁO CÁO

Khai thác hạ tầng, nền tảng, dữ liệu, dịch vụ số dùng chung theo thẩm quyền

LƯỒNG DỮ LIỆU CHỦ YẾU

Dữ liệu chỉ đạo, điều hành

Dữ liệu báo cáo, tổng hợp

Dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành

Dữ liệu phát sinh tại địa phương, cơ quan, đơn vị

Dữ liệu dùng chung

Dữ liệu phân tích, dự báo, Bảng thông tin điều hành, trợ lý số, trợ lý tư duy phân tạo

SD-04. Mô hình tổng quan mối quan hệ của hệ thống Đảng

4. Mô hình nghiệp vụ của các cơ quan đảng

Mô hình nghiệp vụ của các cơ quan đảng được tổ chức theo 3 cấp: Miền nghiệp vụ, nhóm nghiệp vụ và loại nghiệp vụ. Miền nghiệp vụ được xác định theo lĩnh vực công tác của Đảng, kế thừa 6 lĩnh vực nghiệp vụ chủ yếu của Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0 và bổ sung các lĩnh vực của đơn vị sự nghiệp; nhóm nghiệp vụ là các nghiệp vụ chủ đạo trong từng miền; loại nghiệp vụ xác định phương thức hỗ trợ bằng thành phần kiến trúc, gồm: (1) Nghiệp vụ tác nghiệp dùng chung (văn bản, hồ sơ công việc, trình ký, lịch, họp, quy trình nội bộ). (2) Nghiệp vụ chuyên ngành theo ngành dọc. (3) Thủ tục hành chính của Đảng. (4) Nghiệp vụ hỗ trợ nội bộ.

STT	Miền nghiệp vụ	Nhóm nghiệp vụ chủ yếu	Loại nghiệp vụ	Chủ quản nghiệp vụ	Dữ liệu, ứng dụng tương ứng
1	Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, đảng uỷ	Ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình công tác; theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện; tổng hợp, báo cáo	Chuyên ngành; tác nghiệp dùng chung	Cấp uỷ, đảng uỷ các cấp; Văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng cấp uỷ tham mưu	Miền dữ liệu: Điểm b Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Mục 2.2, Mục 2.4.1 Phần VII
2	Văn phòng cấp uỷ	Văn thư, lưu trữ, hồ sơ công việc; tổng hợp, tham mưu; tài chính, tài sản, đầu tư, mua sắm của Đảng	Tác nghiệp dùng chung; chuyên ngành; thủ tục hành chính; hỗ trợ nội bộ	Văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng cấp uỷ các cấp	Miền dữ liệu: Điểm c, i Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm a, g Mục 2.3 và Mục 2.4 Phần VII
3	Tổ chức xây dựng Đảng	Tổ chức bộ máy, biên chế; tổ chức đảng; cán bộ; đảng viên; bảo vệ chính trị nội bộ	Chuyên ngành	Ban Tổ chức Trung ương, ban tổ chức cấp uỷ	Miền dữ liệu: Điểm d Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm b Mục 2.3 Phần VII
4	Kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng	Chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; thi hành kỷ luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Đảng	Chuyên ngành	Cơ quan uỷ ban kiểm tra các cấp	Miền dữ liệu: Điểm đ Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm c Mục 2.3 Phần VII

STT	Miền nghiệp vụ	Nhóm nghiệp vụ chủ yếu	Loại nghiệp vụ	Chủ quản nghiệp vụ	Dữ liệu, ứng dụng tương ứng
5	Tuyên giáo	Tuyên truyền, học tập nghị quyết; lý luận chính trị; nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	Chuyên ngành	Ban Tuyên giáo Trung ương, ban tuyên giáo cấp uỷ	Miền dữ liệu: Điểm e Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm d Mục 2.3 Phần VII
6	Nội chính	Nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cải cách tư pháp; tiếp công dân, xử lý đơn, thư	Chuyên ngành	Ban Nội chính Trung ương, ban nội chính cấp uỷ	Miền dữ liệu: Điểm g Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm đ Mục 2.3 Phần VII
7	Chính sách, chiến lược	Nghiên cứu, tham mưu, thẩm định, thẩm tra, dự báo chính sách, chiến lược, kinh tế - xã hội	Chuyên ngành	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Miền dữ liệu: Điểm h Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm e Mục 2.3 Phần VII
8	Cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận	Chương trình, lớp học, học viên, giảng viên; nhiệm vụ khoa học; kho tri thức, học liệu	Chuyên ngành (đơn vị sự nghiệp)	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các Viện Hàn lâm, Tạp chí Cộng sản, trường chính trị	Miền dữ liệu: Điểm k, l Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm k, l Mục 2.3 Phần VII
9	Cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản của Đảng	Sản xuất, biên tập, kiểm duyệt, phát sóng, phát hành nội dung; bản quyền; phân tích hiệu quả nội dung	Chuyên ngành (đơn vị sự nghiệp)	Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản của Đảng	Miền dữ liệu: Điểm m Mục 2.2 Phần VI. Ứng dụng: Điểm h, i Mục 2.3 Phần VII

Quy trình nghiệp vụ cụ thể do cơ quan chủ quản nghiệp vụ rà soát, chuẩn hoá, đơn giản hoá, được thực thi trên môi trường số, sử dụng năng lực của thành phần nền tảng lõi (Mục 3 Phần VI); danh mục miền, nhóm, loại nghiệp vụ và quy trình nghiệp vụ được cập nhật vào Danh mục kiến trúc và là căn cứ xác định dữ liệu, ứng dụng, nền tảng tương ứng.

III- PHƯƠNG PHÁP LUẬN, NGUYÊN TẮC KIẾN TRÚC, MỤC TIÊU, BÀI TOÁN ƯU TIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ ĐỐI CHIẾU

1. Phương pháp luận

Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng được xây dựng theo phương pháp luận quy định tại Mục 3 Phần I Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, vận dụng phù hợp với đặc thù của các cơ quan đảng, gồm:

- Định hướng từ trên xuống (Top-down): Xuất phát từ chủ trương của Đảng về chuyển đổi số, các nguyên tắc cốt lõi của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan đảng.

- Kế thừa từ dưới lên (Bottom-up): Rà soát thực trạng hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng; kế thừa Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0 để bảo đảm tính khả thi và phù hợp.

- Thiết kế theo lớp (Layered): Tổ chức theo 4 lớp và 4 thành phần xuyên suốt của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, phù hợp với mô hình phân lớp tại Quy định số 05-QĐ/BCĐTW.

- Liên thông, tích hợp và đồng bộ: Bảo đảm các hệ thống được kết nối, tích hợp, chia sẻ và khai thác thống nhất; thực hiện nguyên tắc "khai báo một lần, sử dụng nhiều lần"; phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung và Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia.

- Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric): Dữ liệu là tài sản chiến lược; quy trình nghiệp vụ và hoạt động chỉ đạo, điều hành được thiết kế theo hướng quản trị, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu thống nhất.

- Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First): Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ phân tích, dự báo, tự động hoá và ra quyết định; bảo đảm quản trị, giám sát, giải trình và kiểm soát rủi ro trong toàn bộ vòng đời của hệ thống AI.

- Phát huy lợi thế của quốc gia đi sau: Lựa chọn, kế thừa có chọn lọc các mô hình kiến trúc, công nghệ và kinh nghiệm quốc tế tiên tiến; tận dụng các công nghệ số mới để rút ngắn lộ trình, tránh đầu tư trùng lặp và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Phương pháp luận này bảo đảm việc xây dựng Khung xuất phát từ căn cứ chính trị, pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, yêu cầu nghiệp vụ và hiện trạng chuyển đổi số của các cơ quan đảng; đồng thời xác định kiến trúc mục tiêu, khoảng cách kiến trúc, lộ trình chuyển đổi, cơ chế quản trị tuân thủ và quản lý vòng đời kiến trúc.

Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng kế thừa Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, phiên bản 3.0 do Ban Bí thư ban hành (Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 24/6/2025); đồng thời cập nhật, chuẩn hoá và phát triển thành Khung kiến trúc số theo mô hình 4 lớp và 4 thành phần xuyên suốt của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, phù hợp với yêu cầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Chương trình cải cách hành chính trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030 và yêu cầu quản trị, tiêu chuẩn hoá, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu trong giai đoạn mới.

Kiến trúc mục tiêu xác định trạng thái kiến trúc cần đạt của các cơ quan đảng theo Khung, trên cơ sở mô hình 4 lớp, 4 thành phần xuyên suốt, nguyên tắc kiến trúc và các yêu cầu quản trị, dữ liệu, ứng dụng, nền tảng, hạ tầng, kênh tương tác, đo lường hiệu quả, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu. Kiến trúc mục tiêu là trạng thái đích ở cấp Khung, không phải mô tả hiện trạng triển khai tại một thời điểm cụ thể.

Phần IV đến Phần IX của Khung mô tả kiến trúc mục tiêu ở cấp định hướng tổng thể. Trong đó, Phần IV xác lập mô hình tổng thể và ranh giới các nhóm thành phần; Phần V đến Phần VIII cụ thể hoá kiến trúc mục tiêu theo từng lớp; Phần IX quy định 4 thành phần xuyên suốt; Mục 5 Phần IX cụ thể hoá yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu thuộc thành phần xuyên suốt Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung, áp dụng đối với kiến trúc mục tiêu. Các sơ đồ, bảng và danh mục tại các phần này được quản lý thống nhất là mô tả trạng thái mục tiêu, trừ nội dung được ghi rõ là hiện trạng, chuyển tiếp hoặc trường hợp đặc thù.

Kiến trúc hiện trạng, kiến trúc mục tiêu, kết quả phân tích khoảng cách và phương án hoàn thiện/lộ trình chuyển đổi phải được xác định, quản lý và trình bày tách biệt; không sử dụng nội dung mô tả hiện trạng để thay cho yêu cầu kiến trúc mục tiêu và không đưa nhiệm vụ, dự án dự kiến vào phần mô tả hiện trạng. Mọi phương án hoàn thiện và nhiệm vụ chuyển đổi phải truy vết được từ khoảng cách đã nhận diện và gắn với chủ thể chịu trách nhiệm, sản phẩm đầu ra, thứ tự ưu tiên, mốc thời gian và tiêu chí đánh giá.

2. Nguyên tắc kiến trúc

Nguyên tắc kiến trúc là các căn cứ định hướng có tính ràng buộc trong xây dựng, cập nhật, thẩm định, triển khai, vận hành và giám sát tuân thủ Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng; đồng thời là cơ sở để xây dựng các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trong phạm vi các cơ quan đảng.

Các nguyên tắc kiến trúc của Khung được xác định trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng; bám sát chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, phương

thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và đặc thù nghiệp vụ của các cơ quan đảng; kế thừa các kết quả đã có; lấy nghiệp vụ làm điểm xuất phát, dữ liệu là tài sản chiến lược và trung tâm kết nối các lớp kiến trúc; ưu tiên dùng chung, liên thông, tái sử dụng, tránh trùng lặp; bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu ngay từ thiết kế; đồng thời cho phép linh hoạt, sáng tạo, bổ sung có kiểm soát để đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng cơ quan, địa phương.

Khung Kiến trúc số là cơ sở để triển khai đồng bộ các chủ trương, chương trình, đề án của Đảng về chuyển đổi số, cải cách hành chính và các nhiệm vụ có liên quan, bảo đảm không trùng lặp; hướng tới nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, tổ chức đảng và cơ quan đảng các cấp; đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát trên cơ sở dữ liệu.

2.1. Các nguyên tắc cốt lõi

Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng kế thừa đầy đủ 7 nguyên tắc cốt lõi tại Mục 2.1 Phần II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, gồm:

- Nguyên tắc 1. Quản trị trên cơ sở định lượng, đo lường và kiểm chứng được kết quả.
- Nguyên tắc 2. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.
- Nguyên tắc 3. Vận hành thông minh và tự động hoá trên cơ sở ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First).
- Nguyên tắc 4. Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ trên nền tảng số.
- Nguyên tắc 5. Lấy người dùng làm trung tâm với hệ sinh thái dịch vụ hợp nhất.
- Nguyên tắc 6. Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư là yêu cầu tiên quyết, xuyên suốt.
- Nguyên tắc 7. Thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đổi mới sáng tạo.

Việc tuân thủ, bảo đảm phù hợp với 7 nguyên tắc cốt lõi được thể hiện trong Khung như sau: Nguyên tắc 1 - chỉ tiêu định lượng tại Mục 4 Phần X, Bộ chỉ số KPI tại Mục 3.3 Phần VIII và đánh giá tuân thủ tại Mục 1.5 Phần IX; Nguyên tắc 2 - dữ liệu được chia sẻ theo thời gian thực, thu thập tự động phục vụ Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành (Mục 2.2 Phần VII) và các Bảng thông tin

điều hành (Mục 3.2 Phần VIII); Nguyên tắc 3 - thành phần xuyên suốt AI First (Mục 3 Phần IX), Nền tảng AI của các cơ quan đảng (Mục 2.5 Phần VII); Nguyên tắc 4 - phân vai chủ quản nghiệp vụ, dữ liệu và quản trị động phạm vi dùng chung giữa Trung ương và địa phương (Mục 1.3, 1.7 Phần IX); Nguyên tắc 5 - Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả, Bàn làm việc số, Cổng ứng dụng (Mục 2 Phần VIII); Nguyên tắc 6 - thành phần An ninh mạng (Mục 3 Phần V, Mục 5 Phần IX) và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước; Nguyên tắc 7 - dữ liệu mở, trách nhiệm giải trình, truy vết dữ liệu (Mục 2.6 Phần VI, Mục 1.4 Phần IX).

Việc bảo đảm phù hợp với 3 trụ cột dữ liệu quốc gia (Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia; Từ điển dữ liệu dùng chung ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ) được thực hiện thông qua Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0, Khung quản trị, quản lý dữ liệu phiên bản 1.0 và Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng (Điểm d Mục 2.4 Phần VI) - được xây dựng trên cơ sở kế thừa 3 trụ cột này; qua đó bảo đảm tài sản dữ liệu của các cơ quan đảng có khả năng kết nối, chia sẻ, kế thừa và tích hợp thông suốt trong toàn bộ hệ thống chính trị.

2.2. Các nguyên tắc và yêu cầu về thiết kế, triển khai, quản trị và bảo đảm nguồn lực

Các nguyên tắc và yêu cầu tại Mục 2.2 Phần II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (kế thừa và áp dụng thống nhất các khung, công cụ chuyên ngành; vận hành; thiết kế; đồng bộ với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; dữ liệu chủ thống nhất; quản trị và giám sát tuân thủ kiến trúc; đồng bộ với Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia; nguồn lực và đầu tư) được cụ thể hoá trong các cơ quan đảng như sau:

2.2.1. Thống nhất, kế thừa, tuân thủ và phát triển có kiểm soát

Kiến trúc số phải thống nhất với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của Trung ương, pháp luật của Nhà nước, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và các quy định có liên quan; đồng thời kế thừa có đánh giá các kết quả đã đầu tư. Hệ thống hiện có không mặc nhiên được coi là phù hợp; các nội dung chưa đáp ứng phải được xác định, quản lý rủi ro và xử lý theo lộ trình. Mọi thay đổi lớn phải được đánh giá tác động kiến trúc, kiểm soát phiên bản và phê duyệt theo thẩm quyền. Kết quả triển khai, mức độ tuân thủ kiến trúc và tình trạng vận hành các thành phần kiến trúc số được theo dõi, cập nhật, quản lý thống nhất thông qua Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS) theo quy định khi Hệ thống được triển khai và có hướng dẫn kỹ thuật.

2.2.2. Nghiệp vụ, kết quả và người dùng dẫn dắt

Kiến trúc phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, năng lực nghiệp vụ, kết quả cần đạt và nhu cầu của người sử dụng; không lấy danh mục phần mềm, công nghệ hoặc dự án riêng lẻ làm điểm xuất phát. Quy trình phải được rà soát, chuẩn hoá, đơn giản hoá và tái cấu trúc trước khi số hoá; không số hoá nguyên trạng quy trình bất hợp lý. Dịch vụ số và kênh tương tác phải dễ sử dụng, thống nhất, đa nền tảng và bảo đảm khả năng tiếp cận đối với các nhóm người dùng. Việc xây dựng, điều chỉnh hệ thống phải liên kết chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền với quy trình, dữ liệu, ứng dụng và trách nhiệm của từng vị trí tham gia xử lý công việc; đồng thời phục vụ hoàn thiện cách tổ chức công việc, không chỉ chuyển thao tác từ giấy sang môi trường số.

2.2.3. Dữ liệu là tài sản chiến lược, được quản trị thống nhất và khai thác theo thẩm quyền

Dữ liệu là tài sản chiến lược và là trung tâm kết nối các lớp kiến trúc; phải xác định rõ chủ quản, nguồn dữ liệu có thẩm quyền, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, tiêu chuẩn, chất lượng, siêu dữ liệu, phạm vi khai thác, mức độ bảo vệ và vòng đời dữ liệu. Dữ liệu phải được tạo lập một lần tại nguồn có thẩm quyền, bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, đáp ứng yêu cầu chia sẻ và tái sử dụng theo phân quyền. Dữ liệu công khai, không nhạy cảm và được phê duyệt cho phép cung cấp dưới dạng dữ liệu mở; các dữ liệu khác chỉ được chia sẻ có kiểm soát. Ưu tiên chia sẻ dữ liệu phát sinh trên các hệ thống dùng chung theo giao diện lập trình ứng dụng cho các cơ quan chủ quản dữ liệu để làm gia tăng giá trị dữ liệu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Việc xây dựng, phát triển hệ thống số, cơ sở dữ liệu và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung; dữ liệu chủ được kết nối, đồng bộ, khai thác thống nhất thông qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia.

2.2.4. Dùng chung và tái sử dụng là mặc định, đặc thù được phát triển có kiểm soát

Kiến trúc được xây dựng thống nhất và thực hiện thống nhất; dùng chung tối đa, kế thừa tối đa, không xây dựng trùng lặp. Ưu tiên sử dụng, cấu hình, mở rộng và tái sử dụng hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, ứng dụng và dịch vụ dùng chung; không đầu tư trùng lặp thành phần đã được công bố sẵn sàng và đáp ứng yêu cầu. Cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ được chủ động phát triển thành

phần đặc thù, giải pháp bổ sung hoặc chuyển tiếp khi thành phần dùng chung chưa đáp ứng, nhưng phải tuân thủ chuẩn dữ liệu, kết nối, phân quyền, bảo vệ và có phương án tích hợp, chuyển đổi hoặc hội tụ. Ranh giới giữa phần dùng chung và đặc thù được quản lý động theo trạng thái vòng đời, mức dịch vụ và vòng đời sản phẩm số.

2.2.5. Kiến trúc mở, mô-đun, hướng dịch vụ và liên thông theo tiêu chuẩn

Hệ thống phải được thiết kế mở, theo mô-đun, hướng dịch vụ, ưu tiên giao diện lập trình ứng dụng ngay từ đầu và sử dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn thống nhất. Các thành phần phải có khả năng kết nối, tích hợp, tái sử dụng, mở rộng, thay thế, di chuyển dữ liệu và chuyển đổi nhà cung cấp. Việc liên thông, chia sẻ dữ liệu phải đúng mục đích, thẩm quyền và phân loại dữ liệu; được xác thực, phân quyền, mã hoá, lưu vết và giám sát.

2.2.6. Hạ tầng số dùng chung, linh hoạt và có khả năng phục hồi

Hạ tầng số phải được quy hoạch, đầu tư, quản lý và vận hành thống nhất, ưu tiên dùng chung, có khả năng mở rộng, giám sát, dự phòng và phục hồi. Việc lựa chọn hạ tầng tập trung, phân tán, tại chỗ hoặc điện toán đám mây phải căn cứ vào nghiệp vụ, phân loại dữ liệu, vùng tin cậy, hiệu năng, độ trễ, tính liên tục và tổng chi phí vòng đời; không tập trung hoặc phân tán một cách cơ học.

2.2.7. An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu ngay từ thiết kế

Yêu cầu bảo vệ phải được tích hợp trong toàn bộ vòng đời của hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, ứng dụng, kênh tương tác và kết nối. Mọi thành phần phải được phân loại, phân miền, kiểm soát truy cập theo nguyên tắc tối thiểu cần thiết; áp dụng xác thực, mật mã, cơ yếu, mã hoá, lưu vết, giám sát, kiểm thử, dự phòng, phục hồi và ứng cứu sự cố phù hợp. Việc dùng chung không được làm giảm mức độ bảo vệ hoặc làm thay đổi thẩm quyền quản lý dữ liệu. Thiết kế an ninh mạng bảo đảm đồng bộ với Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia theo các nguyên tắc Phòng thủ chiều sâu (Defense-in-Depth), Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric), Phòng vệ chủ động (Active Defense); tích hợp yêu cầu an ninh mạng (Security by Design), bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư (Privacy by Design) ngay từ giai đoạn thiết kế.

2.2.8. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ chiến lược an toàn, có trách nhiệm và hiệu quả

Ưu tiên xem xét ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ và sản phẩm công nghệ chiến lược khi phù hợp với nhu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, kiến trúc, yêu cầu bảo

vệ và khả năng làm chủ. Trí tuệ nhân tạo phải được quản trị trong toàn bộ vòng đời, kiểm soát dữ liệu huấn luyện, dữ liệu đầu vào, câu lệnh, đầu ra, mô hình, phiên bản, sai lệch, nhật ký và khả năng truy vết; chỉ hỗ trợ, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của con người. Công nghệ mới được thử nghiệm có kiểm soát trước khi triển khai rộng, không lựa chọn theo phong trào hoặc phụ thuộc không kiểm soát vào nhà cung cấp.

2.2.9. Phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm và trách nhiệm giải trình

Mỗi quyết định về kiến trúc, nghiệp vụ, dữ liệu, dịch vụ, hệ thống, vận hành và bảo vệ phải có một chủ thể chịu trách nhiệm cuối cùng; đồng thời phân định rõ chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, chủ dịch vụ, đơn vị vận hành, cơ quan bảo đảm an toàn và cơ quan đánh giá. Phân cấp, phân quyền phải gắn với trách nhiệm tạo lập, cập nhật, bảo đảm chất lượng dữ liệu và khả năng giám sát bằng dữ liệu. Trường hợp đặc thù phải có lý do, đánh giá rủi ro, kiểm soát bù, thời hạn và kế hoạch khắc phục. Dữ liệu về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, cán bộ, đảng viên từ nguồn có thẩm quyền là căn cứ thống nhất cho quy trình nghiệp vụ và phân quyền trên các hệ thống. Khi tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ hoặc thẩm quyền thay đổi, dữ liệu, quy trình, trách nhiệm xử lý và quyền truy cập được cập nhật đồng bộ theo thời điểm có hiệu lực của quyết định có liên quan, có lưu lịch sử; bảo đảm hoạt động liên tục và có thể kiểm tra, đối chiếu quá trình xử lý.

2.2.10. Quản trị đầu tư theo kiến trúc, đo lường kết quả và quản lý toàn bộ vòng đời

Kiến trúc số là công cụ quản trị đầu tư chuyển đổi số, làm căn cứ xác định khoảng cách, lựa chọn nhiệm vụ, sắp xếp thứ tự ưu tiên, bố trí nguồn lực và kiểm soát đầu tư trùng lặp. Mỗi nhiệm vụ, dự án phải chứng minh sự phù hợp với kiến trúc mục tiêu, năng lực cần hình thành và giá trị dự kiến mang lại. Kết quả triển khai phải được đo lường bằng các chỉ số về nghiệp vụ, mức độ sử dụng, trải nghiệm người dùng, chất lượng dữ liệu, mức dịch vụ, an toàn và hiệu quả đầu tư. Các thành phần kiến trúc phải được quản lý từ khi hình thành, phát triển, vận hành, thay đổi, nâng cấp đến hợp nhất, thay thế hoặc dừng sử dụng.

Các nguyên tắc tại Mục 2.2 nêu trên cụ thể hoá trực tiếp các nguyên tắc cốt lõi tại Mục 2.1 và các nguyên tắc, yêu cầu tại Mục 2.2 Phần II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số phù hợp với phạm vi các cơ quan đảng; không hình thành một hệ nguyên tắc tách biệt hoặc cần quy đổi riêng. Cụ thể (theo các điểm, nguyên tắc tại Mục 2 Phần II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số): Mục 2.2.1 cụ thể hoá

Điểm a, e; Mục 2.2.2 cụ thể hoá Điểm b, c và Nguyên tắc 1, Nguyên tắc 5; Mục 2.2.3 cụ thể hoá Điểm d, đ và Nguyên tắc 2, Nguyên tắc 7; Mục 2.2.4 cụ thể hoá Điểm b, h; Mục 2.2.5 cụ thể hoá Điểm c (API First, Modular Design, Open Standard); Mục 2.2.6 cụ thể hoá Điểm c (Cloud First); Mục 2.2.7 cụ thể hoá Điểm c (Security by Design, Privacy by Design), Điểm g và Nguyên tắc 6; Mục 2.2.8 cụ thể hoá Điểm c (AI First, AI Governance by Design) và Nguyên tắc 3; Mục 2.2.9 cụ thể hoá Nguyên tắc 4; Mục 2.2.10 cụ thể hoá Điểm h và Nguyên tắc 1.

2.3. Nguyên tắc triển khai

Các nguyên tắc dưới đây cụ thể hoá các nguyên tắc tại Mục 2.1, Mục 2.2 Phần này trong xây dựng, phát triển, vận hành và nghiệm thu hệ thống; bắt buộc áp dụng đối với nhiệm vụ, dự án đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng; hệ thống đang vận hành áp dụng theo lộ trình tại Phần X. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các nguyên tắc được quy định trong bộ tiêu chí đánh giá tuân thủ theo Mục 1.5 Phần IX.

2.3.1. Tuân thủ kiến trúc được kiểm tra bằng công cụ

Các chuẩn về kiến trúc, dữ liệu, kết nối và an ninh mạng được đưa vào công cụ kiểm tra tự động trong quá trình phát triển, triển khai phần mềm. Phần mềm và các thay đổi phần mềm chỉ được đưa vào vận hành khi kết quả kiểm tra đạt yêu cầu. Trường hợp đặc thù chưa đáp ứng thực hiện theo Mục 2.2.9 Phần này.

2.3.2. Xây dựng, vận hành trên nền tảng dùng chung

Ứng dụng, dịch vụ do cơ quan đảng đầu tư xây dựng được xây dựng, triển khai và vận hành trên hạ tầng, nền tảng dùng chung, sử dụng các chức năng dùng chung về định danh, phân quyền, ghi nhật ký, đo lường và trao đổi dữ liệu. Không đầu tư riêng cho từng hệ thống các hạ tầng, công cụ, chức năng có tính chất dùng chung; hệ thống chuyên ngành chỉ phát triển chức năng nghiệp vụ đặc thù của lĩnh vực; nhu cầu mà nền tảng chưa đáp ứng được đưa vào kế hoạch phát triển của nền tảng.

2.3.3. Kết nối qua trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung

Các hệ thống kết nối, trao đổi dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP/LDOP, Điểm b Mục 3.2 Phần VI); không kết nối trực tiếp riêng lẻ giữa từng cặp hệ thống. Giao diện kết nối và cấu trúc dữ liệu trao đổi được đăng ký, quản lý theo phiên bản; khi thay đổi phải thông báo trước và bảo đảm hệ thống đang sử dụng không bị gián đoạn. Dữ liệu do hệ thống này tạo ra được cung cấp cho hệ thống khác qua trực dùng chung, không phải nhập lại. Kết nối với hệ thống ngoài các cơ quan đảng thực hiện qua điểm kết nối được phê duyệt; trao đổi giữa các vùng mạng có mức độ bảo vệ khác nhau thực hiện theo Mục 5.3.1 Phần IX.

2.3.4. Dữ liệu cập nhật một lần, báo cáo tổng hợp tự động

Dữ liệu được cập nhật một lần tại nơi phát sinh nghiệp vụ, trên hệ thống có thẩm quyền quản lý dữ liệu đó. Báo cáo, chỉ số và Bảng thông tin điều hành được tổng hợp tự động từ dữ liệu gốc; không yêu cầu nhập lại số liệu đã có trong hệ thống. Mỗi chỉ số được định nghĩa thống nhất một lần, có chủ quản và truy được về dữ liệu gốc.

2.3.5. Quy trình được thiết lập bằng cấu hình, trên hệ thống phù hợp với bản chất nghiệp vụ

Quy trình, biểu mẫu, thời hạn và phân công xử lý được thiết lập bằng cấu hình, không lập trình cố định trong mã nguồn. Hệ thống thực thi quy trình được xác định theo bản chất nghiệp vụ.

2.3.6. Mỗi hệ thống một đầu mối, mỗi dịch vụ một đơn vị bảo trì

Mỗi hệ thống có một đầu mối thuộc chủ đầu tư hoặc cơ quan chủ quản, chịu trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu, quyết định phạm vi và thứ tự ưu tiên. Yêu cầu có tác động lớn phải được đánh giá tác động đến kiến trúc và có ý kiến bằng văn bản của đơn vị thực hiện trước khi quyết định. Dịch vụ là đơn vị phần mềm nhỏ nhất được triển khai, vận hành độc lập và được giao trách nhiệm bảo trì; mỗi dịch vụ có duy nhất một đơn vị bảo trì chịu trách nhiệm trong suốt vòng đời về sửa lỗi, phát triển, vận hành, kể cả xử lý sự cố. Mã nguồn do đơn vị khác đóng góp, khi được đơn vị bảo trì chấp nhận hợp nhất, thuộc trách nhiệm của đơn vị bảo trì. Nền tảng dùng chung do đơn vị được giao làm chủ nền tảng chịu trách nhiệm. Việc phân công thực hiện trong tổ chức bộ máy hiện có, không phát sinh đơn vị, biên chế mới.

2.3.7. Tách bạch thực hiện với đánh giá, nghiệm thu

Đối với hệ thống trọng yếu và các đợt nghiệm thu theo quy định, đơn vị thiết kế, xây dựng, vận hành không đồng thời đánh giá, nghiệm thu kết quả của chính mình (Mục 1.6 Phần IX). Việc đánh giá, nghiệm thu căn cứ số liệu lấy trực tiếp từ nền tảng (giám sát vận hành, kết quả kiểm tra, kết quả đánh giá tuân thủ), không chỉ căn cứ báo cáo tự lập. Đơn vị kiểm thử, đánh giá độc lập được cấp quyền xem mã nguồn, quy trình triển khai và số liệu vận hành trong phạm vi được phê duyệt.

2.3.8. Cơ quan đảng làm chủ nền tảng, mã nguồn và tài liệu vận hành

Mã nguồn, cấu trúc dữ liệu, giao diện kết nối, tài liệu và hướng dẫn vận hành của phần mềm xây dựng bằng kinh phí của cơ quan đảng thuộc sở hữu của cơ quan đảng, được bàn giao theo từng đợt nghiệm thu. Phần mềm xây dựng riêng

không sử dụng thành phần không được bàn giao mã nguồn; phần mềm thương mại được sử dụng theo bản quyền. Cơ quan đảng giữ quyền quản trị cao nhất đối với nền tảng dùng chung; nhà thầu chỉ được giao quyền vận hành theo phân quyền. Mỗi dịch vụ phải chuyển giao được cho đơn vị bảo trì khác mà không gián đoạn vận hành.

2.3.9. Chi phí vòng đời được theo dõi, công khai và gắn với trách nhiệm

Chi phí hạ tầng, vận hành, bảo trì được theo dõi thường xuyên theo từng dịch vụ và công khai trong phạm vi quản lý; mọi tài nguyên đều có đầu mối chịu trách nhiệm. Chủ thể quyết định làm phát sinh chi phí chịu trách nhiệm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; nhu cầu riêng do cơ quan có nhu cầu bố trí kinh phí theo quy định. Dự toán kinh phí vận hành căn cứ mức sử dụng thực tế. Việc tiết kiệm chi phí không được làm giảm mức dự phòng, sao lưu và bảo vệ đã quy định.

2.3.10. Chuyển đổi từng bước, mỗi bước có kết quả cụ thể

Việc chuyển đổi thực hiện từng bước, không thay thế đồng loạt. Nền tảng phải sẵn sàng trước khi mở rộng dịch vụ trên nền tảng đó. Mỗi giai đoạn phải có sản phẩm đưa vào vận hành, có người sử dụng thực tế và kết quả đo được, làm căn cứ để quyết định tiếp tục, điều chỉnh hoặc dừng giai đoạn sau. Giải pháp tạm thời phải có thời hạn và phương án chuyển về giải pháp chính thức. Không rút ngắn tiến độ bằng cách bỏ qua kiểm thử, kiểm tra, đánh giá an ninh mạng.

Các nguyên tắc tại Mục 2.3 cụ thể hoá các nguyên tắc tại Mục 2.2 Phần này như sau: Mục 2.3.1 cụ thể hoá Mục 2.2.1, 2.2.5, 2.2.7; Mục 2.3.2 cụ thể hoá Mục 2.2.4, 2.2.6; Mục 2.3.3 cụ thể hoá Mục 2.2.3, 2.2.5; Mục 2.3.4 cụ thể hoá Mục 2.2.3, 2.2.10; Mục 2.3.5 cụ thể hoá Mục 2.2.2, 2.2.4; Mục 2.3.6 cụ thể hoá Mục 2.2.9; Mục 2.3.7 cụ thể hoá Mục 2.2.9, 2.2.10; Mục 2.3.8 cụ thể hoá Mục 2.2.5, 2.2.8; Mục 2.3.9 cụ thể hoá Mục 2.2.6, 2.2.10; Mục 2.3.10 cụ thể hoá Mục 2.2.1, 2.2.10.

3. Mục tiêu, kết quả cần đạt và bài toán ưu tiên

Mục tiêu, bài toán ưu tiên của Khung được lựa chọn từ chủ trương, chương trình chuyển đổi số của Đảng (Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Quy định số 384-QĐ/TW, Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0, Quy định số 339-QĐ/TW, Thông báo kết luận số 07-TB/CQTTCĐ, ngày 20/7/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Kế hoạch số 21-KH/BCĐ, ngày 04/8/2026 của Ban Chỉ đạo và kết luận của đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ

đạo (8 giờ, thứ Năm, ngày 24/9/2026)) và có liên quan trực tiếp đến kiến trúc. Bảng dưới đây xác định thành phần kiến trúc mục tiêu phục vụ và kết quả cần đạt của từng mục tiêu, bài toán ưu tiên; chỉ tiêu định lượng được quy định tại Mục 4 Phần X; nội dung cần hoàn thiện và nhiệm vụ chuyển đổi kiến trúc tương ứng được xác định tại Phụ lục II.

Mã	Mục tiêu, bài toán ưu tiên	Căn cứ	Thành phần kiến trúc phục vụ	Kết quả cần đạt đến năm 2030
MT-1	Dữ liệu cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, tổ chức bộ máy "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	QĐ 204-QĐ/TW; QĐ 16-QĐ/BCĐ (Mục I.2.2, III.1)	Dữ liệu chủ về cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng; hệ thống danh mục dùng chung; Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng; LGSP của Đảng; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, NDOP	≥ 96% trường dữ liệu chủ đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; 100% danh mục dùng chung đồng bộ với Từ điển dữ liệu dùng chung; 100% thông tin tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đảng viên được số hoá
MT-2	Kết nối, chia sẻ dữ liệu thống nhất qua LGSP của Đảng; liên thông có kiểm soát với các cơ quan trong hệ thống chính trị qua NDXP, NDOP	Nghị định số 278/2025/NĐ-CP; Quy định số 384-QĐ/TW; QĐ 2439/QĐ-TTg; HD 07-HD/VPTW	LGSP của Đảng (vai trò LDOP); máy chủ bảo mật điểm kết nối; NDXP, NDOP; Mạng truyền số liệu chuyên dùng; các CSDL dùng chung, chuyên ngành, trong đó có Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	100% hệ thống xây dựng mới, nâng cấp kết nối qua LGSP của Đảng bằng API; ≥ 96% kết nối qua NDOP đáp ứng mức dịch vụ
MT-3	Tác nghiệp số dùng chung: Văn bản, hồ sơ, trình ký, lịch, hợp, quy trình nội bộ, thủ tục hành chính của Đảng và tổng hợp, báo cáo trên môi trường số	QĐ 204-QĐ/TW	Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng; ứng dụng chuyên ngành, ứng dụng hỗ trợ nội bộ; Cổng ứng dụng; Trục liên thông văn bản quốc gia; Bàn làm việc số	100% công tác tổng hợp, báo cáo (không bao gồm dữ liệu Tuyệt mật) thực hiện trên môi trường số; không xử lý văn bản giấy đối với quy trình đã điện tử hoá
MT-4	Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu: Kho dữ liệu, phân tích, Bảng thông tin điều hành,	Nghị quyết số 57-NQ/TW; Điều 4 Quy định số 384-QĐ/TW	Phần mềm theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương; hồ dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung;	Bảng thông tin điều hành, báo cáo phân tích cập nhật theo thời gian thực đối với các lĩnh vực trọng yếu

Mã	Mục tiêu, bài toán ưu tiên	Căn cứ	Thành phần kiến trúc phục vụ	Kết quả cần đạt đến năm 2030
	trí tuệ nhân tạo có kiểm soát		Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Bảng thông tin điều hành; Nền tảng AI, Trợ lý ảo của các cơ quan đảng	
MT-5	Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và bí mật của Đảng, Nhà nước đối với toàn bộ thành phần kiến trúc	Chỉ thị số 57-CT/TW; Quy định số 384-QĐ/TW; QĐ 16-QĐ/BCĐ (Mục III.3)	SOC của Đảng và các giải pháp an ninh mạng; phân miền, cơ yếu, mật mã, chữ ký số chuyên dùng; Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia; giải pháp bảo mật gửi, nhận văn bản mật	100% hệ thống được xác định cấp độ, triển khai đầy đủ phương án bảo vệ; 100% hệ thống tại Trung tâm dữ liệu được giám sát an ninh mạng 24/7
MT-6	Sử dụng hạ tầng dùng chung, không đầu tư trung tâm dữ liệu, hệ thống trùng lặp; xử lý thành phần chưa phù hợp	Điểm a Khoản 4 Điều 3 và Điểm a Mục 4 Phần II QĐ 1425/QĐ-TTg	Trung tâm dữ liệu chính, dự phòng của các cơ quan đảng; nền tảng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia; các hệ thống có chức năng trùng lặp	100% hệ thống xây dựng mới, nâng cấp triển khai trên hạ tầng dùng chung; không đầu tư trung tâm dữ liệu riêng; thành phần trùng lặp được xử lý theo lộ trình
MT-7	Quản trị kiến trúc thống nhất: Danh mục kiến trúc, đánh giá tuân thủ, công bố thành phần dùng chung, cập nhật NAS, phối hợp với Chính quyền số cấp tỉnh	Khoản 4 Điều 3, Điểm e Mục 2.2 Phần II QĐ 1425/QĐ-TTg; CV 7234/BKHCN-CĐSQG	Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng; Bộ chỉ số KPI của các cơ quan đảng; NAS; thành phần dùng chung cấp tỉnh, cấp xã	100% nhiệm vụ, dự án phê duyệt mới có đánh giá tuân thủ Khung; 100% cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ cập nhật dữ liệu kiến trúc lên NAS
MT-8	Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử được sử dụng thống nhất trong toàn Đảng, hỗ trợ đảng viên sinh hoạt đảng, học tập nghị quyết, tiếp nhận văn kiện, tài liệu; là kênh thông tin hai chiều giữa cấp uỷ và đảng viên	Quy định số 339-QĐ/TW; QĐ 204-QĐ/TW	Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử; dữ liệu đảng viên từ nguồn có thẩm quyền; LGSP của Đảng; định danh, xác thực dùng chung; Nền tảng AI (giọng nói, tóm tắt văn bản)	100% chi bộ sử dụng ứng dụng trong sinh hoạt chi bộ; đảng viên thuộc đối tượng áp dụng được cấp tài khoản, sử dụng ứng dụng

Mã	Mục tiêu, bài toán ưu tiên	Căn cứ	Thành phần kiến trúc phục vụ	Kết quả cần đạt đến năm 2030
MT-9	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo chủ chốt; IOC của các ban đảng, cơ quan đảng kết nối, tích hợp với IOC của Văn phòng Trung ương Đảng	Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kết luận của đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo (8 giờ, thứ Năm, ngày 24/9/2026)	IOC của Văn phòng Trung ương Đảng; IOC của các ban đảng, cơ quan đảng; kho dữ liệu dùng chung; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Bảng thông tin điều hành; LGSP của Đảng; Nền tảng AI	IOC của Văn phòng Trung ương Đảng vận hành chính thức; IOC các cấp dùng chung dữ liệu, chỉ số, nền tảng, không đầu tư trùng lặp
MT-10	Theo dõi nhiệm vụ, chương trình công tác và đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức theo KPI/OKR trên môi trường số	Kết luận của đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo (8 giờ, thứ Năm, ngày 24/9/2026)	Hệ thống theo dõi nhiệm vụ, chương trình công tác; phần mềm đánh giá, xếp loại cán bộ theo KPI/OKR; dữ liệu cán bộ từ nguồn có thẩm quyền; Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; Phần mềm theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương; IOC	Hoàn thành thử nghiệm, thí điểm; mô hình thống nhất được lựa chọn, nhân rộng theo quyết định của cấp có thẩm quyền

Kết quả Khung phân biệt: (i) Chất lượng hồ sơ và khả năng quản trị kiến trúc (KPI-1, KPI-2). (ii) Kết quả chuyển đổi kiến trúc (KPI-3 đến KPI-6, KPI-10 đến KPI-12). (iii) Đóng góp đối với kết quả nghiệp vụ, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành (KPI-7 đến KPI-9, KPI-13 đến KPI-15). Đối với thành phần đã đáp ứng yêu cầu, không đặt ra nhiệm vụ chuyển đổi; việc vận hành, bảo trì thường xuyên thực hiện theo yêu cầu thực tế. Nhiệm vụ liên quan đến hệ thống do cơ quan khác quản lý chỉ xác định nội dung phối hợp thuộc trách nhiệm của các cơ quan đảng.

4. Hiện trạng kiến trúc số

Thông tin hiện trạng về các hệ thống thông tin, trung tâm dữ liệu, nền tảng, cơ sở dữ liệu, kết nối và trạng thái vận hành phải có tài liệu nguồn hoặc đầu mối xác nhận; trường hợp chưa đủ căn cứ ghi "Chưa xác định", kèm lý do, nguồn cần bổ sung, đơn vị chịu trách nhiệm và thời hạn.

Kết quả rà soát hiện trạng kiến trúc số của các cơ quan đảng được tổng hợp theo 4 lớp và các thành phần xuyên suốt tại bảng dưới đây. Thông tin thuộc thẩm quyền cơ quan khác chưa được công bố hoặc chưa đủ căn cứ xác nhận được ghi "Chưa xác định" kèm lý do, nguồn cần bổ sung, đầu mối và thời hạn; nội dung cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện được xác định qua đối chiếu hiện trạng với kiến trúc mục tiêu, mang tính định hướng và được cập nhật theo kết quả kiểm kê, xác nhận hiện trạng; dẫn chiếu theo mã ND-x tại Mục 1 Phụ lục II.

Lớp/thành phần	Hiện trạng chủ yếu (có nguồn)	Thành phần chủ yếu	Nội dung cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện (mã ND)
Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung - Thành phần Hạ tầng số	Trung tâm dữ liệu chính của các cơ quan đảng bố trí tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (Khu công nghệ cao Hoà Lạc) theo hình thức chỗ đặt và điện toán đám mây; trung tâm dữ liệu dự phòng tại trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng (số 1A Hùng Vương) (Quyết định số 204-QĐ/TW, Hướng dẫn số 07-HD/VPTW). Mạng thông tin diện rộng của Đảng kết nối các ban đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ; Mạng truyền số liệu chuyên dùng do Cục Bưu điện Trung ương bảo đảm là kênh kết nối từ Trung ương đến cơ sở. Theo kết luận của đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo (8 giờ, thứ Năm, ngày 24/9/2026): Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia chỉ được đưa vào vận hành chính thức sau khi hoàn thành khắc phục các lỗ hổng bảo mật và có văn bản xác nhận đủ điều kiện an ninh mạng; tổ chức cắt chuyển 3 phần mềm thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng và Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm không gián đoạn hoạt động, hoàn thành trước ngày 30/9/2026; Cơ sở dữ liệu đảng viên được chuyển lên Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng sau khi	Trung tâm dữ liệu chính, dự phòng; Mạng thông tin diện rộng của Đảng; mạng TSLCD	Tiếp tục rà soát, kiểm kê, xác nhận thông tin hiện trạng hạ tầng số; theo dõi, cập nhật kết quả cắt chuyển các hệ thống thông tin, dịch vụ dùng chung lên Trung tâm dữ liệu chính của các cơ quan đảng; cập nhật các thông tin còn "Chưa xác định" (ND-1); làm rõ quan hệ kết nối, khả năng dùng chung hạ tầng giữa các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã với Chính quyền số cấp tỉnh, Mô hình chuyển đổi số cấp xã (ND-24).

Lớp/thành phần	Hiện trạng chủ yếu (có nguồn)	Thành phần chủ yếu	Nội dung cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện (mã ND)
	hoàn thành đánh giá an ninh mạng (trong tháng 9/2026); các hệ thống, dịch vụ dùng chung khác tiếp tục được cắt chuyển theo lộ trình của Dự án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.		
Thành phần An ninh mạng	Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của Đảng đã vận hành, giám sát luồng tin qua LGSP của Đảng; hệ thống kết nối LGSP phải bảo đảm cấp độ 3 trở lên theo quy định về an ninh mạng; Ban Cơ yếu Chính phủ cấp chứng thư số chuyên dùng và giải pháp mã hoá kênh truyền BMVPN (Hướng dẫn số 07-HD/VPTW). Hạ tầng Trung tâm dữ liệu chính của các cơ quan đảng và các hệ thống thông tin thuộc đợt cắt chuyển đã được Cục An ninh mạng (A05), Bộ Công an kiểm tra, đánh giá bảo đảm an ninh, an toàn (tháng 9/2026).	SOC của Đảng; giải pháp cơ yếu, mật mã; chữ ký số chuyên dùng	Tiếp tục thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giám sát an ninh mạng với Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia theo lộ trình (ND-19); rà soát, hoàn thiện cơ chế phân tách dữ liệu, quyền quản trị, kiểm soát phát hành, lưu vết và cô lập sự cố đối với hệ thống dùng chung nhiều cơ quan, nhiều cấp, phù hợp với yêu cầu mở rộng cung cấp ứng dụng (ND-12).
Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi - Thành phần dữ liệu	Đã ban hành Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 (Quyết định số 16-QĐ/BCĐ), Khung quản trị, quản lý dữ liệu (Quyết định số 20-QĐ/BCĐ), Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 (Quyết định số 308-QĐ/VPTW); đã xác định 25 trường dữ liệu chủ, 26 danh mục dùng chung, 23 danh mục đồng bộ với danh mục dùng chung quốc gia. Dữ liệu cán bộ, tổ chức đảng còn phân mảnh, lưu trữ lặp lại ở nhiều hệ thống; chất lượng dữ liệu chưa bảo đảm tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống" (Mục III.1 Quyết định số 16-QĐ/BCĐ). Ban Nội chính Trung ương đang được giao chủ trì xây dựng Đề án "Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực" trình Bộ Chính trị.	Dữ liệu chủ, danh mục dùng chung; CSDL dùng chung, chuyên ngành; kho dữ liệu	Tiếp tục chuẩn hoá, đồng bộ dữ liệu chủ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo lộ trình tại Quyết định số 16-QĐ/BCĐ (ND-3); rà soát, đồng bộ danh mục dùng chung với Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia (ND-4); tiếp tục hoàn thiện hồ dữ liệu, kho dữ liệu và khả năng truy vết nguồn gốc dữ liệu (ND-9); làm rõ nguồn dữ liệu có thẩm quyền và cơ chế đối soát, xử lý sai khác dữ liệu (ND-15); xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, cơ sở dữ liệu có liên quan trong các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước (ND-25).
Thành phần nền tảng lõi	LGSP của Đảng do Văn phòng Trung ương Đảng quản lý, vận hành, là trực tích hợp trung tâm (công API, trực tích hợp) và điểm kết nối duy nhất ra hệ	LGSP của Đảng; nền tảng tổng hợp,	Tiếp tục hoàn thiện chức năng chia sẻ, điều phối dữ liệu của LGSP của Đảng theo vai trò LDOP và kết nối NDOP theo

Lớp/thành phần	Hiện trạng chủ yếu (có nguồn)	Thành phần chủ yếu	Nội dung cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện (mã ND)
	thông quốc gia; máy chủ bảo mật điểm kết nối (Agent Node) đặt tại Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng; các cơ quan đảng rà soát, đăng ký kết nối theo Hướng dẫn số 07-HD/VPTW; trao đổi dữ liệu qua NDOP thực hiện trong giai đoạn 2027-2028 (Quyết định số 16-QĐ/BCĐ).	phân tích dữ liệu; kết nối NDXP, NDOP	lộ trình giai đoạn 2027 - 2028 (ND-2); rà soát, công bố thông tin về trạng thái, điều kiện khai thác, mức dịch vụ của thành phần dùng chung (ND-14); trao đổi, thống nhất phương án kết nối với NDXP, NDOP tại ranh giới liên thông (ND-17); rà soát, hoàn thiện cơ chế cung cấp, cấp quyền khai thác dữ liệu có kiểm soát cho cơ quan, địa phương có thẩm quyền (ND-21).
Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung	Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản 4 nền tảng số dùng chung quốc gia Nhóm B (Phụ lục II Quyết định số 1425/QĐ-TTg); Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng (hiện gọi là Hệ điều hành tác nghiệp) đang vận hành, chủ yếu quản lý văn bản, hồ sơ và xử lý công việc; các hệ thống tổ chức, cán bộ, tài chính, tài sản và nghiệp vụ chuyên ngành còn vận hành tương đối độc lập, cần tiếp tục được kết nối, tích hợp. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam chủ quản 3 nền tảng số dùng chung quốc gia Nhóm B. Theo danh mục do Văn phòng Trung ương Đảng cung cấp, các hệ thống thông tin hiện có gồm: Hệ thống thông tin quản trị nội bộ (quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp - là Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; số hoá và quản lý số hoá; phục vụ công tác nội bộ; Thư viện điện tử; nghiên cứu, tham mưu, thẩm định, thẩm tra lĩnh vực Văn phòng); hệ thống tài chính, tài sản Đảng; hệ thống hợp và xử lý công việc trực tuyến; hệ thống thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet; Hệ thống Trợ lý ảo; Hệ thống quản lý xuất bản; các hệ thống thông tin lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, Tuyên giáo, Nội chính, Kinh tế - xã hội. Trạng thái vòng đời, cơ quan chủ quản của các hệ thống này ghi "Chưa xác định" chờ xác nhận.	HTTT điều hành tác nghiệp; 4 nền tảng số dùng chung quốc gia; Nền tảng AI	Tiếp tục nâng cấp Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp theo hướng hệ thống dùng chung nhiều ứng dụng, nhiều quy trình (ND-5); rà soát, hệ thống hoá danh mục, tiêu chí phân loại quy trình làm việc (ND-6); tiếp tục tích hợp ứng dụng chuyên ngành qua LGSP của Đảng (ND-7); rà soát, hoàn thiện cơ chế quản trị trí tuệ nhân tạo và tri thức số (ND-13); rà soát, phân định chức năng giữa các hệ thống để phòng ngừa trùng lặp (ND-16); làm rõ nhiệm vụ, lộ trình đối với Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng (ND-18).
Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả	Các cơ quan đảng có cổng thông tin điện tử theo phạm vi quản lý; nguồn dữ liệu, chỉ số, tần suất cập nhật của các Bảng thông tin điều hành hiện có cần tiếp tục được xác định thống nhất; Bộ	Cổng thông tin điện tử; Cổng ứng dụng; Sổ	Nghiên cứu, xây dựng Bộ chỉ số KPI của các cơ quan đảng, ánh xạ với Bộ chỉ số KPI do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành (ND-8); rà soát,

Lớp/thành phần	Hiện trạng chủ yếu (có nguồn)	Thành phần chủ yếu	Nội dung cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện (mã ND)
	chỉ số KPI của các cơ quan đảng đang trong quá trình xây dựng; dữ liệu kiến trúc được cập nhật lên NAS khi Hệ thống được triển khai và có hướng dẫn kỹ thuật (chỉ tiêu KPI-2). Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử được sử dụng thống nhất trong toàn Đảng (Quy định số 339-QĐ/TW). Văn phòng Trung ương Đảng đang hoàn thiện IOC; Ban Tổ chức Trung ương thử nghiệm IOC và phần mềm đánh giá cán bộ theo KPI/OKR.	tay đảng viên điện tử; IOC; Bộ chỉ số KPI	chuẩn hoá Bảng thông tin điều hành theo cấp, lĩnh vực (ND-10); tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng (ND-11); trao đổi, thống nhất phương án kết nối và cập nhật dữ liệu kiến trúc lên NAS (ND-17); trao đổi, thống nhất với Bộ Công an về quan hệ giữa Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, Công ứng dụng với Nền tảng điều hành số quốc gia (Bàn làm việc số) (ND-23); hoàn thiện, mở rộng tính năng Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử (ND-22); xác định mô hình kết nối IOC các cấp (ND-26); thống nhất mô hình đánh giá cán bộ theo KPI/OKR (ND-27).
Các thành phần xuyên suốt	Văn phòng Trung ương Đảng là cơ quan đầu mối quản trị Khung; Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu là Văn phòng Quản trị dữ liệu (DGO) của Đảng (Hướng dẫn số 07-HD/VPTW); đã có Khung quản trị, quản lý dữ liệu; yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ bí mật theo Quy định số 384-QĐ/TW, Chỉ thị số 57-CT/TW.	Không áp dụng (thành phần xuyên suốt tại Phần IX)	Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn triển khai, tiêu chí đánh giá tuân thủ Khung; tăng cường đào tạo, hỗ trợ áp dụng Khung tại cơ quan, địa phương (ND-20); tiếp tục kiểm kê, xác nhận, cập nhật thông tin hiện trạng (ND-1); hướng dẫn tình uỷ, thành uỷ làm rõ quan hệ với Chính quyền số cấp tỉnh, Mô hình chuyển đổi số cấp xã (ND-24).

Đánh giá chung: (i) Ưu điểm: Đã hình thành các thành phần nền tảng quan trọng của kiến trúc số dùng chung trong các cơ quan đảng (trung tâm dữ liệu chính và dự phòng, Mạng thông tin diện rộng của Đảng, LGSP của Đảng, SOC của Đảng, Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp) và các văn bản kiến trúc dữ liệu, quản trị dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung. (ii) Hạn chế: Dữ liệu còn phân mảnh, chưa đồng bộ với thành phần dùng chung quốc gia; chức năng điều phối dữ liệu và kết nối NDOP chưa hoàn thiện; ứng dụng chuyên ngành còn tách biệt; công cụ quản trị kiến trúc, bộ chỉ số đo lường và danh mục thành phần dùng chung đang trong quá trình hình thành, chưa được công bố đầy đủ. (iii) Nguyên nhân chủ yếu: Các thành phần dùng chung quốc gia và hướng dẫn kết nối đang trong lộ trình triển khai; việc kiểm kê, xác nhận hiện trạng mới được thực hiện lần đầu. (iv) Mức độ

khai thác, kết nối các thành phần dùng chung quốc gia và các thành phần có khả năng phân tán, trùng lặp được ghi nhận là "Chưa đủ cơ sở đánh giá", tiếp tục làm rõ qua kiểm kê, xác nhận hiện trạng (NV-1) và rà soát, xác định danh mục thành phần chưa phù hợp, trùng lặp (NV-23), hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

5. Kết quả đối chiếu hiện trạng với kiến trúc mục tiêu

Kết quả đối chiếu hiện trạng với kiến trúc mục tiêu được xác định ở mức kiến trúc, gồm 27 nội dung cần hoàn thiện (ND-1 đến ND-27) tại Mục 1 Phụ lục II; mỗi nội dung cần hoàn thiện gắn với đối tượng kiến trúc, xác định hiện trạng, yêu cầu cần đạt, phương án xử lý và liên kết với ít nhất một nhiệm vụ chuyển đổi kiến trúc (NV-1 đến NV-31) tại Mục 2 Phụ lục II.

Phương án hoàn thiện đối với từng thành phần kiến trúc được xác định theo 6 phương án: Tiếp tục sử dụng; chuẩn hoá, kết nối, tích hợp; nâng cấp, mở rộng; hợp nhất, tổ chức lại; thay thế, kết thúc; bổ sung mới. Thành phần chưa đủ cơ sở xác định phương án được làm rõ sau khi kiểm kê, đối chiếu chức năng với thành phần dùng chung (NV-1, NV-23). Thành phần đã đáp ứng yêu cầu không lập nhiệm vụ chuyển đổi; nội dung cần hoàn thiện được phân thành nội dung thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của các cơ quan đảng và nội dung phối hợp tại ranh giới liên thông với cơ quan khác; đối với nội dung phối hợp, Khung chỉ xác định điểm cần thống nhất và trách nhiệm phối hợp, không mô tả kiến trúc nội bộ hoặc giao nhiệm vụ cho cơ quan ngoài phạm vi.

IV- MÔ HÌNH TỔNG THỂ KHUNG KIẾN TRÚC SỐ

1. Mô hình 4 lớp và 4 thành phần xuyên suốt

Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng được tổ chức theo 4 lớp kiến trúc, thể hiện tại sơ đồ SĐ-CT-01 từ dưới lên: (1) Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung. (2) Dữ liệu và nền tảng lõi. (3) Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung. (4) Kênh tương tác và đo lường hiệu quả. Cấu trúc tham chiếu Hình 3 Phụ lục I ban hành kèm Quyết định số 1425/QĐ-TTg; tên và số lượng lớp được sử dụng thống nhất theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg.

Tên các lớp được sử dụng thống nhất trong thuyết minh, sơ đồ và phụ lục. Mỗi lớp gồm thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan đảng khai thác, sử dụng và thành phần do các cơ quan đảng triển khai theo phạm vi, thẩm quyền.

Khung đồng thời áp dụng đầy đủ 4 thành phần xuyên suốt: (1) Quản trị, điều phối và giám sát. (2) Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung. (3) Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First). (4) Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric). Theo Hình 3 Phụ lục I Quyết định số 1425/QĐ-TTg, sơ đồ SĐ-CT-01 thể hiện 4 lớp và các thành phần trong từng lớp; 4 thành phần xuyên suốt được quy định tại Phần IX.

Các lớp là các miền kiến trúc có quan hệ tương tác, xử lý nghiệp vụ và trao đổi dữ liệu; không thể hiện quan hệ cấp trên, cấp dưới hoặc quan hệ sinh thành. Bốn thành phần xuyên suốt áp dụng đồng thời đối với toàn bộ 4 lớp, mọi thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và mọi thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai (bao gồm thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng và thành phần chuyên ngành, đặc thù); bảo đảm việc thiết kế, triển khai, vận hành, giám sát, kết nối, chia sẻ và khai thác được thực hiện thống nhất, đồng bộ và có khả năng kiểm soát.

Việc cụ thể hoá Khung chỉ được thực hiện bên trong 4 lớp và theo 4 thành phần xuyên suốt nêu trên; không hình thành thêm các lớp kiến trúc hoặc thêm các thành phần xuyên suốt. Các yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu tại Mục 5 Phần IX là yêu cầu áp dụng xuyên suốt để cụ thể hoá thành phần "Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung", không phải một thành phần xuyên suốt độc lập.

Việc phân định các thành phần kiến trúc được thực hiện trong từng lớp và được ghi nhận bằng thuộc tính trong Danh mục kiến trúc. Theo trách nhiệm quản lý và nguồn cung cấp: (1) Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan đảng khai thác, sử dụng theo thẩm quyền. (2) Thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai, trong đó có thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng và thành phần chuyên ngành, đặc thù. Theo phạm vi sử dụng, mỗi thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai phải được xác định là dùng chung toàn hệ thống, dùng chung theo nhóm, ngành hoặc cấp, hoặc dùng riêng cho một cơ quan, địa phương hay phạm vi nghiệp vụ xác định. Thành phần chuyên ngành, đặc thù không mặc nhiên là thành phần dùng riêng; nếu phục vụ nhiều cơ quan, nhiều cấp trong cùng một ngành hoặc nhóm nghiệp vụ thì được quản lý là thành phần dùng chung trong phạm vi đó. Việc phân định này được áp dụng theo từng lớp của kiến trúc mục tiêu và là căn cứ xác định trách nhiệm quản lý, phạm vi đầu tư, nghĩa vụ tái sử dụng, tích hợp và kiểm soát trùng lặp.

CÁC THÀNH PHẦN DO CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRIỂN KHAI

KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

KÊNH TƯƠNG TÁC

[illegible]

ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

(Theo Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) của các cơ quan Đảng)

car Bang chong in dien hinh (Dashboard): Trung tam điều hành được minh (FC) của tập đoàn Bàng.

Do lưỡng hiệu quả đặc thù khác HTT đánh giá năng lực số, HTT quan tại Kiến trúc số; HTT theo dõi nhiệm vụ đánh giá can họ

ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Xã hội và Anh quốc có quan Điểm tích hợp, mọi công, năng lực, Ai dùng, chúng tôi dùng, Tích hợp

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

DỮ LIỆU

(Bào dâm toàn thí Khung kiến trúc dữ liệu. Khung quản trị, quản lý dữ liệu. Từ điển dữ liệu dùng chung)

NÊN TẶNG LỖI

Thị trấn: Phú Mỹ; phía có địa bàn của các cơ quan: Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn và Trường THPT Nguyễn Huệ.

Each column defines a *Str* of the *Str* type. Each row defines a *Str* of the *Str* type. Each row defines a *Str* of the *Str* type.

Non lòng cộng hợp, phản kích dữ dội (HIT) báo cáo tổng hợp, phần tiếp theo báo)

Nên tăng lời để thu khác, xác thực và quản lý truy cập;
giảm sút vận hành; thông báo và sự kiện; quản lý nội dung số và lưu trữ số; ...]

HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

HA TẶNG SỔ

Trung tâm dữ liệu của các cơ quan Đảng (*) (TTDL chính tại TTDL quốc gia; TTDL dự phòng)

Mạng nội bộ
(LAN/Intranet), Internet
bằng công, kết nối Mạng
truyền số liệu chuyên dụng

Thiết bị đầu cuối; thiết bị số
hóa hồ sơ; thiết bị hội nghị
thực tuyến

AN NINH MANG

(Báo đêm tuần chủ Khung kiến trúc an ninh mang quốc gia)

Các hệ thống, giải pháp bảo đảm an ninh mạng (giám sát, phòng vệ, ứng cứu -- SOC của Đảng)

Thành phần an ninh mạng đặc thù khác
(phân miền; cơ yếu, mật mã)

(*) Số lượng Trung tâm đã điều chỉnh của các cơ quan Đảng bộ trí tại Trung tâm đã điều chỉnh hiện khi thất sự cần thiết. Trường học xây dựng. Trung tâm đã điều chỉnh của các cơ quan Đảng bộ trí tại Trung tâm đã điều chỉnh hiện khi thất sự cần thiết.

Thành phần do các cơ quan Đảng triển khai

Thành phần thuộc Nền tảng lõi do các cơ quan Đảng triển khai

SĐ-CT-02. Các thành phần do các cơ quan đảng triển khai theo Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng

2. Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và thành phần do các cơ quan đảng triển khai

Mô hình tổng thể Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng được tổ chức theo 4 lớp thống nhất. Trong từng lớp, các thành phần được phân định theo phạm vi sử dụng và trách nhiệm quản lý; đồng thời toàn bộ kiến trúc chịu sự chi phối của 4 thành phần xuyên suốt: Quản trị, điều phối và giám sát; Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung; Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First); Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric).

Thành phần Quản trị, điều phối và giám sát bảo đảm xác định rõ chủ thể quản trị, chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, đơn vị vận hành, phạm vi sử dụng, trạng thái vòng đời, trách nhiệm tích hợp, chia sẻ dữ liệu, đánh giá tuân thủ và quản lý vòng đời kiến trúc. Thành phần Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung bảo đảm các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu, hạ tầng và dịch vụ số được thiết kế, xây dựng, kết nối, tích hợp, chia sẻ và vận hành theo yêu cầu thống nhất, bảo đảm liên thông, tương thích, an ninh mạng và tránh phụ thuộc vào giải pháp cục bộ, khép kín.

Thành phần Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First) yêu cầu xem xét, ưu tiên tích hợp năng lực trí tuệ nhân tạo trong thiết kế, phát triển và vận hành hệ thống, quy trình nghiệp vụ khi phù hợp, đồng thời bảo đảm quản trị, giám sát, truy vết, giải trình và kiểm soát rủi ro. Thành phần Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric) xác định dữ liệu là tài sản chiến lược và nền tảng cốt lõi; dữ liệu phải được quản trị, chuẩn hoá, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thống nhất theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

Sơ đồ SĐ-CT-01 và sơ đồ SĐ-CT-02 là hai sơ đồ tổng thể của Khung; sơ đồ SĐ-CT-02.1 và các sơ đồ chi tiết tại Phần V đến Phần IX cụ thể hoá nhưng không tạo thêm lớp hoặc thay đổi các nhóm thành phần đã xác định.

Các cơ quan đảng ưu tiên khai thác hạ tầng, nền tảng, dữ liệu, dịch vụ số và các thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, trong đó có năng lực định danh, xác thực, kết nối, chia sẻ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, khi đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, thẩm quyền, dữ liệu, hiệu năng, an ninh mạng, bảo mật và bảo vệ dữ liệu. Trường hợp có yêu cầu đặc thù, cơ quan có thẩm quyền được quyết định phương thức sử dụng, tích hợp, mở rộng hoặc xây dựng thành phần riêng theo nguyên tắc không đầu tư trùng lặp, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp và lộ trình hội tụ phù hợp. Danh mục, trạng thái sẵn sàng và phương thức áp dụng cụ thể được

Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn, công bố và cập nhật theo thẩm quyền. Phương thức áp dụng từng thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị đối với các cơ quan đảng được xác định tại Phụ lục IV và là căn cứ thẩm định nhiệm vụ, dự án; trạng thái sẵn sàng được cập nhật định kỳ.

2.1. Vị trí, vai trò và phạm vi của thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng

Thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng là bộ phận trung tâm của Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng, cung cấp các năng lực số nền tảng được sử dụng thống nhất, tái sử dụng và chia sẻ trong toàn hệ thống. Thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng là căn cứ để tổ chức đầu tư tập trung, hạn chế trùng lặp, bảo đảm liên thông và nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành các hệ thống số.

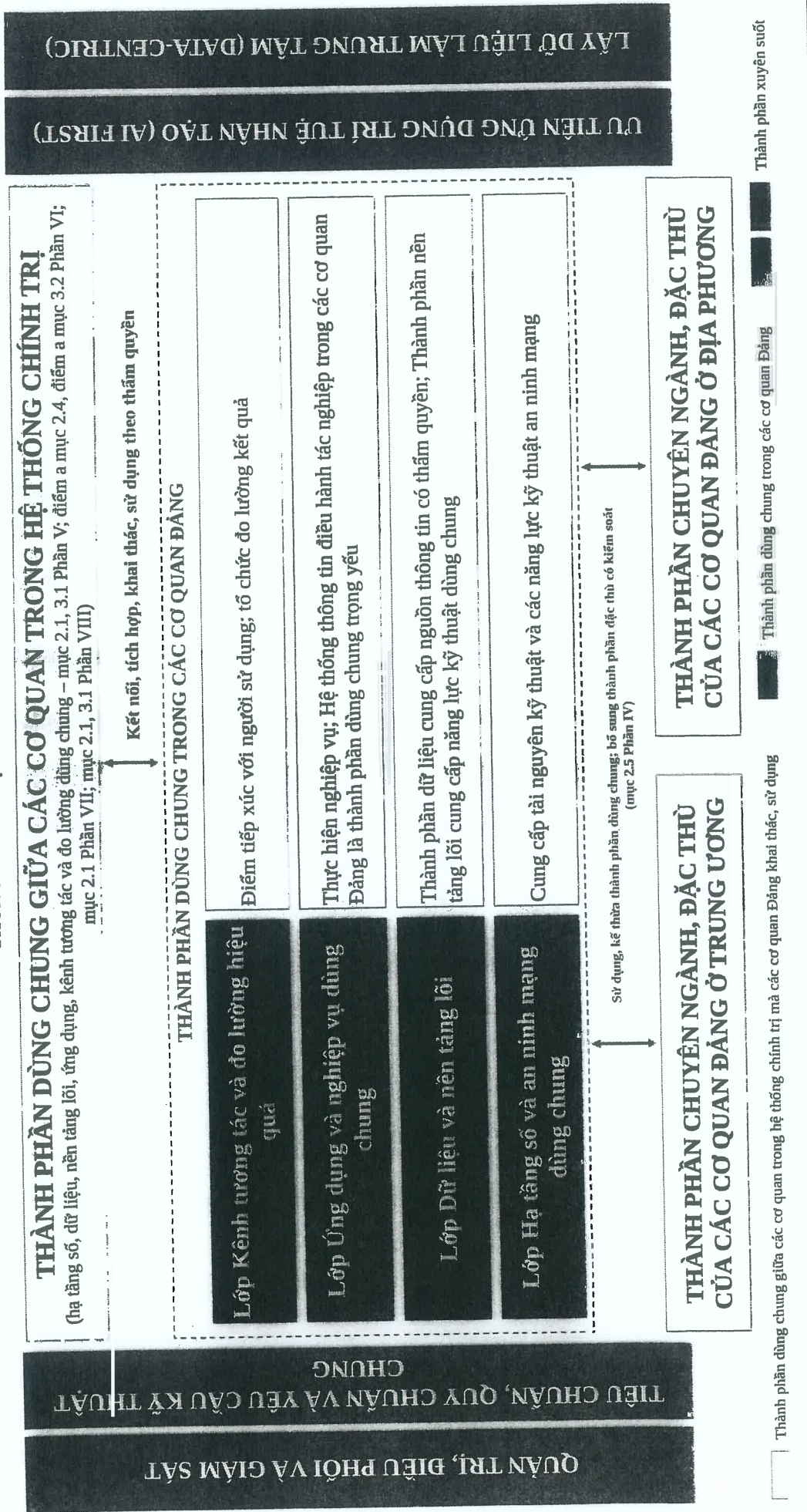
Phạm vi của thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng bao gồm các thành phần thuộc 4 lớp được xác định là cần thiết để phục vụ nhiều cơ quan đảng hoặc toàn bộ hệ thống Đảng; việc thiết kế, xây dựng, vận hành và khai thác thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng chịu sự áp dụng đầy đủ của 4 thành phần xuyên suốt. Thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng không thay thế chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền nghiệp vụ và trách nhiệm quản trị dữ liệu của từng cơ quan đảng.

2.2. Mô hình tổng thể của thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng

Thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng được tổ chức theo 4 lớp của Khung: Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung; Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung; Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả. Bốn thành phần xuyên suốt của Khung được áp dụng đầy đủ đối với thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng.

Các thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng có quan hệ liên kết, phụ thuộc và cung cấp năng lực, dữ liệu, dịch vụ lẫn nhau. Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung cung cấp tài nguyên kỹ thuật và các năng lực kỹ thuật an ninh mạng; trong Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi, Thành phần dữ liệu cung cấp nguồn thông tin có thẩm quyền và Thành phần nền tảng lõi cung cấp năng lực kỹ thuật dùng chung; Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung thực hiện nghiệp vụ; Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả là điểm tiếp xúc với người sử dụng và tổ chức đo lường kết quả. Bốn thành phần xuyên suốt bảo đảm toàn bộ mô hình được quản trị, tiêu chuẩn hoá, vận hành dựa trên dữ liệu và ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo một cách thống nhất.

MÔ HÌNH QUAN HỆ GIỮA THÀNH PHẦN DÙNG CHUNG TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG VỚI THÀNH PHẦN CHUYÊN NGÀNH, ĐẶC THÙ VÀ THÀNH PHẦN DÙNG CHUNG TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ



SD-CT-02.1. Mô hình quan hệ giữa thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng với các thành phần chuyên ngành, đặc thù và thành phần dùng chung trong hệ thống chính trị

Tại Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung, Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng là thành phần dùng chung trọng yếu trong các cơ quan đảng.

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng sử dụng các năng lực của Thành phần nền tảng lõi và khai thác dữ liệu thuộc Thành phần dữ liệu trong Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; người dùng truy cập Hệ thống thông qua Cổng ứng dụng và các kênh tương tác phù hợp.

2.3. Các nhóm năng lực bắt buộc dùng chung

Các nhóm năng lực sau đây được tổ chức dùng chung khi đã được công bố sẵn sàng cung cấp và đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, chất lượng dịch vụ, năng lực, an ninh mạng:

- a) Hạ tầng điện toán, lưu trữ, mạng, sao lưu, dự phòng, phục hồi và giám sát tập trung.
- b) Dữ liệu danh mục, dữ liệu định danh, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, siêu dữ liệu và dịch vụ dữ liệu.
- c) Định danh, xác thực, phân quyền, ký số, quản lý truy cập và tài khoản đặc quyền.
- d) Tích hợp, chia sẻ dữ liệu, quản lý API, thông điệp, sự kiện và kết nối liên thông.
- đ) Năng lực thiết kế, thực thi và quản lý quy trình số, biểu mẫu điện tử, quy tắc nghiệp vụ, tự động hoá, giám sát và đo lường quy trình.
- e) Nền tảng trí tuệ nhân tạo, kho tri thức, tìm kiếm và trợ lý số dùng chung theo phạm vi được phép.
- g) Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng và các ứng dụng dùng chung về nhiệm vụ, chương trình công tác, họp, cộng tác, thông báo, báo cáo và các quy trình làm việc phổ biến trong các cơ quan đảng.
- h) Quản trị vận hành, giám sát, lưu nhật ký, cảnh báo, ứng cứu sự cố và kiểm soát tuân thủ kiến trúc.
- i) Thông báo, nhắc việc, cảnh báo tập trung đến người dùng; tiếp nhận sự kiện nghiệp vụ từ các hệ thống để phát thông báo.
- k) Quản lý nội dung số, tài liệu số và lưu trữ số dùng chung.

Các nhóm năng lực nêu trên được tổ chức theo 4 lớp của Khung: Điểm a thuộc Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung; các Điểm b, c, d, đ thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; các Điểm e, g thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung; Điểm h thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi (giám sát vận hành), Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung (cảnh báo, ứng cứu sự cố an ninh mạng) và

thành phần xuyên suốt Quản trị, điều phối và giám sát (kiểm soát tuân thủ kiến trúc); các Điểm i, k thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi.

Danh mục cụ thể, phạm vi cung cấp và trạng thái sẵn sàng của từng thành phần được Văn phòng Trung ương Đảng công bố, cập nhật theo thẩm quyền.

Nền tảng thông báo và sự kiện tập trung (Điểm i) và Nền tảng quản lý nội dung số và lưu trữ số dùng chung (Điểm k) là thành phần nền tảng lõi của các cơ quan đảng (Điểm d Mục 3.2 Phần VI). Để không trùng lặp với các thành phần đã có: (1) Nền tảng thông báo và sự kiện tập trung gửi thông báo, nhắc việc, cảnh báo đến người dùng cho tất cả các hệ thống; Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp và các ứng dụng khác sử dụng nền tảng này, không tự xây dựng chức năng gửi thông báo riêng; việc trao đổi dữ liệu, thông điệp, sự kiện giữa các hệ thống vẫn thực hiện qua năng lực tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại Điểm d Mục này (LGSP/LDOP). (2) Nền tảng quản lý nội dung số và lưu trữ số dùng chung là kho lưu giữ, quản lý phiên bản, tìm kiếm, bảo quản tài liệu, nội dung số dùng chung cho các hệ thống; nghiệp vụ văn thư, lưu trữ vẫn thực hiện trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, nghiệp vụ biên tập, xuất bản thực hiện trên ứng dụng chuyên ngành (Điểm h Mục 2.3 Phần VII); các hệ thống sử dụng nền tảng này để lưu giữ, lưu trữ, không xây dựng kho lưu trữ nội dung riêng; việc lưu trữ thực hiện theo quy định của Đảng về công tác văn thư, lưu trữ. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan xác định phạm vi chi tiết, lộ trình triển khai hai nền tảng trong Hướng dẫn triển khai Khung.

2.4. Mô hình cung cấp, sử dụng và phân tầng thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng

Thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng được cung cấp theo mô hình tập trung, phân tán có kiểm soát hoặc kết hợp, phù hợp với tính chất nghiệp vụ, dữ liệu, phạm vi sử dụng, yêu cầu hiệu năng và yêu cầu bảo mật. Việc dùng chung không đồng nhất với việc tập trung vật lý toàn bộ hạ tầng, dữ liệu và ứng dụng tại một địa điểm.

Các cơ quan ở Trung ương được giao chủ quản có trách nhiệm cung cấp dữ liệu, nền tảng, ứng dụng, dịch vụ dùng chung trong phạm vi được giao. Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức cung cấp Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng và các thành phần được phân công; các cơ quan, địa phương sử dụng, cấu hình theo thẩm quyền, không tự ý sửa phần lõi hoặc xây dựng chức năng trùng lặp đã đáp ứng yêu cầu. Hệ thống chuyên trách và chuyên ngành độc lập được kết nối, tái sử dụng dịch vụ chung, không bắt buộc hợp nhất vào Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.

Các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương kết nối, khai thác, cấu hình và bổ sung thành phần đặc thù theo thẩm quyền. Các cơ quan đảng cấp xã chủ yếu sử dụng các dịch vụ do Trung ương hoặc cấp tỉnh cung cấp, không đầu tư độc lập các thành phần dùng chung đã đáp ứng yêu cầu.

2.5. Ranh giới giữa thành phần dùng chung và thành phần đặc thù

Thành phần được xác định là dùng chung khi phục vụ nhiều cơ quan, cần được quản lý thống nhất toàn hệ thống, liên quan đến dữ liệu danh mục, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, định danh, tích hợp, liên thông hoặc có hiệu quả tổng thể cao hơn so với đầu tư riêng lẻ.

Thành phần đặc thù được xây dựng khi phát sinh yêu cầu nghiệp vụ riêng mà thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng chưa đáp ứng và việc mở rộng thành phần dùng chung không phù hợp hoặc chưa thể thực hiện. Thành phần đặc thù phải tuân thủ Khung, sử dụng tối đa các dữ liệu, nền tảng và dịch vụ dùng chung; không tạo trùng lặp, không hình thành dữ liệu cô lập và phải bảo đảm khả năng tích hợp, chuyển giao hoặc hợp nhất khi cần thiết.

Danh mục thành phần dùng chung, thành phần đang xây dựng, thành phần được phép đầu tư bổ sung và thành phần hạn chế đầu tư được Văn phòng Trung ương Đảng công bố và cập nhật để các cơ quan đảng làm căn cứ lập, thẩm định và triển khai nhiệm vụ, dự án.

Quy trình có cấu trúc chủ yếu dựa trên văn bản, hồ sơ, biểu mẫu, nhiệm vụ, phê duyệt, phối hợp, thông báo và báo cáo phải ưu tiên triển khai trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng. Hệ thống chuyên ngành chỉ duy trì riêng phần chức năng, dữ liệu và xử lý đặc thù; các chức năng dùng chung phải kế thừa từ Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng.

3. Cụ thể hoá và tổ chức áp dụng Khung

Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng là Khung kiến trúc số của cơ quan đảng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 Luật Chuyển đổi số, là hợp phần của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, được áp dụng thống nhất đối với các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương; không phát sinh Khung kiến trúc số hoặc tài liệu kiến trúc độc lập của từng cơ quan, ngành, địa phương.

Nội dung cụ thể hoá theo ngành dọc nghiệp vụ, theo cấp tỉnh, cấp xã (khi cần) được thể hiện, dẫn chiếu ngay trong Khung; các cơ quan đảng cập nhật đối tượng, quan hệ kiến trúc thuộc phạm vi quản lý vào Danh mục kiến trúc theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Nội dung kiến trúc của từng nhiệm vụ, dự án (nghiệp vụ, dữ liệu, ứng dụng, nền tảng, hạ tầng, tích hợp, an ninh mạng, vận hành) được thể hiện trong hồ sơ đề xuất, thiết kế của nhiệm vụ, dự án và là căn cứ đánh giá tuân thủ Khung theo Mục 1.5 Phần IX.

Tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức triển khai Khung đối với các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã. Kiến trúc của khối Đảng không phải là bộ phận của Khung kiến trúc Chính quyền số cấp tỉnh; các thành phần triển khai trên địa bàn được phối hợp theo thẩm quyền của từng hệ thống. Các cơ quan đảng cấp xã khai thác, sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số trên địa bàn theo Khung kiến trúc tham chiếu tổng thể số cấp tỉnh (Mục 3 Phụ lục I Quyết định số 1425/QĐ-TTg) tại điểm kết

nổi được phê duyệt. Việc phân định phạm vi xây dựng, sử dụng nền tảng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan và giữa Trung ương với địa phương thực hiện theo nguyên tắc tại Phụ lục III.

V- LỚP HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

1. Mục tiêu

Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung cung cấp các tài nguyên, dịch vụ và điều kiện kỹ thuật cần thiết để triển khai, vận hành an toàn, ổn định, liên tục các cơ sở dữ liệu, nền tảng số, ứng dụng, hệ thống thông tin và kênh tương tác số của các cơ quan đảng.

Lớp này được tổ chức thành hai thành phần chính: (1) Thành phần Hạ tầng số và (2) Thành phần An ninh mạng.

Thành phần Hạ tầng số cung cấp trung tâm dữ liệu và các điều kiện kỹ thuật; mạng và kết nối; thiết bị đầu cuối, thiết bị số hoá, thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến; tài nguyên tính toán, lưu trữ, môi trường thực thi, sao lưu và phục hồi.

Thành phần An ninh mạng cung cấp các năng lực kỹ thuật phục vụ giám sát, phòng vệ, phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn, ứng cứu sự cố; bảo vệ hệ thống thông tin, phân miền an ninh; bảo đảm cơ yếu, mật mã và các yêu cầu bảo vệ đặc thù của các cơ quan đảng.

Việc xây dựng và phát triển Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung phải hướng tới sử dụng chung, tái sử dụng và khai thác hiệu quả các năng lực đã có; bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, mở rộng, dự phòng, phục hồi và duy trì hoạt động liên tục; đáp ứng yêu cầu về hiệu năng, mức dịch vụ, an ninh mạng, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và bảo vệ dữ liệu.

Các thành phần của lớp được phân định theo trách nhiệm quản lý và phạm vi sử dụng, bao gồm: Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan đảng khai thác theo thẩm quyền; thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai, trong đó có thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng và thành phần chuyên ngành, đặc thù.

Việc sử dụng chung không đồng nghĩa với tập trung toàn bộ hạ tầng tại một địa điểm; việc bố trí các thành phần thành những ô riêng trong mô hình không đồng nghĩa với yêu cầu phải đầu tư, xây dựng các hệ thống độc lập. Các thành phần phải được tổ chức theo chức năng kiến trúc, phạm vi phục vụ và trách nhiệm quản lý, không hình thành năng lực trùng lặp khi thành phần dùng chung đã đáp ứng yêu cầu.

Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung thực hiện các chức năng cung cấp tài nguyên và bảo vệ ở cấp hạ tầng; không bao gồm chức năng quản lý dữ liệu nghiệp vụ, cung cấp nền tảng ứng dụng hoặc xử lý nghiệp vụ thuộc các lớp kiến trúc khác. Các yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu đối với toàn bộ kiến trúc được thực hiện đồng thời theo Mục 5 Phần IX của Khung này.

MÔ HÌNH LỚP HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

Kênh tương tác

Đo lường hiệu quả

ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

Dữ liệu

Nền tảng lỗi

HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

HẠ TẦNG SỐ

Thành phần hạ tầng số dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Trung tâm dữ liệu quốc gia và Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia
- Trung tâm tính toán hiệu năng cao của Trung tâm dữ liệu quốc gia
- Mạng thông tin diện rộng của Đảng
- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước
- Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Hạ tầng chứng thực điện tử quốc gia

Trung tâm dữ liệu của các cơ quan Đảng (*)

Mạng nội bộ

(LAN/Intranet) và kết nối Internet băng rộng; Kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng

Thiết bị đầu cuối phục vụ căn bộ, công chức; Thiết bị số hóa hồ sơ; Thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến theo điều kiện

Thành phần hạ tầng số đặc thù khác của các cơ quan Đảng (tài nguyên tính toán, lưu trữ, môi trường thực thi; sao lưu, phục hồi)

AN NINH MẠNG

(Bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia)

Thành phần an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia
- Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia (Nền tảng SOC quốc gia thế hệ mới)
- Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật

Các hệ thống, giải pháp phục vụ bảo đảm an ninh mạng của các cơ quan Đảng (giám sát, phòng vệ và ứng cứu an ninh mạng)

Thành phần an ninh mạng đặc thù khác của các cơ quan Đảng (bảo vệ hệ thống, phân miền; cơ yếu và mật mã)

(*) Sử dụng Trung tâm dữ liệu hiện có; trung tâm dữ liệu chính của các cơ quan Đảng đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Trường hợp xây dựng, triển khai mới trung tâm dữ liệu chỉ thực hiện khi thật sự cần thiết.

Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Thành phần do các cơ quan Đảng triển khai

SD-06.1. Mô hình Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung

2. Thành phần Hạ tầng số

Thành phần Hạ tầng số bao gồm các thành phần sau:

2.1. Thành phần hạ tầng số dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Là các thành phần hạ tầng số do cơ quan có thẩm quyền quản lý, cung cấp để nhiều cơ quan trong hệ thống chính trị khai thác, sử dụng theo phạm vi và điều kiện được xác định.

Các cơ quan đảng ưu tiên khai thác các năng lực hạ tầng dùng chung đã được cung cấp và đáp ứng yêu cầu, bao gồm tài nguyên trung tâm dữ liệu, tính toán, lưu trữ, kết nối mạng, sao lưu, dự phòng, phục hồi và các dịch vụ hạ tầng số có liên quan.

Việc khai thác phải căn cứ vào yêu cầu nghiệp vụ, tính chất và mức độ bảo vệ dữ liệu, năng lực cung cấp, hiệu năng, mức dịch vụ, khả năng dự phòng và trách nhiệm của các bên. Trường hợp hạ tầng dùng chung chưa đáp ứng yêu cầu hoặc không thuộc phạm vi cung cấp, cơ quan đảng có thẩm quyền sẽ xem xét xây dựng, duy trì hoặc khai thác thành phần bổ sung theo quy định của Khung.

Việc sử dụng hạ tầng do chủ thể khác quản lý không làm thay đổi thẩm quyền quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu, nghiệp vụ và trách nhiệm bảo vệ thuộc các cơ quan đảng. Phạm vi sử dụng, trách nhiệm quản lý, vận hành và quan hệ cung cấp dịch vụ được xác định rõ trong Danh mục kiến trúc và các thoả thuận có liên quan.

Theo Điểm a Mục 3 Phần II và Phụ lục II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, các thành phần hạ tầng số dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Cơ sở hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia và Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia; Trung tâm tính toán hiệu năng cao của Trung tâm dữ liệu quốc gia (Bộ Công an chủ quản); Mạng thông tin diện rộng của Đảng; Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan đảng, nhà nước; Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (Ban Cơ yếu Chính phủ chủ quản); Hạ tầng chứng thực điện tử quốc gia; các kết nối đặc thù cho vùng sâu, vùng xa và thành phần hạ tầng số dùng chung khác do cấp có thẩm quyền quyết định. Mạng thông tin diện rộng của Đảng có độ tin cậy và bảo mật cao nhất, được định hướng phát triển thành mạng lõi dùng chung cho các kết nối và trao đổi thông tin yêu cầu độ mật, độ tin cậy cao nhất của các cơ quan trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); Văn phòng Trung ương Đảng quản lý theo phân công.

Việc khai thác thực hiện theo phân loại thông tin, cấp độ an ninh mạng của hệ thống thông tin và quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2.2. Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng

Thành phần này bao gồm các trung tâm dữ liệu do các cơ quan đảng quản lý, triển khai và những điều kiện kỹ thuật cần thiết để bố trí, duy trì, vận hành an toàn các thiết bị, tài nguyên và hệ thống công nghệ thông tin.

Các điều kiện kỹ thuật chủ yếu gồm: Không gian đặt thiết bị; hệ thống nguồn điện, nguồn điện dự phòng; làm mát; phòng cháy, chữa cháy; kiểm soát ra vào; bảo vệ vật lý; giám sát môi trường và các hệ thống kỹ thuật phụ trợ phục vụ hoạt động của trung tâm dữ liệu.

Theo phương án tổ chức hạ tầng của Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng ban hành kèm theo Quyết định số 204-QĐ/TW, hạ tầng trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng được tổ chức theo mô hình trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng. Trung tâm dữ liệu chính được bố trí tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; trung tâm dữ liệu tại trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng (số 1A Hùng Vương) được định hướng sử dụng làm trung tâm dữ liệu dự phòng. Hệ thống công nghệ thông tin của các cơ quan đảng triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia theo hình thức chỗ đặt (co-location) và điện toán đám mây, không đầu tư mới trung tâm dữ liệu riêng, phù hợp Hướng dẫn khung kiến trúc hạ tầng dữ liệu và hạ tầng điện toán đám mây (Phụ lục 5 kèm theo Công văn số 4856/BCA-TTDLQG, ngày 14/9/2026 của Bộ Công an); dữ liệu thuộc bí mật nhà nước được lưu trữ, xử lý theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Nguyên tắc này được ưu tiên áp dụng cả đối với các cơ quan đảng ở địa phương; tài nguyên tính toán phục vụ trí tuệ nhân tạo ưu tiên khai thác tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, không đầu tư phân tán. Ưu tiên sử dụng trung tâm dữ liệu hiện có; việc xây dựng, triển khai mới trung tâm dữ liệu chỉ thực hiện khi thật sự cần thiết; ưu tiên sử dụng hạ tầng và nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Phạm vi quản lý, hiện trạng khai thác, mức độ sẵn sàng, mô hình kết nối và vận hành của từng trung tâm dữ liệu phải được xác định theo hồ sơ, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cập nhật trong Danh mục kiến trúc. Việc đã hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất không đồng nghĩa với việc trung tâm dữ liệu đã đủ điều kiện đưa vào vận hành chính thức.

Trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng phải được tổ chức phù hợp với yêu cầu bảo đảm hoạt động liên tục, khả năng chuyển đổi dự phòng, phục hồi khi xảy ra sự cố và các yêu cầu về an ninh mạng.

Thành phần này tập trung vào cơ sở vật chất và các điều kiện kỹ thuật phục vụ trung tâm dữ liệu. Máy chủ, tài nguyên tính toán, lưu trữ, môi trường thực thi và các dịch vụ sao lưu, phục hồi được mô tả tại Mục 2.5 Phần này; không mô tả trùng lặp trong thành phần Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng.

2.3. Mạng nội bộ (LAN/Intranet) và kết nối Internet băng rộng; Kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng

Thành phần này cung cấp năng lực truyền dẫn, kết nối các cơ quan, đơn vị, trung tâm dữ liệu, thiết bị, hệ thống thông tin và các môi trường khai thác được phép.

Hạ tầng mạng gồm ba nhóm chính:

Mạng nội bộ của các cơ quan đảng cung cấp kết nối trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa điểm làm việc và trung tâm dữ liệu; bảo đảm khả năng kết nối thiết bị, truy cập tài nguyên, sử dụng ứng dụng và dịch vụ số theo phân quyền.

Mạng thông tin diện rộng của Đảng (thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị nêu tại Mục 2.1 Phần này) là hạ tầng kết nối diện rộng, phục vụ kết nối giữa Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, trung tâm dữ liệu chính, trung tâm dữ liệu dự phòng và các điểm kết nối được cấp có thẩm quyền cho phép.

Mạng thông tin diện rộng của Đảng phải được quản lý thống nhất về phạm vi cung cấp, điểm kết nối, chất lượng dịch vụ, năng lực truyền dẫn, khả năng dự phòng, giám sát và xử lý sự cố. Văn phòng Trung ương Đảng xác định hoặc trình cấp có thẩm quyền xác định chủ thể quản lý, đơn vị vận hành, cơ chế cung cấp dịch vụ, mức dịch vụ và lộ trình phát triển mạng theo phân công.

Mạng thông tin diện rộng của Đảng là hạ tầng dùng chung của hệ thống chính trị cho các kết nối, trao đổi thông tin yêu cầu độ mật, độ tin cậy cao nhất; cơ quan ngoài khối Đảng kết nối khi có yêu cầu nghiệp vụ, theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu và chịu sự quản lý thống nhất của Văn phòng Trung ương Đảng. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan đảng, nhà nước được sử dụng theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước giữa các cơ quan đảng với cơ quan, tổ chức khác được triển khai trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, sử dụng sản phẩm mật mã, giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ theo Điều 11, Điều 12 Quy định số 384-QĐ/TW. Tại cấp tỉnh, cấp xã, việc đầu tư hạ tầng truyền dẫn phải rà soát, sử dụng chung hạ tầng hiện có của hai mạng, không đầu tư trùng lặp.

Kết nối ngoài có kiểm soát bao gồm kết nối với Internet và các mạng, hạ tầng, hệ thống thông tin ngoài phạm vi quản lý trực tiếp của các cơ quan đảng. Việc kết nối phải thực hiện qua các điểm kết nối được phê duyệt, phù hợp với thẩm quyền, mục đích, phạm vi sử dụng và yêu cầu bảo vệ.

Hạ tầng mạng chịu trách nhiệm cung cấp và duy trì năng lực truyền dẫn, kết nối; các biện pháp kiểm soát truy cập, phân miền an ninh, bảo vệ điểm kết nối và kiểm soát luồng dữ liệu thuộc Thành phần An ninh mạng. Việc phân định này không loại trừ yêu cầu thiết kế mạng phải đáp ứng ngay từ đầu các điều kiện về an toàn, bảo mật và khả năng phục hồi.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu ở cấp ứng dụng và nền tảng thông qua các dịch vụ, giao diện lập trình ứng dụng và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; không đồng nhất với chức năng kết nối mạng của thành phần này.

2.4. Thiết bị đầu cuối phục vụ cán bộ, công chức; Thiết bị số hoá hồ sơ; Thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến theo điều kiện

Thành phần này bao gồm các thiết bị phục vụ người sử dụng truy cập hệ thống, thực hiện công việc, tạo lập dữ liệu và tham gia các hoạt động làm việc, phối hợp trên môi trường số.

Các thiết bị chủ yếu gồm máy trạm, máy tính, thiết bị di động được phép sử dụng; thiết bị số hoá hồ sơ, tài liệu; thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến, trình chiếu, phòng họp không giấy và các thiết bị đầu cuối chuyên dụng theo yêu cầu nghiệp vụ.

Thiết bị phải được quản lý theo danh mục, cấu hình kỹ thuật, trạng thái sử dụng và vòng đời; đáp ứng yêu cầu kết nối, định danh, xác thực, bảo vệ dữ liệu, quản lý phần mềm, cập nhật và kiểm soát an toàn thiết bị.

Việc trang bị thiết bị chuyên dụng phải căn cứ vào yêu cầu nghiệp vụ và khả năng sử dụng chung, tránh đầu tư nhiều loại thiết bị có chức năng tương tự khi có thể sử dụng cùng một thiết bị hoặc giải pháp tích hợp đáp ứng yêu cầu.

Thành phần này chỉ bao gồm thiết bị và năng lực kỹ thuật tại đầu cuối. Các ứng dụng phục vụ hội nghị, quản lý tài liệu họp, xử lý văn bản, ký số và các nghiệp vụ khác được xác định tại lớp kiến trúc tương ứng theo chức năng chính; không mặc nhiên coi toàn bộ các hệ thống đó là thành phần hạ tầng chỉ vì được sử dụng thông qua thiết bị đầu cuối.

2.5. Thành phần hạ tầng số đặc thù khác của các cơ quan đảng (tài nguyên tính toán, lưu trữ, môi trường thực thi; sao lưu, phục hồi)

Thành phần này cung cấp các tài nguyên và dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai, vận hành cơ sở dữ liệu, nền tảng số, ứng dụng và hệ thống thông tin. Các năng lực chủ yếu gồm:

- Tài nguyên tính toán: Máy chủ, bộ xử lý, bộ nhớ, tài nguyên tính toán chuyên dụng và các tài nguyên phục vụ xử lý dữ liệu, phân tích, trí tuệ nhân tạo.
- Tài nguyên lưu trữ: Các hệ thống và dịch vụ lưu trữ đáp ứng yêu cầu dung lượng, hiệu năng, tính sẵn sàng và bảo vệ.
- Môi trường thực thi: Ảo hoá, hệ điều hành, môi trường máy ảo, container, điều phối tài nguyên, điện toán đám mây và các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật cần thiết để triển khai hệ thống.
- Sao lưu, dự phòng và phục hồi: Các năng lực kỹ thuật phục vụ sao lưu dữ liệu, sao lưu cấu hình, nhân bản hoặc dự phòng tài nguyên, khôi phục hệ thống và phục hồi khi xảy ra sự cố, thảm hoạ.

Tài nguyên được tổ chức theo hướng dùng chung, cho phép cấp phát, phân bổ, mở rộng, thu hồi, giám sát và tối ưu sử dụng theo nhu cầu thực tế. Việc lựa chọn mô hình triển khai tập trung, phân tán, điện toán đám mây riêng, điện toán đám mây lai hoặc tại chỗ phải căn cứ vào yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, hiệu năng, phân vùng tin cậy, mức độ bảo vệ và tổng chi phí vòng đời.

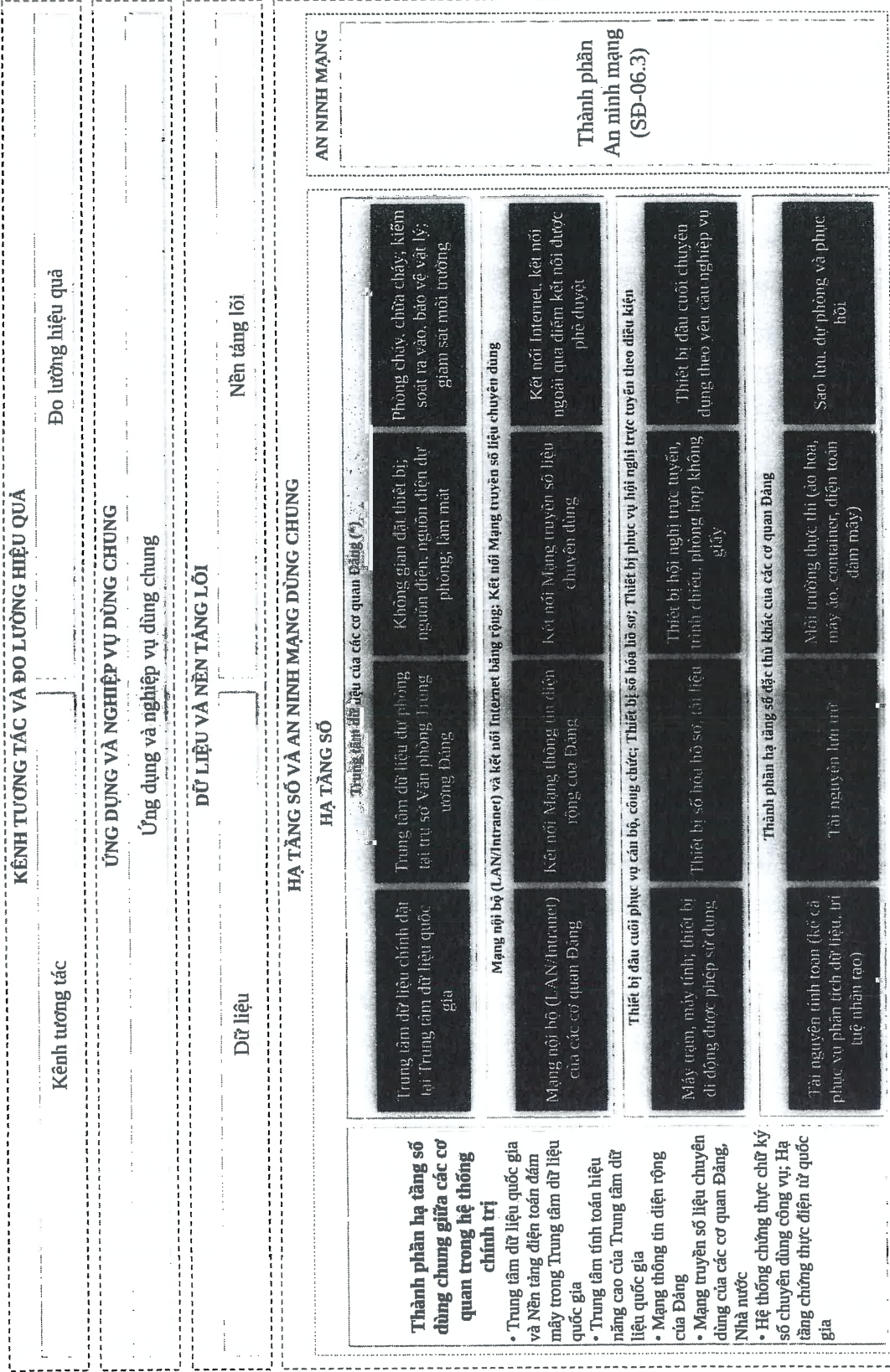
Đối với hệ thống thông tin trọng yếu, hệ thống yêu cầu tính sẵn sàng cao hoặc xử lý dữ liệu có yêu cầu bảo vệ đặc biệt, phải xác định phương án dự phòng, sao lưu và phục hồi phù hợp với yêu cầu duy trì hoạt động.

Mục tiêu thời gian khôi phục và mục tiêu điểm khôi phục phải được xác định theo yêu cầu nghiệp vụ, mức độ quan trọng và mức dịch vụ của từng hệ thống; từ đó tổ chức, lựa chọn năng lực hạ tầng tương ứng, không mặc định áp dụng cùng một mức dự phòng cho mọi hệ thống.

Thành phần này cung cấp năng lực sao lưu, phục hồi ở cấp hạ tầng. Việc xác định dữ liệu cần sao lưu, thứ tự khôi phục, phương án chuyển đổi nghiệp vụ, kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu và duy trì hoạt động của từng hệ thống phải được chủ quản hệ thống phối hợp với đơn vị vận hành xác định trong phương án bảo đảm hoạt động liên tục.

Tài nguyên tính toán, lưu trữ và môi trường thực thi có thể được cung cấp từ các trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng hoặc khai thác từ hạ tầng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị theo thẩm quyền; không mặc nhiên yêu cầu xây dựng một hệ thống tài nguyên độc lập tại mỗi trung tâm dữ liệu.

MÔ HÌNH THÀNH PHẦN HẠ TẦNG SỐ CỦA LỚP HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG



(*) Sử dụng Trung tâm dữ liệu hiện có; trung tâm dữ liệu chính của các cơ quan Đảng đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Trường hợp xây dựng, triển khai mới trung tâm dữ liệu chỉ thực hiện khi thật sự cần thiết.

SD-06.2. Mô hình thành phần Hạ tầng số của Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung

3. Thành phần An ninh mạng

Thành phần An ninh mạng cung cấp các năng lực kỹ thuật nhằm bảo vệ hạ tầng, hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng và dữ liệu; phát hiện, ngăn chặn, ứng phó với nguy cơ, sự cố và bảo đảm các yêu cầu cơ yếu, mật mã theo quy định.

Thành phần An ninh mạng bao gồm các thành phần sau:

3.1. Thành phần an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Là các năng lực, hệ thống và dịch vụ an ninh mạng do cơ quan có thẩm quyền quản lý, cung cấp để các cơ quan trong hệ thống chính trị khai thác theo phạm vi được xác định.

Các năng lực có thể bao gồm giám sát, cảnh báo nguy cơ; chia sẻ thông tin về mối đe dọa; phát hiện và hỗ trợ xử lý sự cố; cung cấp dịch vụ, giải pháp bảo vệ và các năng lực an ninh mạng dùng chung khác theo phạm vi được cấp có thẩm quyền công bố.

Các cơ quan đảng ưu tiên sử dụng và tích hợp với những năng lực đã được cung cấp, đáp ứng yêu cầu bảo vệ. Việc xây dựng các hệ thống, giải pháp an ninh mạng riêng phải được đối chiếu với danh mục năng lực dùng chung để tránh đầu tư trùng lặp chức năng, đối tượng và phạm vi bảo vệ.

Việc sử dụng thành phần an ninh mạng dùng chung không thay thế trách nhiệm bảo đảm an ninh mạng của chủ quản hệ thống thông tin và các cơ quan đảng theo thẩm quyền.

Các thành phần an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia; Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia (Nền tảng SOC quốc gia thế hệ mới) do Bộ Công an chủ quản; Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các cơ quan đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác theo phạm vi triển khai thực tế; thành phần an ninh mạng dùng chung khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

Các cơ quan đảng được bảo vệ thông qua Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia, không cần đầu tư, xây dựng giải pháp có tính năng tương tự; thành phần giám sát an ninh mạng của các cơ quan đảng kết nối, chia sẻ thông tin với Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia theo quy định. Việc kết nối, chia sẻ, trao đổi dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện trên hạ tầng, mạng và hệ thống chuyên

dùng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và cơ yếu.

3.2. Các hệ thống, giải pháp phục vụ bảo đảm an ninh mạng của các cơ quan đảng (giám sát, phòng vệ và ứng cứu an ninh mạng)

Thành phần này cung cấp các năng lực an ninh mạng được tổ chức thống nhất để bảo vệ nhiều hệ thống thông tin, trung tâm dữ liệu, mạng và tài nguyên số thuộc phạm vi các cơ quan đảng.

Các năng lực chủ yếu bao gồm giám sát an ninh mạng tập trung; tiếp nhận và phân tích nhật ký, sự kiện an ninh; phát hiện bất thường, nguy cơ và dấu hiệu tấn công; cảnh báo; hỗ trợ ngăn chặn; điều phối ứng cứu, xử lý sự cố và đánh giá tình trạng an ninh mạng.

Việc giám sát phải được tổ chức theo phạm vi và thẩm quyền được giao, bảo đảm khả năng tiếp nhận, liên kết và phân tích thông tin từ các trung tâm dữ liệu, hạ tầng mạng, hệ thống thông tin và những thành phần bảo vệ tại chỗ.

Thành phần này được thiết kế để cung cấp năng lực bảo vệ và ứng cứu dùng chung, đồng thời tích hợp, chia sẻ thông tin với các thành phần an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị theo thẩm quyền.

Phạm vi giám sát, trách nhiệm phát hiện, cảnh báo, điều phối và ứng cứu phải được xác định rõ giữa đơn vị cung cấp năng lực dùng chung, đơn vị vận hành hạ tầng và chủ quản từng hệ thống thông tin; tránh tổ chức nhiều đầu mối độc lập cùng thực hiện một chức năng mà không có cơ chế phối hợp.

Giám sát an ninh mạng tập trung được phân biệt với giám sát vận hành công nghệ thông tin thông thường. Giám sát vận hành tập trung vào hiệu năng, tính sẵn sàng, trạng thái và chất lượng dịch vụ; giám sát an ninh mạng tập trung vào nguy cơ, sự kiện, hành vi bất thường, tấn công và sự cố an ninh mạng. Hai năng lực có thể khai thác chung dữ liệu kỹ thuật nhưng phải phân định rõ mục tiêu, trách nhiệm và quy trình xử lý.

3.3. Thành phần an ninh mạng đặc thù khác của các cơ quan đảng (bảo vệ hệ thống, phân miền; cơ yếu và mật mã)

Thành phần này bao gồm các năng lực và biện pháp bảo vệ được triển khai tại từng hệ thống thông tin, vùng mạng, trung tâm dữ liệu, thiết bị và môi trường xử lý dữ liệu; đồng thời bao gồm các thành phần cơ yếu, mật mã thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan đảng. Các nội dung chủ yếu gồm:

- Bảo vệ hệ thống thông tin, máy chủ, thiết bị đầu cuối và các môi trường thực thi.

- Tổ chức phân miền an ninh, phân vùng tin cậy, tách biệt các môi trường và kiểm soát kết nối giữa những miền, vùng có yêu cầu bảo vệ khác nhau.

- Kiểm soát truy cập mạng, lưu lượng, điểm kết nối, kết nối từ xa và các giao dịch qua ranh giới bảo vệ.

- Triển khai các biện pháp phát hiện, ngăn chặn, bảo vệ tại chỗ theo cấp độ an ninh mạng của hệ thống thông tin, mức độ quan trọng của hệ thống và tính chất dữ liệu.

- Tổ chức, khai thác hạ tầng cơ yếu, mật mã và các giải pháp mật mã phục vụ bảo vệ thông tin, xác thực, ký số, mã hoá và bảo đảm các yêu cầu bảo mật theo thẩm quyền, quy định chuyên ngành.

Việc phân miền an ninh phải căn cứ vào tính chất nghiệp vụ, mức độ bảo vệ dữ liệu, yêu cầu kết nối và mô hình triển khai; xác định rõ các vùng tin cậy, vùng trung gian, vùng cung cấp dịch vụ công khai, vùng xử lý dữ liệu và những điểm kết nối giữa các vùng.

Các kết nối giữa Mạng thông tin diện rộng của Đảng, Internet, Mạng truyền số liệu chuyên dùng và những môi trường đặc thù khác phải được kiểm soát theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các thành phần cơ yếu, mật mã phải được tổ chức, quản lý và sử dụng theo quy định chuyên ngành; bảo đảm phù hợp với yêu cầu bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và tính chất thông tin, dữ liệu được xử lý.

Thành phần này tập trung vào năng lực bảo vệ tại hệ thống, miền an ninh và các yêu cầu cơ yếu, mật mã. Các năng lực giám sát, phân tích, cảnh báo và điều phối ứng cứu tập trung được tổ chức tại thành phần dùng chung quy định tại Mục 3.2 Phần này; không đầu tư lại các chức năng đã được cung cấp và đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp hệ thống có yêu cầu bảo vệ đặc thù hoặc cần duy trì năng lực giám sát, ứng cứu tại chỗ, việc triển khai bổ sung phải xác định rõ phạm vi, trách nhiệm và cơ chế tích hợp với năng lực dùng chung.

MÔ HÌNH THÀNH PHẦN AN NINH MẠNG CỦA LỚP HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

Kênh tương tác

Đo lường hiệu quả

ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

Dữ liệu

Nền tảng lõi

HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

HẠ TẦNG SỐ

AN NINH MẠNG

(Bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia)

Thành phần an ninh mạng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia
- Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia (Nền tảng SOC quốc gia thế hệ mới)
- Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật

Thành phần Hạ tầng số (SD-06.2)

Các hệ thống, giải pháp phục vụ bảo đảm an ninh mạng của các cơ quan Đảng (giám sát, phòng vệ và ứng cứu an ninh mạng)

Giám sát an ninh mạng tập trung

Tiếp nhận, phân tích nhật ký, sự kiện an ninh

Phát hiện bất thường, nguy cơ, dấu hiệu tấn công

Cảnh báo; hỗ trợ ngăn chặn

Điều phối ứng cứu, xử lý sự cố

Thành phần an ninh mạng đặc thù khác của các cơ quan Đảng (bảo vệ hệ thống, phân miền; cơ yếu và mật mã)

Bảo vệ hệ thống thông tin, máy chủ, thiết bị đầu cuối

Phân miền an ninh, phân vùng tin cậy

Kiểm soát truy cập mạng, lưu lượng, điểm kết nối

Bảo vệ tại chỗ theo cấp độ an ninh mạng

Hạ tầng cơ yếu, mật mã; xác thực, ký số, mã hóa

Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Thành phần do các cơ quan Đảng triển khai

SD-06.3. Mô hình thành phần An ninh mạng của Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung

4. Phân loại và phạm vi triển khai các thành phần

Việc phân loại các thành phần Hạ tầng số và an ninh mạng phải thực hiện đồng thời theo trách nhiệm quản lý, phạm vi sử dụng và tính chất nghiệp vụ; không đồng nhất thành phần chuyên ngành, đặc thù với thành phần dùng riêng.

4.1. Theo trách nhiệm quản lý và phạm vi cung cấp

Các thành phần được phân thành hai nhóm:

a) Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Là các thành phần do cơ quan được cấp có thẩm quyền giao chủ quản (bao gồm cả Văn phòng Trung ương Đảng đối với Mạng thông tin diện rộng của Đảng) cung cấp để các cơ quan đảng kết nối, khai thác và sử dụng theo quy định.

Các cơ quan đảng không đầu tư xây dựng lại những năng lực đã được cung cấp và đáp ứng yêu cầu, trừ trường hợp có nhu cầu đặc thù được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

b) Thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai

Bao gồm các thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng và các thành phần chuyên ngành, đặc thù phục vụ yêu cầu nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan đảng.

Trong nhóm này, mỗi thành phần phải được xác định rõ phạm vi sử dụng: Dùng chung toàn hệ thống; dùng chung theo nhóm cơ quan, ngành hoặc cấp; hoặc dùng riêng theo cơ quan, địa phương, hệ thống hay phạm vi nghiệp vụ.

4.2. Theo tính chất và yêu cầu sử dụng

Các thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai được tổ chức theo ba nhóm chủ yếu:

a) Thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng

Bao gồm những năng lực hạ tầng số và an ninh mạng cần được tổ chức thống nhất để phục vụ nhiều cơ quan, nhiều cấp hoặc toàn hệ thống, như trung tâm dữ liệu, tài nguyên điện toán, lưu trữ, sao lưu, phục hồi, giám sát và phòng vệ an ninh mạng dùng chung.

Những thành phần này có thể được triển khai tập trung, phân tán có kiểm soát hoặc kết hợp, nhưng phải được quản lý thống nhất về kiến trúc, phạm vi cung cấp, chất lượng dịch vụ, trách nhiệm vận hành và yêu cầu bảo vệ.

b) Thành phần chuyên ngành, đặc thù

Bao gồm các thành phần phục vụ yêu cầu kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc bảo mật riêng của một ngành, lĩnh vực hay nhóm cơ quan mà thành phần dùng chung chưa đáp ứng.

Các thành phần này có thể phục vụ nghiệp vụ báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tấn, xuất bản, đào tạo, nghiên cứu khoa học hoặc những nghiệp vụ có yêu cầu xử lý thời gian thực, năng lực tính toán chuyên dụng, dung lượng lớn, phân vùng tin cậy hoặc mức độ bảo mật đặc biệt.

Thành phần chuyên ngành, đặc thù có thể được tổ chức dùng chung theo ngành hoặc nhóm nghiệp vụ; không mặc nhiên là thành phần dùng riêng và không bắt buộc phải tập trung toàn bộ về một trung tâm dữ liệu nếu có căn cứ kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc bảo vệ để duy trì tại chỗ.

c) Thành phần bổ sung và giải pháp chuyển tiếp có kiểm soát

Thành phần bổ sung được xem xét khi năng lực dùng chung chưa hình thành, chưa được công bố sẵn sàng, chưa đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ, dữ liệu, hiệu năng, mức dịch vụ, tính liên tục hoặc an ninh mạng.

Việc triển khai phải xác định rõ phạm vi, chủ thể chịu trách nhiệm, thời hạn áp dụng, quan hệ với thành phần dùng chung, phương án tích hợp và lộ trình chuyển đổi, hợp nhất hoặc dùng khi năng lực dùng chung đáp ứng yêu cầu.

Không sử dụng danh nghĩa thành phần đặc thù hoặc giải pháp chuyển tiếp để đầu tư hệ thống có chức năng lõi trùng lặp với năng lực dùng chung đã được cung cấp đầy đủ.

4.3. Nguyên tắc phân định và sử dụng tài nguyên

Một thành phần hạ tầng hoặc an ninh mạng có thể được bố trí tại nhiều địa điểm, phục vụ nhiều cơ quan hoặc được thể hiện trong nhiều sơ đồ kiến trúc, nhưng phải được quản lý bằng một bản ghi đại diện thống nhất trong Danh mục kiến trúc.

Việc phân định phải dựa trên chức năng chính, chủ thể quản lý và phạm vi cung cấp. Trung tâm dữ liệu được phân biệt với tài nguyên điện toán; hạ tầng kết nối mạng được phân biệt với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; năng lực giám sát an ninh mạng tập trung được phân biệt với các biện pháp bảo vệ tại từng hệ thống.

Các thành phần có thể cùng sử dụng thiết bị, hạ tầng hoặc dữ liệu kỹ thuật mà không bị coi là trùng lặp nếu có chức năng và trách nhiệm khác nhau. Ngược lại, những thành phần có tên gọi khác nhau nhưng cung cấp cùng một năng lực cho cùng đối tượng và phạm vi phải được rà soát để sử dụng chung, tích hợp, hợp nhất hoặc điều chỉnh phương án đầu tư.

5. Nguyên tắc quản trị, vận hành và phát triển hạ tầng

5.1. Quản trị thống nhất theo kiến trúc và danh mục

Mọi thành phần Hạ tầng số và an ninh mạng phải được quản lý trong Danh mục kiến trúc, xác định tối thiểu: Tên và mã định danh; chức năng; chủ thể quản lý; đơn vị vận hành; phạm vi cung cấp, sử dụng; hiện trạng; năng lực; mức dịch vụ; quan hệ kết nối, phụ thuộc; yêu cầu bảo vệ; phương án dự phòng, phục hồi và lộ trình phát triển.

Phải phân định rõ trách nhiệm giữa chủ quản hệ thống thông tin, chủ quản hạ tầng, đơn vị vận hành và đơn vị cung cấp dịch vụ dùng chung, đặc biệt đối với những hệ thống được triển khai trên hạ tầng do chủ thể khác cung cấp.

Các thông tin về trạng thái sẵn sàng, mức dịch vụ và điều kiện sử dụng của thành phần dùng chung phải được công bố, cập nhật làm căn cứ để cơ quan, địa phương quyết định phương án khai thác hoặc đầu tư bổ sung theo thẩm quyền.

5.2. Bảo đảm khả năng sẵn sàng, dự phòng và phục hồi

Hạ tầng phải được thiết kế, tổ chức phù hợp với yêu cầu sẵn sàng và tính liên tục của từng hệ thống thông tin, đặc biệt đối với các hệ thống phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và các hệ thống trọng yếu.

Phương án dự phòng, sao lưu và phục hồi phải được xác định dựa trên yêu cầu nghiệp vụ, mức độ quan trọng, mức độ bảo vệ dữ liệu và mục tiêu thời gian, điểm khôi phục được phê duyệt.

Các hệ thống trọng yếu phải có phương án xử lý sự cố, chuyển đổi dự phòng và khôi phục được kiểm tra, diễn tập định kỳ theo yêu cầu. Việc có trung tâm dữ liệu dự phòng không thay thế yêu cầu xây dựng và kiểm thử phương án phục hồi đối với từng hệ thống thông tin.

5.3. Bảo đảm kết nối, liên thông và an toàn ngay từ thiết kế

Hạ tầng số phải được thiết kế theo kiến trúc mở, có khả năng mở rộng, tích hợp và kết nối theo tiêu chuẩn; hạn chế phụ thuộc vào một công nghệ, sản phẩm hoặc nhà cung cấp.

Các kết nối trong nội bộ cơ quan đảng và kết nối với hệ thống bên ngoài phải được xác định rõ về mục đích, chủ thể, phạm vi, điểm kết nối, mức dịch vụ và yêu cầu bảo vệ.

Việc phân miền an ninh, kiểm soát truy cập, mã hoá, giám sát và bảo vệ phải được xem xét đồng thời với thiết kế hạ tầng, không triển khai bổ sung một cách biệt lập sau khi hệ thống đã hình thành.

Các giải pháp kỹ thuật thuộc lớp này phải bảo đảm đáp ứng Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia, Khung kiến trúc an ninh mạng của các cơ quan đảng, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung có liên quan. Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) chủ trì xây dựng Khung kiến trúc an ninh mạng của các cơ quan đảng phù hợp với Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia do Bộ Công an chủ trì, trình ban hành trong năm 2027; xác định rõ việc kết nối, chia sẻ thông tin với Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia và việc bảo vệ thông qua Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia.

5.4. Quản lý vòng đời và kiểm soát đầu tư trùng lặp

Việc đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng, thay thế hoặc dừng thành phần hạ tầng số và an ninh mạng phải căn cứ vào kiến trúc hiện trạng, kiến trúc mục tiêu, nhu

cầu năng lực, mức độ sử dụng, khả năng cung cấp của thành phần dùng chung và tổng chi phí vòng đời.

Ưu tiên khai thác, nâng cấp, mở rộng và tái sử dụng những thành phần hiện có đã đáp ứng yêu cầu. Chỉ hình thành thành phần mới khi xác định rõ năng lực còn thiếu, phạm vi phục vụ, sự cần thiết và quan hệ với các thành phần đã có.

Phải có phương án quản lý cấu hình, bảo trì, nâng cấp, giám sát, chuyển giao, thay thế và kết thúc sử dụng; bảo đảm khả năng chuyển đổi tài nguyên, dữ liệu và dịch vụ khi thay đổi mô hình vận hành hoặc nhà cung cấp.

Không đầu tư trùng lặp trung tâm dữ liệu, mạng kết nối, tài nguyên điện toán, lưu trữ, sao lưu, phục hồi và các năng lực an ninh mạng khi thành phần dùng chung đã được công bố sẵn sàng và đáp ứng yêu cầu.

5.5. Phân công trách nhiệm triển khai

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì hoặc phối hợp chủ trì quản lý, phát triển các thành phần Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung trong các cơ quan đảng theo phân công; tổ chức công bố, cập nhật danh mục thành phần dùng chung, phạm vi cung cấp, điều kiện sử dụng, mức dịch vụ và yêu cầu kỹ thuật; hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ Khung.

Các cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ và các đơn vị có liên quan tổ chức khai thác, vận hành, bảo vệ và phát triển các thành phần thuộc phạm vi được giao; ưu tiên sử dụng thành phần dùng chung, bảo đảm kết nối, tích hợp và không đầu tư chức năng lõi trùng lặp.

Việc xây dựng, duy trì hoặc phát triển thành phần chuyên ngành, đặc thù và thành phần bổ sung phải được thực hiện theo thẩm quyền, tuân thủ Khung, bảo đảm yêu cầu bảo vệ, khả năng liên thông và phương án sử dụng chung hoặc hội tụ khi phù hợp.

Trách nhiệm quản trị và vận hành hạ tầng không làm thay đổi trách nhiệm của chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu và chủ quản hệ thống thông tin đối với dữ liệu, nghiệp vụ, mức dịch vụ và yêu cầu bảo vệ thuộc phạm vi quản lý của mình.

VI- LỚP DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

1. Mục tiêu

Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi cung cấp các tài sản dữ liệu và năng lực nền tảng số phục vụ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tham mưu, quản lý, tác nghiệp, nghiên cứu, phân tích và cung cấp dịch vụ số của các cơ quan đảng.

Lớp này được tổ chức thành hai thành phần chính: (1) Thành phần dữ liệu và (2) Thành phần nền tảng lõi.

Thành phần dữ liệu xác định, tổ chức và quản lý các tài sản dữ liệu của các cơ quan đảng, bao gồm các cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung, CSDL chuyên ngành; hồ dữ liệu, kho dữ liệu và các tập dữ liệu dẫn xuất; dữ liệu dùng chung,

dữ liệu chuyên ngành, đặc thù và những dữ liệu được khai thác từ các cơ quan, tổ chức khác theo thẩm quyền.

Thành phần nền tảng lõi cung cấp các năng lực kỹ thuật để kết nối, tích hợp, chia sẻ, quản trị, xử lý và phân tích dữ liệu; định danh, xác thực và quản lý truy cập; phát triển ứng dụng, quản lý và tự động hoá quy trình; giám sát vận hành và cung cấp bằng chứng tuân thủ kỹ thuật.

Hai thành phần được tổ chức trong cùng một lớp nhưng phải phân định rõ về bản chất, chức năng và trách nhiệm quản lý. Thành phần dữ liệu quản lý các tài sản dữ liệu, nội dung và giá trị sử dụng của dữ liệu; Thành phần nền tảng lõi cung cấp công cụ, dịch vụ và năng lực kỹ thuật để quản trị, xử lý, kết nối, chia sẻ và khai thác các tài sản dữ liệu đó.

Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi phải đáp ứng các mục tiêu chủ yếu sau:

a) Hình thành hệ thống dữ liệu thống nhất, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác theo thẩm quyền; bảo đảm dữ liệu được tạo lập, cập nhật, quản lý và sử dụng đúng trách nhiệm, đúng mục đích, đúng phạm vi.

b) Xác định rõ CSDL gốc, chủ quản dữ liệu và trách nhiệm tạo lập, cập nhật dữ liệu; hạn chế việc lưu trữ, sao chép và cập nhật trùng lặp, làm phát sinh các nguồn dữ liệu không thống nhất.

c) Phát triển các nền tảng số có khả năng cung cấp năng lực kỹ thuật dùng chung cho nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều hệ thống thông tin và nhiều nhóm nghiệp vụ; ưu tiên tái sử dụng, tránh đầu tư trùng lặp.

d) Tăng cường khai thác, tổng hợp, phân tích và làm gia tăng giá trị dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; phát triển các ứng dụng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và sản phẩm số giá trị gia tăng trên cơ sở dữ liệu được quản trị thống nhất.

đ) Bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp và khai thác các thành phần dữ liệu, nền tảng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị theo thẩm quyền; đồng thời duy trì trách nhiệm quản lý đối với dữ liệu và nền tảng đặc thù của các cơ quan đảng.

e) Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, bảo vệ dữ liệu, khả năng truy vết, chuyển giao và không phụ thuộc không kiểm soát vào công nghệ hoặc nhà cung cấp.

Các thành phần của lớp được phân định theo trách nhiệm quản lý và phạm vi sử dụng, bao gồm:

- Thành phần dữ liệu và nền tảng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan đảng khai thác, sử dụng theo thẩm quyền.

- Thành phần dữ liệu và nền tảng do các cơ quan đảng quản lý, triển khai, trong đó có thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng và thành phần chuyên ngành, đặc thù.

MÔ HÌNH LỚP DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

Kênh tương tác

Đo lường hiệu quả

ỔNG ĐỊNH VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

DỮ LIỆU

Thành phần dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Các CSDL quốc gia, trọng yếu, chuyên ngành dùng chung
- Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo; Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo
- Nền tảng số từ điển dữ liệu dùng chung

Các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành của các cơ quan Đảng

Thành phần dữ liệu, CSDL, đặc thù khác của các cơ quan Đảng (hồ dữ liệu, kho dữ liệu và các tập dữ liệu dân xuất)

MÔ HÌNH TÔ CHỨC DỮ
LIỆU KẾT HỢP

(diện tích 12.150m²)

PHẦN TÁN TẠI NGIỖN

Dữ liệu được tạo lập, cấp nhận tại hệ thống nguồn của cơ quan chủ quản; chủ quan chịu trách nhiệm về chất lượng.

TẬP TRUNG CỔ CHON LOC

Dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ, dữ liệu tổng hợp được tích hợp, khai thác tập trung tại hồ dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung

Thành phần nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXPP)
- Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP)
- Nền tảng định danh và xác thực điện tử
- Nền tảng chuỗi khối (blockchain) quốc gia
- Bản đồ số quốc gia và hệ thống mã bưu chính
- Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI)

NÊN TẶNG LỖI

Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan Đảng (LGSP/LDOP)

Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu của
các cơ quan Đảng

Thành phần nền tảng lõi đặc thù khác của các cơ quan Đảng (định danh, xác thực và quản lý truy cập; giám sát vận hành; thông báo và xử kiện; quản lý nội dung số và lưu trữ số;

CÓ KIỂM SÓÁT

Kết nối qua LC/SP/LDOP: phân quyền theo tham quyền; truy
vết; không kết nối điểm - điểm; dùng chung không đồng nghĩa
tập trung toàn bộ dữ liệu về một CSDL, vài lý

HA TẶNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DỮ LIỆU CHUNG

Hạ tầng số

Ap ninh mang

Việc này là vi phạm pháp luật. Đồng thuộc 1 đơn kiện dùng và phân vụ đình chung (mục 2.5 Phần VII) theo điểm c mục 1 Phụ lục I Quyết định số 1425/QĐ-TTg.

Thành nhân dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Thành phần do các cơ quan Đảng triển khai

Thành phần thuộc Nền tảng lý do các cơ quan Đảng triển khai

Thành phần thuộc Nền tảng lý do các cơ quan Đảng triển khai

SĐ-05.1. Mô hình Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi

2. Thành phần dữ liệu

Thành phần dữ liệu bao gồm bốn nhóm thành phần chủ yếu: Thành phần dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành của các cơ quan đảng; thành phần dữ liệu, CSDL đặc thù khác của các cơ quan đảng; Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung của các cơ quan đảng.

Các thành phần này được phân định theo chức năng quản lý dữ liệu, đồng thời được tổ chức theo các miền dữ liệu nghiệp vụ và các loại dữ liệu xuyên suốt quy định tại Mục này.

2.1. Nguyên tắc quản trị dữ liệu

a) Dữ liệu được xác định là tài sản chiến lược của các cơ quan đảng, phải được quản trị thống nhất theo kiến trúc dữ liệu, gắn với chức năng, nhiệm vụ, quy trình nghiệp vụ và trách nhiệm của cơ quan chủ quản.

b) Mỗi miền dữ liệu phải xác định rõ chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, đơn vị tạo lập, cập nhật, đơn vị vận hành kỹ thuật, phạm vi khai thác, quy định chia sẻ, yêu cầu bảo vệ và cơ chế kiểm soát chất lượng.

c) Dữ liệu phải được quản lý theo Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung của các cơ quan đảng; các khung, từ điển này kế thừa Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, chỉ mở rộng đối với dữ liệu đặc thù công tác Đảng.

d) Các dữ liệu trọng yếu phải được quản lý thống nhất về mã định danh, cấu trúc, định nghĩa, ý nghĩa nghiệp vụ, nguồn tạo lập, quy tắc cập nhật, chất lượng, phạm vi sử dụng và trách nhiệm quản lý.

đ) Dữ liệu được tổ chức theo mô hình kết hợp giữa tạo lập, cập nhật tại nguồn và tích hợp, tổng hợp, khai thác tập trung hoặc phân tán có kiểm soát. Việc dùng chung dữ liệu không đồng nghĩa với tập trung toàn bộ dữ liệu về một CSDL vật lý.

e) Dữ liệu phải được phân loại, quản lý và bảo vệ theo tính chất, mức độ quan trọng, mức độ mật, đối tượng sử dụng và yêu cầu của từng nghiệp vụ; phân biệt rõ mức độ bảo vệ dữ liệu với cấp độ an ninh mạng của hệ thống thông tin.

g) Các hệ thống thông tin phải ưu tiên khai thác dữ liệu chủ, dữ liệu danh mục, dữ liệu tham chiếu và dữ liệu dùng chung thông qua các dịch vụ dữ liệu được

cung cấp thống nhất; không tạo lập các danh mục, dữ liệu gốc hoặc từ điển dữ liệu độc lập trùng lặp.

h) Dữ liệu được quản trị đồng thời theo miền nghiệp vụ và theo loại dữ liệu. Việc phân loại phải bảo đảm một tài sản dữ liệu được xác định rõ miền nghiệp vụ, chủ quản, nguồn tạo lập, phạm vi sử dụng, mức độ bảo vệ và quan hệ với các dữ liệu khác. Việc lưu trữ, chia sẻ, khai thác dữ liệu tuân thủ nguyên tắc lưu trữ tối thiểu, chia sẻ chủ động, khai thác tối đa, phù hợp quan điểm "một nguồn dữ liệu tin cậy duy nhất", "chia sẻ an toàn", "khai thác dữ liệu triệt để" của Chiến lược dữ liệu trong các cơ quan đảng đến năm 2030 (Quyết định số 15-QĐ/BCĐ, ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng): Dữ liệu chỉ được lưu trữ tại nguồn có thẩm quyền và ở những nơi thật sự cần thiết cho nghiệp vụ, không tạo lập bản sao khi có thể khai thác qua dịch vụ dữ liệu; cơ quan chủ quản chủ động công bố, chia sẻ dữ liệu có kiểm soát theo danh mục đã được phê duyệt, không để cơ quan khác phải yêu cầu cung cấp lại; dữ liệu được khai thác tối đa giá trị phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, bảo đảm bảo mật và bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước.

i) Bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu ngay từ giai đoạn thiết kế kiến trúc và trong toàn bộ vòng đời dữ liệu; dữ liệu quan trọng, dữ liệu có chứa thông tin bí mật nhà nước được bảo vệ theo quy định; quản lý, kiểm soát truy cập dữ liệu theo phân quyền; lưu vết, kiểm toán dữ liệu, giám sát quá trình khai thác, sử dụng dữ liệu và bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc dữ liệu.

2.2. Các miền dữ liệu chủ yếu

Các miền dữ liệu trong các cơ quan đảng được xác định theo bản chất nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, phạm vi phát sinh, phạm vi khai thác, yêu cầu chia sẻ, yêu cầu chuẩn hoá và mức độ bảo vệ dữ liệu. Miền dữ liệu không đồng nhất với tên phần mềm, hệ thống thông tin hoặc cơ sở dữ liệu cụ thể. Một miền dữ liệu có thể được quản lý, lưu trữ, xử lý và khai thác thông qua một hoặc nhiều cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu, hồ dữ liệu, nền tảng số, hệ thống thông tin; ngược lại, một hệ thống thông tin có thể khai thác dữ liệu thuộc nhiều miền dữ liệu khác nhau.

a) Miền dữ liệu danh mục, định danh và tham chiếu dùng chung

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu danh mục, dữ liệu định danh và dữ liệu tham chiếu dùng chung trong toàn hệ thống, như: Danh mục cơ quan, tổ chức đảng, đơn vị trực thuộc; danh mục địa bàn; danh mục chức danh, chức vụ; danh mục loại văn bản, hồ sơ, nhiệm vụ; danh mục lĩnh vực nghiệp vụ; danh mục trạng thái xử lý; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng, tài khoản, vai trò, nhóm quyền và các danh mục dùng chung khác.

b) Miền dữ liệu lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, đảng uỷ

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu phục vụ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ xã, phường, đặc khu và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định.

c) Miền dữ liệu công tác văn phòng, văn thư, lưu trữ, hồ sơ công việc

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu văn bản đi, văn bản đến, phiếu trình, hồ sơ công việc, hồ sơ trình ký, tài liệu họp, lịch công tác, nhiệm vụ, thông báo kết luận, hồ sơ lưu trữ hiện hành, lưu trữ lịch sử, lưu trữ số, tài liệu số hoá, tài liệu khai thác phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, điều hành.

d) Miền dữ liệu tổ chức xây dựng Đảng, cán bộ, đảng viên

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan đảng; dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, chức danh, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, chính sách cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ và các dữ liệu khác thuộc lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng.

đ) Miền dữ liệu kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu về chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; đối tượng kiểm tra, giám sát; hồ sơ kiểm tra, giám sát; kết luận kiểm tra, giám sát; thi hành kỷ luật đảng; giải quyết khiếu nại, tố cáo về kỷ luật đảng; theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra, giám sát và các dữ liệu nghiệp vụ khác của uỷ ban kiểm tra các cấp.

e) Miền dữ liệu tuyên giáo, bảo vệ nền tảng tư tưởng, văn hoá, giáo dục, lịch sử

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu về công tác tuyên truyền, lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng; văn hoá, giáo dục, lịch sử, thông tin đối ngoại, tình hình Nhân dân và dư luận xã hội. Dữ liệu của miền được tổ chức và khai thác để phục vụ tuyên truyền, giáo dục, định hướng tư tưởng; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thành quả cách mạng, tinh hoa văn hoá truyền thống, văn học cách mạng, lịch sử đấu tranh giành độc lập, tự do, giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước; bảo vệ uy tín, giá trị lịch sử của các anh hùng dân tộc, lãnh tụ, danh nhân văn hoá; đồng thời nhận diện, phân tích, cảnh báo và phục vụ đấu tranh với các quan điểm, thông tin, hành vi sai trái, thù địch, nguy cơ, lật đổ, xuyên tạc, phủ nhận, bóp méo hoặc xúc phạm các giá trị nêu trên và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước xã hội

chủ nghĩa. Miền dữ liệu này là miền dữ liệu duy nhất về nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và nhận diện, cảnh báo quan điểm, thông tin, hành vi sai trái, thù địch; Ban Tuyên giáo Trung ương là chủ quản dữ liệu (Mục 1.3.4 Phần IX). Dữ liệu cùng loại phát sinh trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, báo chí, truyền thông và các miền khác được cung cấp, chia sẻ về miền này; không lập nguồn dữ liệu riêng.

g) Miền dữ liệu nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu về nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cải cách tư pháp; tiếp công dân, xử lý đơn, thư, khiếu nại, tố cáo do Ban Nội chính các cấp quản lý, theo dõi; theo dõi vụ án, vụ việc; kiến nghị, phản ánh; phối hợp với các cơ quan nội chính, tư pháp, thanh tra, kiểm toán, công an, quân đội, toà án, viện kiểm sát, thi hành án và các cơ quan liên quan. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do Ban Nội chính Trung ương chủ trì xây dựng theo Đề án trình Bộ Chính trị là thành phần dữ liệu dùng chung của miền dữ liệu này; vai trò, phạm vi, danh mục dữ liệu, cơ quan cung cấp và khai thác dữ liệu thực hiện theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Miền dữ liệu chính sách, chiến lược, kinh tế - xã hội

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu phục vụ nghiên cứu, tham mưu, thẩm định, thẩm tra, theo dõi, tổng hợp, đánh giá, dự báo về chính sách, chiến lược, phát triển kinh tế - xã hội, thể chế, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án lớn, nguồn lực phát triển văn hoá, giáo dục, đào tạo, nguồn nhân lực và các lĩnh vực phát triển quan trọng khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

i) Miền dữ liệu tài chính, tài sản, đầu tư, mua sắm của Đảng

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu về tài chính Đảng, ngân sách, dự toán, quyết toán, tài sản, trụ sở, đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý doanh nghiệp, dự án, hợp đồng, kiểm tra, giám sát tài chính, tài sản và các nghiệp vụ tài chính, tài sản khác thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan đảng.

k) Miền dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng, lý luận chính trị

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu về chương trình, nội dung, tài liệu, cơ sở đào tạo, giảng viên, học viên, nhu cầu, quá trình và kết quả đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Thông tin về tình hình nhận thức, tư tưởng và quan điểm sai trái, thù địch phát hiện trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được cung cấp, chia sẻ về miền dữ liệu tuyên giáo tại Điểm e Mục này; miền dữ liệu đào tạo, bồi dưỡng không lập nguồn dữ liệu riêng về nội dung đó.

l) Miền dữ liệu nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận

Miền dữ liệu này bao gồm dữ liệu về khoa học, công nghệ và khoa học xã hội; nhiệm vụ, đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu; tổ chức, chuyên gia, nhân lực nghiên cứu; sản phẩm, kết quả nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao và ứng dụng tri thức; các mô hình, kinh nghiệm, bài học thực tiễn trong quá trình lãnh đạo, quản lý, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

m) Miền dữ liệu phát thanh, truyền hình, thông tấn, báo chí, xuất bản

Miền dữ liệu này phải được tổ chức, quản trị và khai thác gắn với toàn bộ vòng đời nội dung số, bảo đảm khả năng kiểm soát, truy vết nguồn gốc, phiên bản, chủ thể tạo lập, chỉnh sửa, thẩm định, phê duyệt, phát sóng, đăng tải, phát hành và lưu trữ; các sản phẩm báo chí, truyền thông, phát thanh, truyền hình, thông tấn, xuất bản phải được rà soát, thẩm định và phê duyệt theo đúng thẩm quyền trước khi phổ biến.

2.3. Các loại dữ liệu xuyên suốt

a) Dữ liệu phục vụ chuyển đổi số, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

Loại dữ liệu này bao gồm dữ liệu về danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, API, dịch vụ số, tài khoản, phân quyền, thiết bị, hạ tầng, trung tâm dữ liệu, mạng, kết nối, nhật ký vận hành, sự cố, giám sát và tuân thủ; được khai thác xuyên suốt các miền nghiệp vụ để phục vụ quản trị kiến trúc, vận hành và bảo vệ.

b) Dữ liệu trí tuệ nhân tạo và tri thức số

Dữ liệu trí tuệ nhân tạo và tri thức số gồm kho tri thức, tập dữ liệu huấn luyện, dữ liệu kiểm thử, lịch sử hỏi đáp, phản hồi người dùng, nhật ký sử dụng mô hình, câu lệnh đầu vào, kết quả sinh tự động và kết quả rà soát của con người; phải được quản trị chặt chẽ, phân loại, kiểm soát quyền sử dụng và không sử dụng dữ liệu mật, dữ liệu nhạy cảm chưa được phê duyệt trong môi trường không đáp ứng yêu cầu bảo mật.

c) Dữ liệu cải cách hành chính, quy trình số và đo lường hiệu quả

Dữ liệu cải cách hành chính, quy trình số và đo lường hiệu quả gồm mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch, tiến độ, kết quả; danh mục quy trình, luồng xử lý, biểu mẫu, hồ sơ, thời hạn, trạng thái, chỉ số, kỳ gốc, mục tiêu và dữ liệu đo lường. Nhóm dữ liệu này được sử dụng xuyên suốt các miền nghiệp vụ, phải được chuẩn hoá theo cơ quan, cấp tổ chức, vai trò, quy trình và nguồn dữ liệu, phục vụ theo dõi Chương trình cải cách hành chính, đo lường mức độ số hoá, liên thông và hiệu quả xử lý.

MÔ HÌNH THÀNH PHẦN DỮ LIỆU TRONG LỚP DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

Kênh tương tác

Đo lường hiệu quả

ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

DỮ LIỆU

ý đã liệt: Từ điển đồ liệu dùng chung của các cơ quan Đảng (Quyết định số 16-QĐ/BCTĐ, 20-QĐ/BCTĐ, 2008-OBAP/TW-ke thuat) (Quyết định số 2-429/QĐ-TTg)

Các CSĐL dùng chung, CSĐL chuyên ngành của các cơ quan Đảng (CSĐL gốc)

Thành phần dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Các CSĐL quốc gia, trọng yếu, chuyên ngành dùng chung
- Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo; Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo
- Nền tảng số từ điển dữ liệu dùng chung

Dữ liệu chủ được đồng bộ, khai thác thống nhất qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia.

Dữ liệu chủ dùng chung: cán bộ, đảng viên; tổ chức đảng; cơ quan, đơn vị, tổ chức bộ máy

CSDL nghiên cứu theo các miền dữ liệu chủ yếu (mục 2.2 Phần VI)

Đanh mục, định
đanh và phạm chiếu
định chung

Nội chính, phòng
chống tham nhũng,
lãng phí, tiền cục,
cách tư pháp

Tài chính, tài sản
đầu tư, mua sắm và
bán

Thành nhân dữ liệu CSDT đặc thù khác của các cơ quan Đảng (hồ dữ liệu, kho dữ liệu và các tập dữ liệu dẫn xuất)

Dữ liệu tiếp nhận.
đồng bộ từ nguồn
(lưu nguyên trạng,
truy vết đến dữ liệu
gốc)

Dữ liệu tổng hợp, dữ
liệu theo chủ đề, dữ
liệu phân tích

Dữ liệu phục vụ trí
tuệ nhân tạo

lịch sử
văn hóa, giáo dục,

phát hành, truyền
hình, thông tấn, báo
chí, xuất bản

Thành phần
nền tảng lõi
(SD-05.3)

NÊN TẶNG LỖI

HA TĂNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

Hạ tầng số

An ninh mạng

Thành nhận định chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Thành nhân do các cơ quan Đảng tiến khai

SPĐ-05.2. Mô hình thành phần dữ liệu trong Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi

2.4. Các thành phần dữ liệu chủ yếu

Các thành phần dữ liệu được tổ chức theo cấu trúc thể hiện tại sơ đồ SD-05.1, bao gồm bốn nhóm sau:

a) Thành phần dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Là các CSDL, nguồn dữ liệu và dịch vụ dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền quản lý, cung cấp để các cơ quan trong hệ thống chính trị khai thác, sử dụng theo phạm vi được xác định.

Thành phần dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Các CSDL quốc gia, trọng yếu, chuyên ngành dùng chung; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo; Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo; Nền tảng số từ điển dữ liệu dùng chung (Bộ Công an chủ quản) và các dữ liệu quan trọng, cốt lõi, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành khác do cấp có thẩm quyền quyết định. Dữ liệu chủ được đồng bộ, khai thác thống nhất thông qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia; không hình thành dữ liệu chủ phân tán. Dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu của Đảng không thuộc phạm vi chia sẻ chỉ được kết nối, chia sẻ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành của các cơ quan đảng

Là các CSDL quản lý dữ liệu được tạo lập, tiếp nhận, cập nhật và xác lập giá trị gốc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan đảng.

Các CSDL gốc bao gồm CSDL dùng chung trong các cơ quan đảng và các CSDL nghiệp vụ chuyên ngành, đặc thù. Việc xác định CSDL gốc không phụ thuộc vào phạm vi sử dụng rộng hay hẹp, mà căn cứ vào trách nhiệm tạo lập, cập nhật và xác lập giá trị dữ liệu.

CSDL gốc được tổ chức theo mô hình tập trung, phân tán có kiểm soát hoặc kết hợp; phải cung cấp dữ liệu và dịch vụ dữ liệu theo thẩm quyền, bảo đảm khả năng liên thông và không làm phát sinh các nguồn dữ liệu cạnh tranh về giá trị gốc.

Cơ sở dữ liệu quốc gia do cơ quan đảng được giao chủ trì, trong đó có Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do Ban Nội chính Trung ương chủ trì xây dựng theo Đề án trình Bộ Chính trị, được quản lý là CSDL gốc thuộc Thành phần dữ liệu. Cơ quan chủ trì xác định rõ phạm vi cung cấp, đối tượng sử dụng, dữ liệu và dịch vụ chia sẻ, mức dịch vụ, cơ chế vận hành và yêu cầu an ninh mạng; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, CSDL trong các cơ quan đảng qua LGSP của Đảng và với các hệ thống, CSDL của cơ quan nhà nước

qua NDOP theo Mục 4 Phần này; dữ liệu thuộc bí mật nhà nước được xử lý theo Mục 5.6 Phần IX; không tạo lập lại dữ liệu gốc do cơ quan khác quản lý.

c) Thành phần dữ liệu, CSDL đặc thù khác của các cơ quan đảng (hồ dữ liệu, kho dữ liệu và các tập dữ liệu dẫn xuất)

Là các tài sản dữ liệu được hình thành thông qua việc tiếp nhận, sao chép có kiểm soát, tích hợp, làm sạch, chuẩn hoá, tổng hợp, biến đổi hoặc phân tích dữ liệu từ một hay nhiều nguồn.

d) Khung kiến trúc dữ liệu; Khung quản trị, quản lý dữ liệu; Từ điển dữ liệu dùng chung của các cơ quan đảng

Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung của các cơ quan đảng gồm: Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng (Quyết định số 16-QĐ/BCĐ, ngày 28/12/2025 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng); Khung quản trị, quản lý dữ liệu trong các cơ quan đảng phiên bản 1.0 (Quyết định số 20-QĐ/BCĐ, ngày 24/6/2026); Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 trong các cơ quan đảng (Quyết định số 308-QĐ/VPTW, ngày 01/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng). Các văn bản này được Văn phòng Trung ương Đảng cập nhật, quản lý phiên bản trên cơ sở kế thừa Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ mở rộng đối với dữ liệu đặc thù công tác Đảng; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các khung, từ điển dữ liệu quốc gia. Các thành phần dữ liệu, CSDL của các cơ quan đảng phải tuân thủ các khung và từ điển dữ liệu này.

2.5. Mô hình dữ liệu tham chiếu

Mô hình dữ liệu tham chiếu của các cơ quan đảng xác định các thực thể dữ liệu chủ yếu, quan hệ giữa các thực thể và những dữ liệu cần được quản lý, sử dụng thống nhất.

Các nhóm thực thể dùng chung chủ yếu gồm: Tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên; văn bản, hồ sơ, nhiệm vụ, chương trình công tác; địa bàn hành chính; quy trình, biểu mẫu, cuộc họp, quyết định, chỉ đạo và các thực thể nghiệp vụ khác.

2.6. Quản trị chất lượng và vòng đời dữ liệu

Mỗi tài sản dữ liệu phải được quản lý theo toàn bộ vòng đời, từ tạo lập hoặc tiếp nhận, kiểm tra, chuẩn hoá, cập nhật, sử dụng, chia sẻ, lưu trữ, bảo quản đến chuyển giao, lưu giữ lâu dài hoặc huỷ, xoá theo quy định.

3. Thành phần nền tảng lõi

3.1. Vị trí, vai trò và nguyên tắc tổ chức

Thành phần nền tảng lõi cung cấp các năng lực kỹ thuật có khả năng tái sử dụng để kết nối, chia sẻ và xử lý dữ liệu; định danh, xác thực và quản lý truy cập; hỗ trợ phát triển, triển khai và vận hành ứng dụng; tự động hoá quy trình; giám sát vận hành và cung cấp bằng chứng tuân thủ kỹ thuật.

Các nền tảng được phân định theo trách nhiệm quản lý và phạm vi cung cấp, bao gồm thành phần nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và các nền tảng do các cơ quan đảng quản lý, triển khai.

Các nền tảng do các cơ quan đảng quản lý, triển khai được tổ chức thành ba nhóm chức năng chủ yếu: Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP/LDOP); nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; thành phần nền tảng lõi đặc thù khác (định danh, xác thực và quản lý truy cập; giám sát vận hành; thông báo và sự kiện; quản lý nội dung số và lưu trữ số;...). Nền tảng AI của các cơ quan đảng thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung theo Điểm c Mục 1 Phụ lục I Quyết định số 1425/QĐ-TTg.

3.2. Các thành phần nền tảng chủ yếu

a) Thành phần nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Là các nền tảng kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quản lý, cung cấp để các cơ quan trong hệ thống chính trị khai thác, sử dụng theo phạm vi được xác định.

Các cơ quan đảng ưu tiên khai thác năng lực định danh, xác thực, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các dịch vụ nền tảng dùng chung khác đã được cung cấp và đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, mức dịch vụ và bảo vệ.

Trường hợp nền tảng dùng chung chưa đáp ứng yêu cầu hoặc không thuộc phạm vi cung cấp, các cơ quan đảng được xem xét phát triển hoặc mở rộng năng lực nền tảng thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền, nhưng phải xác định rõ chức năng cần bổ sung và quan hệ với nền tảng dùng chung.

Không xây dựng lại các chức năng lõi đã được cung cấp đầy đủ, đáp ứng yêu cầu và được phép khai thác; bảo đảm các nền tảng của Đảng có khả năng kết nối, tích hợp và sử dụng chung theo chuẩn.

Thành phần nền tảng lõi dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ quản); Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP), Nền tảng định danh và xác thực điện tử, Nền tảng chuỗi khối (blockchain)

quốc gia (Bộ Công an chủ quản); Bản đồ số quốc gia và hệ thống mã bưu chính; Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và các nền tảng lõi khác do cấp có thẩm quyền quyết định. NDXP, NDOP là nền tảng trung gian cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL của các cơ quan; Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan đảng (LGSP/LDOP) kết nối với NDXP, NDOP theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan đảng (LGSP/LDOP)

Thành phần này phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL trong các cơ quan đảng hoặc trong cùng trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin, CSDL của cơ quan, tổ chức khác thực hiện qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP) theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, ngày 22/10/2025 của Chính phủ và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; dữ liệu thuộc bí mật nhà nước không chia sẻ qua các nền tảng này. Thành phần này là Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng đặt tại Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng theo Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 (Quyết định số 16-QĐ/BCĐ) và Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, ngày 29/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; được nâng cấp về kiến trúc để thực hiện vai trò Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của khối cơ quan đảng (LDOP) theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm các chức năng tích hợp, phân phối, chia sẻ dữ liệu và kết nối với NDOP qua thành phần bảo mật điểm kết nối (Agent Node). Agent Node đặt tại vùng mạng biên, độc lập về vật lý với hệ thống nghiệp vụ, là điểm kết nối duy nhất với NDOP; không kết nối trực tiếp điểm - điểm với hệ thống của Trung tâm dữ liệu quốc gia; việc đăng ký đồng bộ, khai thác dữ liệu thực hiện theo Hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (Phụ lục 4 kèm theo Công văn số 4856/BCA-TTDLQG, ngày 14/9/2026 của Bộ Công an).

Việc kết nối với các nền tảng, hệ thống bên ngoài phải được thực hiện qua điểm kết nối được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu định danh, xác thực, phân quyền, mã hoá, kiểm soát dữ liệu trao đổi, lưu vết và an ninh mạng.

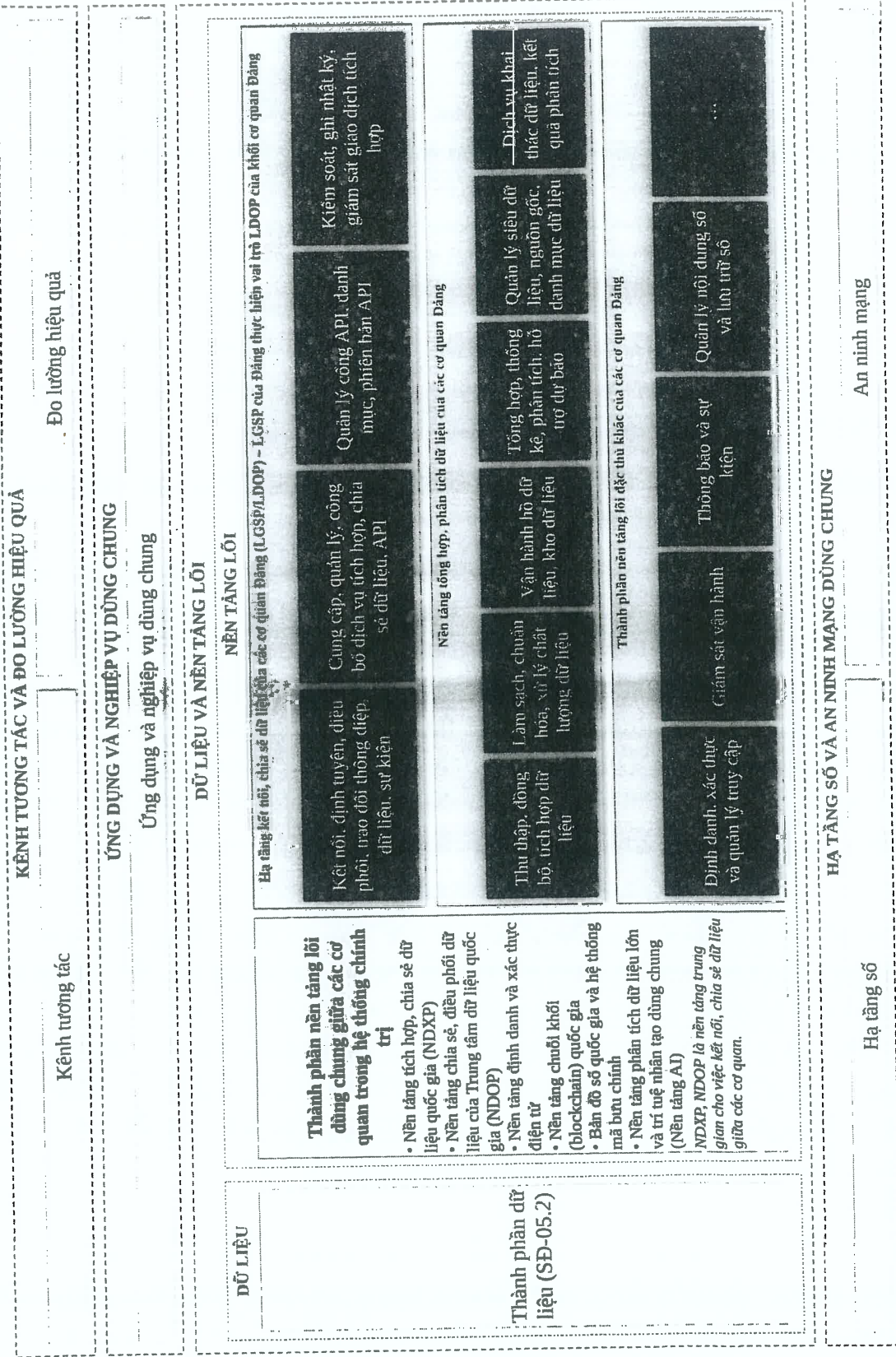
c) Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu của các cơ quan đảng

Thành phần này cung cấp năng lực kỹ thuật để tiếp nhận, xử lý, vận hành, quản trị và khai thác các tài sản dữ liệu, đặc biệt là hồ dữ liệu, kho dữ liệu và các tập dữ liệu dẫn xuất.

d) Thành phần nền tảng lõi đặc thù khác của các cơ quan đảng

Định danh, xác thực và quản lý truy cập; giám sát vận hành; thông báo và sự kiện; quản lý nội dung số và lưu trữ số;...

MÔ HÌNH THÀNH PHẦN NỀN TẢNG LỚP DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI



SD-05.3. Mô hình thành phần nền tảng lõi trong Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi

3.3. Nguyên tắc tổ chức nền tảng dùng chung

Các nền tảng phải được thiết kế, triển khai theo hướng cung cấp dịch vụ dùng chung, có giao diện kết nối, tài liệu kỹ thuật, khả năng tái sử dụng và cơ chế quản lý thống nhất.

Nền tảng chuyên ngành, đặc thù chỉ được hình thành khi có yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, hiệu năng, mức dịch vụ hoặc bảo mật mà năng lực dùng chung chưa đáp ứng; phải ưu tiên tái sử dụng các dịch vụ tích hợp, định danh, dữ liệu, AI, quy trình và giám sát đã có.

4. Kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, nền tảng

Việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, nền tảng phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi dữ liệu, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, mức dịch vụ và bảo vệ.

Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan khác trong hệ thống chính trị được thể hiện tại sơ đồ SĐ-05.4, gồm:

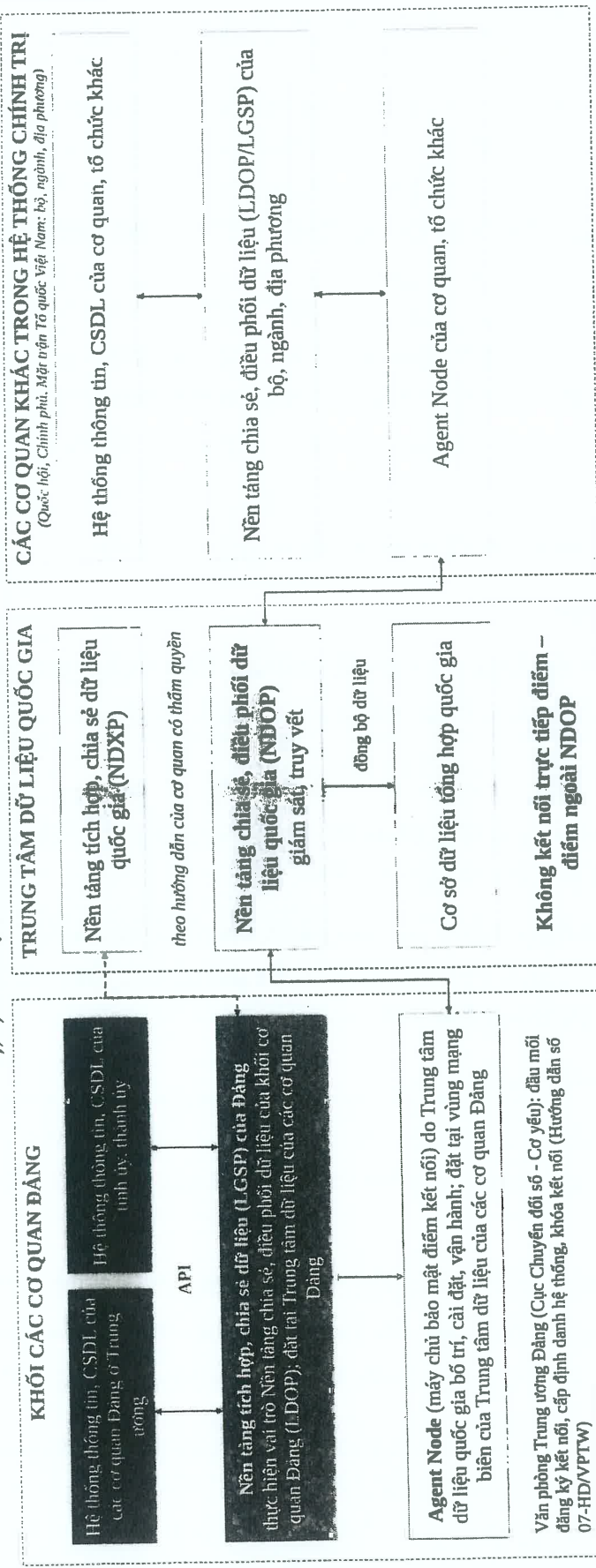
a) Dữ liệu không thuộc bí mật nhà nước: Các hệ thống thông tin, CSDL của các cơ quan đảng kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng, thực hiện vai trò Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của khối cơ quan đảng (LDOP) theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; mọi hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị bắt buộc thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP) tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để giám sát, truy vết; không kết nối trực tiếp điểm - điểm ngoài NDOP; việc kết nối qua NDXP được thực hiện theo chức năng của từng nền tảng và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền (ND-17).

b) Cơ chế kết nối LGSP của Đảng (LDOP của khối cơ quan đảng) với NDOP: Kết nối qua máy chủ bảo mật điểm kết nối (Agent Node) do Trung tâm dữ liệu quốc gia bố trí, cài đặt, vận hành, đặt tại vùng mạng biên của Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng; việc đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và đăng ký dịch vụ khai thác, chia sẻ thực hiện theo quy trình tại Phụ lục 4 kèm theo Công văn số 4856/BCA-TTDLQG; Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) là đầu mối đăng ký, cấp định danh hệ thống, khoá kết nối theo Hướng dẫn số 07-HD/VPTW.

c) Dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước: Kết nối, chia sẻ trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng hoặc Mạng thông tin diện rộng của Đảng, sử dụng sản phẩm mật mã, giải pháp bảo mật, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ, do cơ quan chủ quản xác định và người có thẩm quyền phê duyệt theo Điều 11, 12 Quy định số 384-QĐ/TW; không chia sẻ qua NDOP khi chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

MÔ HÌNH KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU GIỮA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG VỚI CÁC CƠ QUAN KHÁC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

a), b) DỮ LIỆU KHÔNG THUỘC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC



Do cơ quan chủ quản xác định, người có thẩm quyền phê duyệt theo Điều 11, Điều 12 Quy định số 384-QĐ/TW; không chia sẻ qua NDOP khi chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Hệ thống thông tin, CSDL của các cơ quan Đảng

Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Điểm kết nối nội bộ bảo mật

Thành phần của cơ quan, tổ chức khác

Nền tảng lõi do các cơ quan Đảng triển khai

SD-05.4. Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với cơ quan khác trong hệ thống chính trị

Kết nối với CSDL, nền tảng và hệ thống bên ngoài các cơ quan đảng phải thực hiện qua điểm kết nối được phê duyệt, có cơ chế định danh, xác thực, phân quyền, kiểm soát dữ liệu trao đổi, mã hoá, lưu vết, giám sát và xử lý sự cố. Dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, tài liệu lưu trữ và dữ liệu không thuộc Danh mục dữ liệu dùng chung do các cơ quan đảng công bố được quản lý theo quy định của Đảng và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, lưu trữ; không phát sinh nghĩa vụ đồng bộ ngoài Danh mục dữ liệu dùng chung. Dữ liệu không thuộc bí mật nhà nước được chia sẻ với cơ quan, tổ chức ngoài khối Đảng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Đảng kết nối với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP) theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, Quy định số 384-QĐ/TW và Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, ngày 29/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; hệ thống tham gia kết nối, chia sẻ dữ liệu bảo đảm an toàn tối thiểu cấp độ 3 (Điều 13 Quy định số 384-QĐ/TW).

5. Quản lý, công bố và cập nhật danh mục dữ liệu, nền tảng số

5.1. Quản lý danh mục dữ liệu

Các CSDL, kho dữ liệu, hồ dữ liệu và các tài sản dữ liệu trọng yếu phải được quản lý thống nhất trong Danh mục dữ liệu của các cơ quan đảng.

5.2. Quản lý danh mục nền tảng và dịch vụ dùng chung

Các nền tảng số và dịch vụ dùng chung phải được quản lý trong Danh mục nền tảng số và dịch vụ dùng chung của các cơ quan đảng.

Khi nền tảng dùng chung đã được công bố vận hành chính thức và đáp ứng yêu cầu, các cơ quan thuộc phạm vi phục vụ phải ưu tiên sử dụng, cấu hình và tích hợp; không đầu tư mới chức năng lõi trùng lặp.

5.3. Công bố và cập nhật danh mục

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan được giao chủ quản dữ liệu, nền tảng tổ chức quản lý, công bố và cập nhật các danh mục theo thẩm quyền.

Danh mục nền tảng số và dịch vụ dùng chung được công bố lần đầu trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Khung có hiệu lực; rà soát, cập nhật định kỳ 06 tháng một lần và cập nhật đột xuất khi có thay đổi quan trọng về chức năng, phạm vi phục vụ, trạng thái vòng đời, mức dịch vụ, lộ trình, thay thế hoặc dùng thành phần.

Danh mục được cập nhật lên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS) theo quy định, đối với nội dung phù hợp phạm vi khai thác và điều kiện bảo vệ của Hệ thống; thông tin thuộc bí mật nhà nước không cập nhật lên NAS khi chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ.

6. Phân công trách nhiệm và tổ chức triển khai

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì hoặc phối hợp chủ trì theo phân công việc xây dựng, quản lý các thành phần dữ liệu, nền tảng dùng chung trong các cơ quan đảng; tổ chức công bố danh mục, tiêu chuẩn, quy tắc quản trị, cơ chế tích hợp và điều kiện khai thác; hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ Khung.

Các cơ quan đảng ở Trung ương được giao chủ quản nghiệp vụ, dữ liệu hoặc nền tảng chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật, vận hành và cung cấp dữ liệu, dịch vụ thuộc phạm vi được giao; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và sử dụng chung theo thẩm quyền.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ và cơ quan, đơn vị có liên quan ưu tiên khai thác dữ liệu, nền tảng và dịch vụ dùng chung; được cấu hình, mở rộng hoặc phát triển thành phần bổ sung theo thẩm quyền đối với các yêu cầu nghiệp vụ đặc thù chưa được đáp ứng, nhưng phải tuân thủ Khung và không hình thành chức năng lõi trùng lặp.

Các cơ quan chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, phạm vi chia sẻ và vòng đời dữ liệu; đơn vị vận hành nền tảng chịu trách nhiệm về khả năng cung cấp dịch vụ, tính sẵn sàng, hiệu năng, bảo vệ và hỗ trợ kỹ thuật theo phạm vi được giao.

Các nhiệm vụ, dự án không được xây dựng CSDL, nền tảng hoặc năng lực kỹ thuật trùng lặp với thành phần dùng chung đã được công bố sẵn sàng và đáp ứng yêu cầu; phải ưu tiên phương án sử dụng, cấu hình, tích hợp, mở rộng hoặc nâng cấp thành phần hiện có.

VII- LỚP ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

1. Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức

Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung cung cấp các hệ thống thông tin, ứng dụng số phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tham mưu, giúp việc; tác nghiệp dùng chung; quản lý, hỗ trợ hoạt động nội bộ và thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn, đặc thù của các cơ quan đảng.

Các ứng dụng được tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ và quy trình nghiệp vụ; ưu tiên dùng chung, tái sử dụng và kết nối, liên thông, hạn chế đầu tư trùng lặp.

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng là ứng dụng dùng chung trung tâm trong các cơ quan đảng, cung cấp nhiều nhóm ứng dụng phục vụ các mục đích nghiệp vụ khác nhau. Các hệ thống dùng chung chuyên trách và ứng dụng chuyên ngành được tổ chức theo chức năng, thẩm quyền riêng, đồng thời kết nối, khai thác các thành phần dùng chung phù hợp.

Trước khi xây dựng mới hoặc nâng cấp ứng dụng phải rà soát, chuẩn hoá, đơn giản hoá và tái cấu trúc quy trình; xác định rõ chức năng, đối tượng sử dụng, chủ quản nghiệp vụ, dữ liệu tạo lập và khai thác, các chức năng có thể tái sử dụng và yêu cầu bảo vệ.

Ứng dụng được phân loại theo chức năng nghiệp vụ chính, trách nhiệm chủ quản và phạm vi sử dụng. Phải phân biệt ứng dụng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị với ứng dụng do các cơ quan đảng quản lý, triển khai. Trong các cơ quan đảng, ứng dụng có thể được sử dụng chung toàn hệ thống, dùng chung theo nhóm cơ quan, ngành hoặc cấp, hoặc dùng riêng theo thẩm quyền.

Các ứng dụng phải ưu tiên sử dụng hạ tầng, dữ liệu, nền tảng và dịch vụ dùng chung; bảo đảm định danh, xác thực, phân quyền, kết nối, chia sẻ dữ liệu, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu. Không xây dựng lại chức năng đã được thành phần dùng chung hoặc ứng dụng chuyên ngành cung cấp và đáp ứng yêu cầu.

Ứng dụng nghiệp vụ thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung; CSDL và nền tảng kỹ thuật thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; cổng ứng dụng, giao diện truy cập và thành phần hiển thị, đo lường hiệu quả được mô tả tại Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả. Việc một hệ thống ứng dụng sử dụng hoặc cung cấp dữ liệu cho các thành phần này không làm thay đổi vị trí kiến trúc chính của hệ thống.

2. Các thành phần ứng dụng và nghiệp vụ

Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung gồm: (1) Thành phần được cung cấp dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. (2) Các thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai theo Điểm c Mục 1 Phụ lục I Quyết định số 1425/QĐ-TTg, gồm: Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành; các hệ thống thông tin, ứng dụng phục vụ hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ; các ứng dụng hỗ trợ hoạt động nội bộ dùng chung khác; Nền tảng AI; thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung khác. Tính chất "dùng chung" còn được quản lý riêng như thuộc tính phạm vi sử dụng.

Mỗi thành phần có thể bao gồm một hoặc nhiều hệ thống thông tin, ứng dụng hoặc phân hệ. Việc phân nhóm không đồng nghĩa với yêu cầu mỗi nhóm phải được xây dựng thành một hệ thống thông tin độc lập.

2.1. Thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Bao gồm các hệ thống thông tin, ứng dụng và dịch vụ số được cung cấp dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan đảng kết nối, khai thác, sử dụng theo thẩm quyền.

Các cơ quan đảng ưu tiên kế thừa, sử dụng và tích hợp những thành phần đã được cung cấp, đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ, dữ liệu, mức dịch vụ và bảo vệ. Trường hợp cần phát triển thành phần riêng do yêu cầu đặc thù phải xác định rõ chức năng bổ sung, phạm vi sử dụng, quan hệ tích hợp và phương án tránh đầu tư trùng lặp.

Thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Nền tảng điều hành số quốc gia, Trợ lý ảo quốc gia (Bộ Công an chủ quản); Trục liên thông văn bản quốc gia (Văn phòng Chính phủ chủ quản); Thành phần dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất; Nền tảng họp trực tuyến quốc gia; Nền tảng quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia và các nền tảng số dùng chung quốc gia khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

Theo Nhóm B Phụ lục II Quyết định số 1425/QĐ-TTg, Văn phòng Trung ương Đảng là cơ quan chủ quản 4 nền tảng số dùng chung quốc gia: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng; Phần mềm theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương (được xác định tại các Mục 2.2, 2.3, 2.4 Phần này). Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan chủ quản Nền tảng phát thanh số quốc gia; Đài Truyền hình Việt Nam là cơ quan chủ quản Nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia VTVGo và Nền tảng dữ liệu đo lường hành vi khán giả xem truyền hình - VTV Big Data và VTV Rating (được xác định tại Điểm h Mục 2.3 Phần này). Các cơ quan chủ quản tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành theo quy định.

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng kết nối Trục liên thông văn bản quốc gia; khai thác Nền tảng họp trực tuyến quốc gia, Hệ thống thư điện tử công vụ thống nhất theo thẩm quyền và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước; không đầu tư chức năng trùng lặp.

2.2. Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan đảng

Thành phần này phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương; cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành theo thẩm quyền.

Thành phần triển khai cụ thể là Phần mềm theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương (nền tảng số dùng chung quốc gia do Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản).

Các chức năng nghiệp vụ chủ yếu gồm: Quản lý nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu và trách nhiệm thực hiện; tiếp nhận, cập nhật kết quả; theo dõi tiến độ, phát hiện khó khăn, vướng mắc; tổng hợp, phân tích dữ liệu và cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành; theo dõi kết quả thực hiện chỉ đạo theo phạm vi chức năng được phê duyệt.

Dữ liệu phải được cập nhật, xác nhận theo thẩm quyền và có khả năng truy vết nguồn gốc, thời điểm, trách nhiệm cập nhật. Công cụ phân tích và AI có vai trò hỗ trợ; việc ban hành chỉ đạo, kết luận và quyết định thuộc chủ thể có thẩm quyền. Dữ liệu phục vụ theo dõi được thu thập tự động từ Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng và các hệ thống chuyên ngành qua kết nối được phê duyệt; hạn chế báo cáo nhập tay.

Thành phần này được phân định với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng theo đối tượng và quy trình nghiệp vụ: Một bên theo dõi, giám sát và phục vụ chỉ đạo, điều hành việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương; một bên cung cấp các chức năng tác nghiệp phổ biến về văn bản, hồ sơ, tài liệu, lịch, họp và quy trình nội bộ. Hai hệ thống kết nối, trao đổi dữ liệu khi cần thiết nhưng không thực hiện trùng lặp chức năng.

2.3. Các hệ thống thông tin, ứng dụng phục vụ hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng

Thành phần này phục vụ các nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương và các đơn vị sự nghiệp của Đảng; được tổ chức dùng chung theo ngành dọc khi phục vụ nhiều cơ quan, nhiều cấp.

Các ứng dụng chủ yếu gồm:

a) Văn phòng cấp uỷ: Ứng dụng phục vụ nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp, lưu trữ chuyên sâu, tài chính, tài sản Đảng và nghiệp vụ đặc thù theo ngành dọc; sử dụng chức năng xử lý văn bản, hồ sơ công việc, trình ký, lịch và họp từ Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng khi đáp ứng yêu cầu. Nghiệp vụ lưu trữ chuyên sâu khác với quản lý hồ sơ công việc đang xử lý.

b) Tổ chức - xây dựng Đảng: Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng (nền tảng số dùng chung quốc gia do Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản theo Phụ lục II Quyết định số 1425/QĐ-TTg; Ban Tổ chức Trung ương chủ quản nghiệp vụ), quản lý tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ và nhu cầu, kế hoạch, hồ sơ đào tạo cán bộ; kết quả học tập, chứng chỉ do hệ thống của đơn vị đào tạo tạo lập được kết nối, xác nhận và cập nhật vào hồ sơ cán bộ theo thẩm quyền.

c) Kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng: Ứng dụng quản lý chương trình, kế hoạch, đối tượng, hồ sơ, kết luận, kiến nghị, quyết định kỷ luật và theo dõi thực hiện kết luận theo thẩm quyền.

d) Tuyên giáo: Ứng dụng phục vụ tuyên truyền, học tập nghị quyết, lý luận chính trị, nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng, văn hoá, giáo dục, lịch sử và các nghiệp vụ có liên quan.

đ) Nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp: Ứng dụng quản lý vụ án, vụ việc, đơn, thư, kiến nghị, phản ánh; theo dõi,

tổng hợp, báo cáo và phối hợp nghiệp vụ theo thẩm quyền. Hệ thống cung cấp, khai thác dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Điểm b Mục 2.4 Phần VI) qua kết nối được phê duyệt.

e) Chính sách, chiến lược, kinh tế - xã hội: Ứng dụng phục vụ nghiên cứu, tham mưu, thẩm định, thẩm tra, tổng hợp, đánh giá và dự báo chính sách, chiến lược, chương trình, đề án, dự án theo chức năng, nhiệm vụ.

g) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử: Phục vụ tiếp nhận, giải quyết, theo dõi và trả kết quả các thủ tục hành chính của Đảng theo phạm vi, thẩm quyền được giao. Hệ thống độc lập với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; ưu tiên kết nối, tái sử dụng các chức năng, dữ liệu và năng lực nền tảng phù hợp.

h) Ứng dụng báo chí, truyền thông, phát thanh, truyền hình và thông tấn: Phục vụ toà soạn hội tụ, sản xuất và quản lý nội dung, biên tập, phê duyệt, phát sóng, đăng tải, phát hành, lưu trữ và phân tích hiệu quả nội dung. Trong đó, Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan chủ quản Nền tảng phát thanh số quốc gia; Đài Truyền hình Việt Nam là cơ quan chủ quản Nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia VTVGo và Nền tảng dữ liệu đo lường hành vi khán giả xem truyền hình - VTV Big Data và VTV Rating - là các nền tảng số dùng chung quốc gia tại Nhóm B Phụ lục II Quyết định số 1425/QĐ-TTg.

i) Ứng dụng xuất bản: Phục vụ quản lý đề tài, kế hoạch, bản thảo, tác giả, biên tập, thẩm định, phê duyệt, bản quyền, sản xuất, phát hành và khai thác xuất bản phẩm số.

k) Ứng dụng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị: Phục vụ tổ chức chương trình, lớp học, quản lý học viên, giảng viên, giáo trình, học liệu, học tập, kiểm tra, đánh giá và kết quả đào tạo. Đơn vị đào tạo quản lý kết quả học tập gốc, cung cấp kết quả đã xác nhận cho hệ thống cán bộ có thẩm quyền; không lập hai nguồn kết quả độc lập.

l) Ứng dụng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận: Phục vụ quản lý chương trình, nhiệm vụ, đề tài, nhà khoa học, tiến độ, kinh phí, dữ liệu và kết quả nghiên cứu; quản lý kho tri thức, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao kết quả.

Cơ quan Trung ương được giao chủ quản nghiệp vụ chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và cung cấp ứng dụng theo phạm vi được giao; bảo đảm thống nhất nghiệp vụ, dữ liệu, quy trình, phân quyền và yêu cầu bảo vệ.

Các ứng dụng chuyên ngành phải ưu tiên sử dụng chức năng tác nghiệp dùng chung và các năng lực thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; không xây dựng lại những chức năng đã được cung cấp và đáp ứng yêu cầu. Nghiệp vụ chuyên ngành vẫn do ứng dụng chuyên ngành thực hiện, không bắt buộc chuyển toàn bộ lên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng.

2.4. Các ứng dụng hỗ trợ hoạt động nội bộ dùng chung khác của các cơ quan đảng

2.4.1. Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng là ứng dụng dùng chung trung tâm trong các cơ quan đảng, được phát triển theo kiến trúc mở, mô-đun, cung cấp nhiều nhóm ứng dụng phục vụ các nghiệp vụ phổ biến trong các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương.

Hệ thống cho phép các cơ quan sử dụng thống nhất và cấu hình ứng dụng theo tổ chức, vai trò, thẩm quyền, quy trình, biểu mẫu và phạm vi dữ liệu; sử dụng các năng lực kỹ thuật thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi, đồng thời cung cấp các chức năng tác nghiệp dùng chung để những ứng dụng khác khai thác, tích hợp khi cần thiết.

Các nhóm ứng dụng chủ yếu được cung cấp trên Hệ thống gồm:

a) Nhóm ứng dụng quản lý văn bản, trình ký và hồ sơ công việc: Phục vụ gửi, nhận, xử lý, trình ký, phê duyệt, phát hành văn bản; tạo lập, quản lý hồ sơ công việc, tài liệu và lịch sử xử lý.

b) Nhóm ứng dụng lịch, họp và tài liệu họp: Phục vụ quản lý lịch công tác, lịch họp, thông báo cuộc họp, thành phần tham dự và tài liệu họp.

c) Nhóm ứng dụng giải quyết quy trình nội bộ: Phục vụ tiếp nhận, phân công, xử lý, phê duyệt, theo dõi tiến độ và cung cấp kết quả xử lý đối với các quy trình nội bộ được cấp có thẩm quyền giao triển khai trên Hệ thống. Các quy trình phải được rà soát, chuẩn hoá, đơn giản hoá và tái cấu trúc; ưu tiên tái sử dụng chức năng văn bản, hồ sơ, biểu mẫu, trình ký và năng lực quy trình số dùng chung (Điểm đ Mục 2.3 Phần IV). Việc bổ sung ứng dụng phải căn cứ vào danh mục quy trình nội bộ, yêu cầu nghiệp vụ, thẩm quyền và lộ trình được phê duyệt.

d) Nhóm ứng dụng phối hợp và hỗ trợ tác nghiệp dùng chung: Phục vụ trao đổi, thông báo, phối hợp xử lý văn bản, hồ sơ và yêu cầu hỗ trợ tác nghiệp phổ biến giữa nhiều cơ quan; không bao gồm quản trị hậu cần, cơ sở vật chất hoặc dịch vụ nội bộ đặc thù thuộc Mục 2.4.2.

đ) Các nhóm ứng dụng dùng chung khác: Được bổ sung theo nhu cầu chuyển đổi số và quyết định của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở xác định rõ chức năng, phạm vi sử dụng, chủ quản nghiệp vụ và quan hệ với các ứng dụng hiện có.

Các nhóm nêu trên là phạm vi kiến trúc mục tiêu; danh mục ứng dụng đã vận hành, đang xây dựng hoặc dự kiến phát triển phải được xác nhận riêng, tránh trình bày định hướng như hiện trạng.

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng không thực hiện nghiệp vụ theo dõi, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính của Đảng đã được giao cho

các hệ thống chuyên trách. Các hệ thống được kết nối, chia sẻ dữ liệu và sử dụng chức năng dùng chung theo nhu cầu, thẩm quyền, không phải hợp nhất về nghiệp vụ hoặc triển khai trên cùng một hệ thống kỹ thuật.

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng phục vụ nghiệp vụ nội bộ và xử lý thông tin có yêu cầu bảo vệ bí mật của các cơ quan đảng. Việc trao đổi văn bản với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật dùng chung; không xây dựng kênh trao đổi song song.

2.4.2. Các ứng dụng hỗ trợ nội bộ khác

Các ứng dụng này phục vụ quản trị và hỗ trợ hoạt động nội bộ của các cơ quan đảng đối với những chức năng chưa được Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng hoặc ứng dụng chuyên ngành cung cấp.

Các ứng dụng có thể gồm quản lý hành chính, hậu cần, dịch vụ nội bộ; bảo trì, bảo dưỡng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị. Chức năng hạch toán, quản lý tài sản gốc, tài chính thuộc ứng dụng chuyên ngành; ứng dụng hỗ trợ nội bộ quản lý yêu cầu dịch vụ hoặc bảo trì, đồng bộ với nguồn tài sản có thẩm quyền.

Việc xác định ứng dụng thuộc Mục này phải căn cứ vào chức năng nghiệp vụ thực tế; không phân loại ứng dụng văn bản, hồ sơ, lịch, hợp hoặc ứng dụng chuyên ngành vào nhóm hỗ trợ nội bộ chỉ vì được sử dụng bên trong một cơ quan.

Chức năng hỗ trợ nội bộ có thể được cung cấp trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng khi được giao và phù hợp kiến trúc; ứng dụng nội bộ đặc thù thuộc Mục này không mặc nhiên trở thành phân hệ của Hệ thống. Không đầu tư chức năng đã được thành phần dùng chung hoặc chuyên ngành đáp ứng.

2.5. Nền tảng AI của các cơ quan đảng

Nền tảng AI của các cơ quan đảng được xây dựng theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng (Điểm c Mục 1 Phụ lục I Quyết định số 1425/QĐ-TTg).

Cung cấp các dịch vụ và năng lực AI có khả năng tái sử dụng cho nhiều hệ thống, ứng dụng và nhóm nghiệp vụ trong các cơ quan đảng.

Các năng lực chủ yếu gồm quản lý mô hình AI; cung cấp dịch vụ suy luận và API; quản trị vòng đời mô hình; hỗ trợ truy xuất, khai thác kho tri thức; quản lý cấu hình, phiên bản, chất lượng, hiệu năng và việc sử dụng mô hình.

Nền tảng phải hỗ trợ quản trị dữ liệu phục vụ huấn luyện, tinh chỉnh, kiểm thử và đánh giá mô hình; kiểm soát câu lệnh đầu vào, kết quả đầu ra, quyền truy cập, nhật ký sử dụng và khả năng truy vết.

Dữ liệu huấn luyện, dữ liệu kiểm thử, kho tri thức và kết quả xử lý AI là các tài sản dữ liệu thuộc Thành phần dữ liệu; nền tảng AI cung cấp công cụ và dịch vụ kỹ thuật để quản lý, khai thác và xử lý các tài sản đó.

Tài nguyên tính toán phục vụ AI, gồm máy chủ, GPU, lưu trữ và môi trường thực thi, thuộc Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung.

Các ứng dụng như trợ lý AI, trợ lý nghiệp vụ, ứng dụng phân tích hoặc hỗ trợ xử lý văn bản thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung khi trực tiếp thực hiện một chức năng nghiệp vụ; phải ưu tiên khai thác dịch vụ của nền tảng AI thay vì tự xây dựng lại năng lực nền tảng.

Nền tảng AI của các cơ quan đảng phải ưu tiên khai thác, tích hợp hoặc mở rộng năng lực AI dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị khi đáp ứng yêu cầu; trường hợp cần năng lực riêng phải làm rõ yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, bảo mật, mô hình và môi trường vận hành. Việc xây dựng năng lực AI riêng vì yêu cầu bảo vệ bí mật chỉ thực hiện khi Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ, do cấp có thẩm quyền quyết định theo Mục 1.8 Phần IX.

2.6. Thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung khác của các cơ quan đảng

Thành phần này bao gồm các ứng dụng bổ sung đáp ứng yêu cầu đặc thù chưa được thành phần dùng chung, ứng dụng chuyên ngành cung cấp.

a) Ứng dụng bổ sung, đặc thù của các cơ quan đảng ở Trung ương: Được phát triển theo thẩm quyền đối với yêu cầu nghiệp vụ riêng mà ứng dụng dùng chung, ứng dụng chuyên ngành chưa đáp ứng hoặc không thuộc phạm vi cung cấp tập trung.

b) Ứng dụng bổ sung của tỉnh uỷ, thành uỷ: Phục vụ yêu cầu đặc thù của địa phương trong phạm vi được phép, tập trung vào chức năng nghiệp vụ tạo giá trị gia tăng trên cơ sở khai thác dữ liệu, ứng dụng và nền tảng dùng chung.

Các ứng dụng thuộc thành phần này phải xác định rõ yêu cầu nghiệp vụ, phạm vi người sử dụng, dữ liệu, chủ quản, phương án kết nối và trách nhiệm vận hành. Không xây dựng lại chức năng lõi đã được ứng dụng dùng chung hoặc ứng dụng chuyên ngành cung cấp và đáp ứng yêu cầu.

Đối với ứng dụng bổ sung, trước khi quyết định xây dựng độc lập phải rà soát khả năng sử dụng, cấu hình hoặc mở rộng các ứng dụng hiện có. Các năng lực kỹ thuật về tích hợp, dữ liệu và quản lý quy trình phải ưu tiên khai thác từ Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi. Năng lực trí tuệ nhân tạo được ưu tiên khai thác từ Nền tảng AI của các cơ quan đảng tại Mục 2.5 Phần này.

MÔ HÌNH LỚP ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

Kênh tương tác

Đo lường hiệu quả

ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng

Nền tảng AI của các cơ quan Đảng (ích hợp, mở rộng năng lực Nền tảng AI dùng chung)

Các hệ thống thông tin, ứng dụng phục vụ hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Đảng

Các ứng dụng hỗ trợ hoạt động nội bộ dùng chung khác của các cơ quan Đảng (Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan Đảng; các ứng dụng hỗ trợ nội bộ khác)

Thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung khác của các cơ quan Đảng (ứng dụng bổ sung, đặc thù của các cơ quan Đảng ở Trung ương, của tỉnh ủy, thành ủy theo thẩm quyền)

Thành phần ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Nền tảng điều hành số quốc gia; Trợ lý ảo quốc gia
- Trục liên thông văn bản quốc gia
- Thành phần dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính
- Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất
- Nền tảng họp trực tuyến quốc gia
- Nền tảng quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

Dữ liệu

Nền tảng lõi

HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

Hạ tầng số

An ninh mạng

Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Thành phần do các cơ quan Đảng triển khai

SD-04.1. Mô hình Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

3. Phân định chức năng, kết nối và phạm vi triển khai

3.1. Phân định chức năng và kết nối

Mỗi hệ thống, ứng dụng phải xác định rõ chức năng nghiệp vụ chính, chủ quản nghiệp vụ, dữ liệu tạo lập, phạm vi sử dụng và quan hệ với các thành phần khác.

Mô hình liên thông gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan đảng với các cơ quan thuộc Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: (a) Văn bản không có độ mật được gửi, nhận giữa Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng với hệ thống quản lý văn bản của các cơ quan này qua Trục liên thông văn bản quốc gia. (b) Văn bản có độ mật được gửi, nhận qua Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật dùng chung giữa các cơ quan đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Mục 3.1 Phần V), trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng hoặc hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, sử dụng sản phẩm mật mã, chữ ký số chuyên dùng của Ban Cơ yếu Chính phủ. (c) Không xây dựng kênh gửi, nhận văn bản song song. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Cơ yếu Chính phủ xác định điểm kết nối, định dạng, quy trình và trách nhiệm của các bên.

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng giữ vai trò trung tâm cung cấp các ứng dụng và chức năng tác nghiệp dùng chung. Các hệ thống thông tin dùng chung chuyên trách, ứng dụng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, ứng dụng chuyên ngành và ứng dụng đặc thù được tổ chức theo nghiệp vụ riêng; sử dụng hoặc tích hợp với chức năng dùng chung khi có nhu cầu, không bắt buộc triển khai trên cùng một hệ thống kỹ thuật.

Việc kết nối, trao đổi dữ liệu phải ưu tiên sử dụng Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP/LDOP) thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi. Đối với dữ liệu được nhiều ứng dụng sử dụng phải xác định rõ CSDL gốc, chủ quản dữ liệu, trách nhiệm cập nhật và cơ chế đồng bộ, đối soát; không hình thành các nguồn dữ liệu gốc cạnh tranh.

Ứng dụng thực hiện nghiệp vụ và cung cấp dữ liệu, kết quả; nền tảng số cung cấp năng lực kỹ thuật dùng chung; kênh tương tác và thành phần đo lường hiệu quả phục vụ truy cập, hiển thị và khai thác kết quả. Các thành phần được phân

định theo chức năng kiến trúc nhưng phải bảo đảm kết nối, phối hợp và truy vết thống nhất.

3.2. Phân công giữa Trung ương và địa phương

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì xây dựng, quản lý và tổ chức cung cấp Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng cùng các ứng dụng dùng chung khác theo phân công; phối hợp quản lý danh mục, chuẩn kết nối và hoạt động tích hợp.

Các cơ quan đảng ở Trung ương được giao chủ quản nghiệp vụ chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và cung cấp ứng dụng chuyên ngành, hệ thống chuyên trách trong phạm vi được giao; bảo đảm khả năng sử dụng, cấu hình tại nhiều cơ quan, nhiều cấp khi cần thiết.

Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và đảng uỷ bộ, ngành Trung ương sử dụng, cấu hình các ứng dụng do cơ quan có thẩm quyền cung cấp; không xây dựng ứng dụng riêng thay thế hoặc trùng lặp những chức năng đã đáp ứng yêu cầu.

Tỉnh uỷ, thành uỷ sử dụng các ứng dụng dùng chung, ứng dụng chuyên ngành do Trung ương cung cấp; được phát triển ứng dụng bổ sung theo thẩm quyền đối với yêu cầu đặc thù chưa được đáp ứng, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu và không đầu tư trùng lặp.

Đảng uỷ xã, phường, đặc khu sử dụng các ứng dụng do Trung ương và tỉnh uỷ, thành uỷ cung cấp, được cấu hình theo tổ chức, vai trò, thẩm quyền và phạm vi dữ liệu; không tự xây dựng ứng dụng nghiệp vụ riêng.

3.3. Xử lý trùng lặp và giải pháp chuyển tiếp

Trước khi xây dựng mới, nâng cấp hoặc mở rộng ứng dụng phải rà soát danh mục thành phần hiện có, ưu tiên sử dụng, cấu hình, mở rộng hoặc tích hợp. Trường hợp có chức năng trùng lặp phải xem xét điều chỉnh, hợp nhất, thay thế hoặc dùng theo thẩm quyền.

Giải pháp chuyển tiếp được xem xét khi thành phần dùng chung chưa hình thành, chưa sẵn sàng hoặc chưa đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ cấp thiết. Việc triển khai phải xác định rõ phạm vi, trách nhiệm, thời hạn, dữ liệu, phương án tích hợp và lộ trình chuyển đổi, hợp nhất hoặc dùng; không để giải pháp chuyển tiếp trở thành hệ thống trùng lặp lâu dài.

KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

Kênh tương tác

Đo lường hiệu quả

ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng

NOM + NOM A l'ordre d'un ministre d'État

Quản trị để tồn tại và
kiếm tiền, kiếm sống dân văn
dân ra, nhai kỹ

Các hệ thống tin, ứng dụng phục vụ hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Đảng

Ch. Lucretius

Chính, phùng, chống tham
g, lũng phỉ, tiền cực và cải
cách tư pháp

g) Hệ thống thông tin quốc gia về hành chính các Đảng tiến một bước đến

i) Xuan ban

k) Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị

tiền, phát triển lý luận

- Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất

- Nền tảng hợp trực tuyến quốc gia

- **Nền tảng hợp trục tuyến quốc gia**
- **Nền tảng quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia**

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan Đảng kết nối Trực liên thông văn bản quốc gia; khai thác Nền tảng hợp trực tuyến quốc gia, Hệ thống thư điện tử công vụ theo thẩm quyền và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Đặc công dùng bộ trợ lực đồng nối hệ dùng chung khác của các cơ quan Đảng

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan Đảng ♦

ai Quản lý văn bản, thủ tục và
hệ thống văn phòng

by Lach, hợp với tôi hẳn hợp

0000-0001-9000-0000

đ) Phối hợp và hỗ trợ tác nghiệp chung

d) Các nhóm ứng dụng khác

Các ứng dụng hỗ trợ nội bộ khác: thành viên
hầu cần, dịch vụ nội bộ, bảo trì, sử dụng cơ
sở chất, trang thiết bị)

THÀNH NHÂN LỚN DƯỚI VÀ NHỎ HƠN VÀ DÙNG CHUNG KHÁC CỦA CÁC CƠ QUAN ĐANG

a) Tổng dư thừa sáng, đặc thù của các cơ quan Đảng ở Trung ương

b) lĩnh dụng bổ sung của tính uy: thành uy

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

Dữ liệu

Nền tảng lõi

HA TĂNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DỮ LIỆU CHUNG

Ha tãng sỗ

An ninh mạng

Dịch thơ: Dành cho những người yêu nước
Đã quên đi quê hương và gia đình
Nên vẫn sẵn sàng chôn thân mình
Cho đất nước Việt Nam chủ quyền.

Thành công dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Thành phần do các cơ quan Đảng triển khai

SD-04.2. Mô hình các thành phần của Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

4. Quản lý danh mục và tổ chức thực hiện

Các hệ thống thông tin, ứng dụng thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung được quản lý trong Danh mục kiến trúc, gắn với thành phần quy định tại Mục 2 Phần này.

Đối với mỗi hệ thống, ứng dụng phải xác định tối thiểu: Tên, mã định danh, chức năng chính, chủ quản nghiệp vụ, đơn vị vận hành, phạm vi sử dụng, dữ liệu, quan hệ tích hợp, mức dịch vụ, yêu cầu bảo vệ, hiện trạng và lộ trình phát triển.

Danh mục các thành phần dùng chung phải được công bố, cập nhật theo thẩm quyền, xác định rõ phạm vi phục vụ, chức năng đã sẵn sàng, điều kiện sử dụng, dữ liệu, API, đầu mối hỗ trợ và lộ trình nâng cấp, thay thế hoặc dùng.

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì hoặc phối hợp theo phân công quản lý, công bố và cập nhật danh mục ứng dụng, hệ thống thông tin; từng bước thực hiện trên Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng để hỗ trợ quản lý thống nhất, truy vết, đánh giá tuân thủ và kiểm soát trùng lặp.

Các cơ quan chủ quản nghiệp vụ, chủ quản ứng dụng và đơn vị vận hành chịu trách nhiệm về yêu cầu, dữ liệu, chức năng, chất lượng dịch vụ, kết nối, an ninh mạng và quản lý vòng đời các hệ thống thuộc phạm vi được giao.

Việc phát triển ứng dụng phải căn cứ vào kiến trúc hiện trạng, kiến trúc mục tiêu, nhu cầu nghiệp vụ, năng lực dùng chung đã được cung cấp và lộ trình chuyển đổi số được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm thống nhất với bốn lớp và bốn thành phần xuyên suốt của Khung.

VIII- LỚP KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ

1. Vị trí, vai trò và nguyên tắc tổ chức

Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả cung cấp phương thức tiếp cận ứng dụng, dịch vụ số và năng lực hiển thị, theo dõi kết quả. Việc đo lường tuân theo bộ chỉ số KPI vận hành, tuân thủ, kết quả triển khai Khung được phê duyệt; kết quả đánh giá năng lực số và mức độ chuyển đổi số do hệ thống tại Mục 3.4 Phần này cung cấp theo bộ chỉ số riêng. Chỉ kết nối hoặc tổng hợp hai phạm vi khi có ánh xạ chỉ số, nguồn dữ liệu, công thức và thẩm quyền.

Lớp được tổ chức thành hai nhóm thành phần: (1) Kênh tương tác. (2) Đo lường hiệu quả. Mỗi nhóm bao gồm thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và các thành phần do các cơ quan đảng quản lý, triển khai theo thẩm quyền. Việc tổ chức các thành phần phải bảo đảm:

a) Cung cấp điểm truy cập thuận tiện, thống nhất, phù hợp với từng nhóm người sử dụng, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

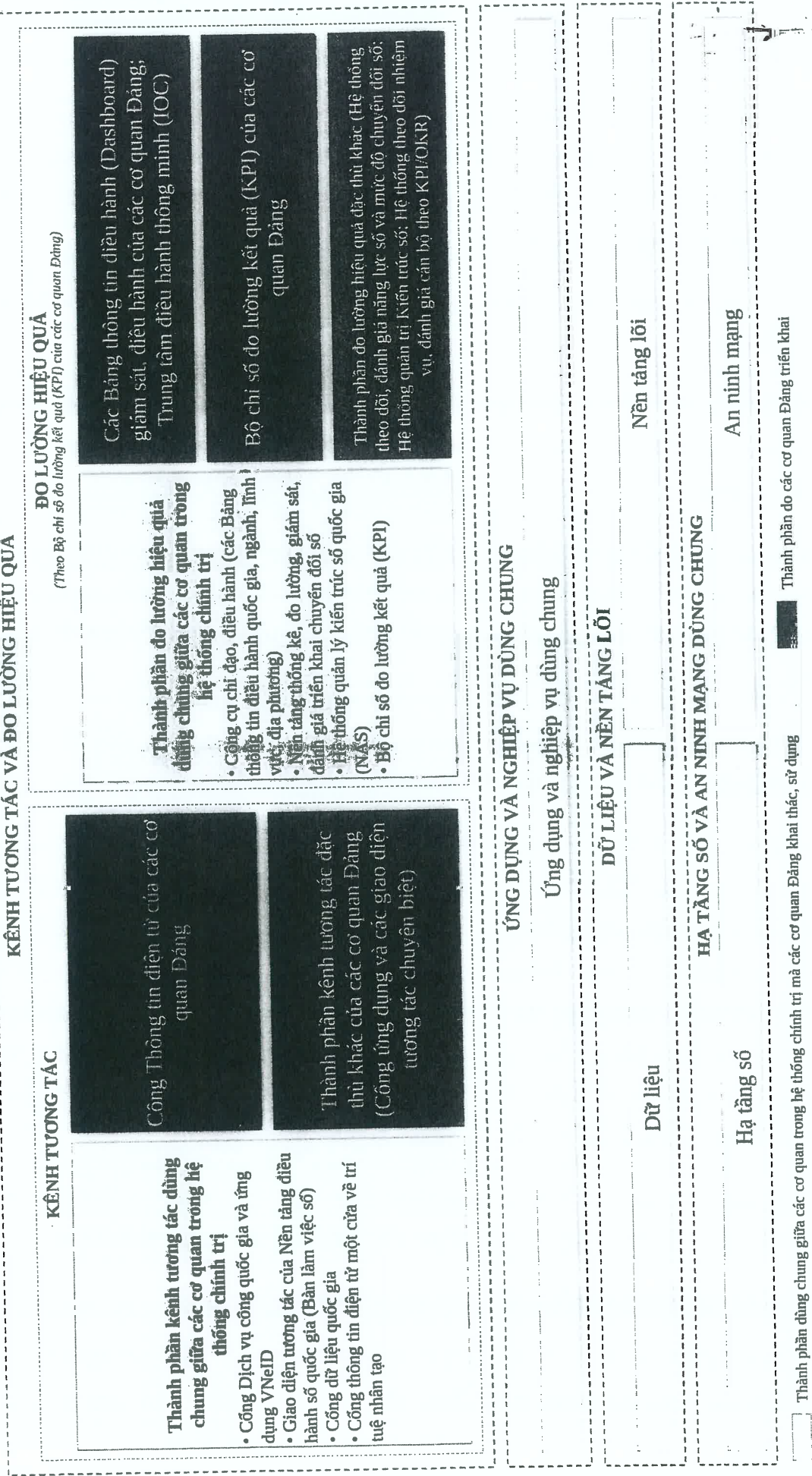
b) Ưu tiên khai thác các kênh tương tác, chỉ số và công cụ đo lường dùng chung; hạn chế hình thành giao diện hoặc cơ chế đo lường trùng lặp.

c) Sử dụng dữ liệu phát sinh từ các hệ thống nghiệp vụ, nền tảng và hạ tầng số làm cơ sở đo lường; giảm nhập liệu thủ công, bảo đảm tính chính xác, kịp thời và khả năng truy vết.

d) Bảo đảm định danh, xác thực, phân quyền, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu phù hợp với từng đối tượng sử dụng và môi trường khai thác.

Kênh tương tác là phương thức, giao diện để người sử dụng tiếp cận ứng dụng và dịch vụ số; không thay thế chức năng nghiệp vụ của các hệ thống thông tin. Thành phần đo lường hiệu quả sử dụng dữ liệu và kết quả do các hệ thống có thẩm quyền cung cấp; không mặc nhiên thực hiện lại nghiệp vụ quản lý, đánh giá thuộc các hệ thống đó.

MÔ HÌNH LỚP KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ



ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG

Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

Nền tảng lõi

HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG

An ninh mạng

Dữ liệu

Hạ tầng số

Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan Đảng khai thác, sử dụng

Thành phần đo các cơ quan Đảng triển khai

SD-04.3. Mô hình Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả

2. Kênh tương tác

Kênh tương tác số là phương thức hoặc giao diện số làm điểm tiếp xúc giữa người sử dụng với các ứng dụng, dữ liệu và dịch vụ số, cho phép truy cập, trao đổi thông tin, phản hồi và thực hiện công việc theo vai trò, thẩm quyền. Nhóm Kênh tương tác gồm ba thành phần chủ yếu.

2.1. Thành phần kênh tương tác dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Bao gồm các kênh tương tác được cung cấp dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan đảng được phép kết nối, khai thác, sử dụng theo thẩm quyền.

Các cơ quan đảng ưu tiên kế thừa, tích hợp với những kênh dùng chung đã đáp ứng yêu cầu về chức năng, dữ liệu, định danh, phân quyền, chất lượng dịch vụ và bảo vệ; không xây dựng kênh tương tự khi thành phần dùng chung đã đáp ứng yêu cầu.

Việc sử dụng kênh tương tác dùng chung không làm thay đổi trách nhiệm quản lý nghiệp vụ, dữ liệu và ứng dụng của các cơ quan đảng.

Thành phần kênh tương tác dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Cổng Dịch vụ công quốc gia và ứng dụng VNeID (hai kênh giao tiếp chính); Giao diện tương tác của Nền tảng điều hành số quốc gia (Bàn làm việc số) - kênh tương tác dùng chung, là kênh làm việc số duy nhất cho cán bộ, công chức, viên chức khi khai thác và sử dụng các hệ thống, nền tảng và ứng dụng dùng chung phục vụ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; Cổng dữ liệu quốc gia; Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo và thành phần kênh tương tác dùng chung khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

Các cơ quan đảng kết nối, khai thác Bàn làm việc số theo lộ trình, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

2.2. Cổng thông tin điện tử của các cơ quan đảng

Cổng thông tin điện tử là kênh cung cấp, phổ biến và khai thác thông tin điện tử của các cơ quan đảng theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; phục vụ công bố thông tin, tra cứu và các hoạt động tương tác được phép.

Cổng thông tin điện tử phải bảo đảm quản lý, cập nhật và cung cấp thông tin thống nhất; phân định rõ thông tin công khai với thông tin chỉ được khai thác theo quyền hạn.

Các chức năng tra cứu, phản ánh, kiến nghị hoặc dịch vụ trực tuyến được cung cấp trên Cổng phải kết nối với hệ thống nghiệp vụ tương ứng khi cần thiết, không xây dựng lại quy trình và dữ liệu nghiệp vụ đã có.

Việc tổ chức Cổng thông tin điện tử phải ưu tiên sử dụng các thành phần kỹ thuật, dữ liệu và dịch vụ dùng chung; bảo đảm khả năng truy cập, tính sẵn sàng và yêu cầu an ninh mạng.

2.3. Thành phần kênh tương tác đặc thù khác của các cơ quan đảng (Cổng ứng dụng và các giao diện tương tác chuyên biệt)

Cổng ứng dụng là điểm truy cập tập trung vào các hệ thống thông tin, ứng dụng và dịch vụ số của các cơ quan đảng theo vai trò, thẩm quyền người sử dụng; hỗ trợ truy cập thống nhất, giảm phân tán và nâng cao trải nghiệm sử dụng. Cổng ứng dụng phục vụ truy cập hệ thống thông tin riêng của các cơ quan đảng; đối với hệ thống, nền tảng dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, việc truy cập thực hiện qua Bàn làm việc số theo lộ trình.

Cổng ứng dụng có thể tích hợp chức năng truy cập các hệ thống dùng chung, hệ thống chuyên ngành và ứng dụng đặc thù; ưu tiên sử dụng cơ chế định danh, xác thực và đăng nhập một lần khi được cung cấp và đáp ứng yêu cầu bảo vệ.

Các giao diện tương tác chuyên biệt được tổ chức cho những đối tượng hoặc nghiệp vụ có yêu cầu riêng, như giao diện web, di động, họp trực tuyến, tra cứu, phản ánh, kiến nghị và các hình thức tương tác phù hợp.

Việc xây dựng giao diện chuyên biệt phải căn cứ vào nhu cầu thực tế, phạm vi sử dụng, đặc điểm nghiệp vụ, yêu cầu phân quyền và bảo vệ; bảo đảm kết nối với ứng dụng và dữ liệu có thẩm quyền, không hình thành hệ thống nghiệp vụ hoặc nguồn dữ liệu độc lập chỉ vì có giao diện riêng.

Email, nhắn tin, thông báo, trợ lý số và trợ lý trí tuệ nhân tạo là ứng dụng hoặc dịch vụ được cung cấp, khai thác thông qua kênh tương tác phù hợp; không mặc nhiên được coi là một kênh tương tác độc lập. Giao diện hội nghị trực tuyến được phân biệt với hệ thống ứng dụng, thiết bị và hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ hội nghị.

3. Đo lường hiệu quả

Đo lường hiệu quả nhằm theo dõi, đánh giá kết quả triển khai, sử dụng và vận hành các thành phần kiến trúc số; cung cấp thông tin phục vụ quản trị, giám sát và lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền.

Việc đo lường được thực hiện theo bộ chỉ số KPI áp dụng cho phạm vi vận hành, tuân thủ và kết quả triển khai Khung khi được cấp có thẩm quyền ban hành. Bộ chỉ số đánh giá năng lực số và mức độ chuyển đổi số là bộ chỉ số nghiệp vụ riêng; không đồng nhất hai bộ hoặc tự giả định đã có văn bản ban hành. Chỉ số bổ sung phải được phê duyệt theo thẩm quyền. Hai bộ chỉ số dùng chung nguồn dữ liệu, khai thác từ dữ liệu vận hành; không phát sinh thêm chế độ báo cáo thủ công.

Các chỉ số phải phản ánh kết quả thực chất, ưu tiên khai thác dữ liệu phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ và vận hành hệ thống. Mỗi chỉ số phải xác định rõ định nghĩa, phạm vi đo, công thức tính, nguồn dữ liệu, kỳ gốc, tần suất cập nhật, cơ quan chịu trách nhiệm, phương pháp xác nhận và mục tiêu hoặc ngưỡng đánh giá.

3.1. Thành phần đo lường hiệu quả dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Bao gồm các chỉ số, công cụ và dịch vụ đo lường được cung cấp dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị mà các cơ quan đảng được phép khai thác, sử dụng theo thẩm quyền.

Các cơ quan đảng ưu tiên kế thừa định nghĩa, phương pháp tính, nguồn dữ liệu và dịch vụ đo lường dùng chung khi phù hợp; bảo đảm khả năng đối chiếu, tổng hợp và chia sẻ kết quả, tránh xây dựng những chỉ số hoặc công cụ trùng lặp không cần thiết.

Đối với chỉ số có phạm vi hoặc yêu cầu nghiệp vụ đặc thù của các cơ quan đảng, phải xác định rõ nội dung kế thừa, nội dung bổ sung và quan hệ với chỉ số dùng chung.

Thành phần đo lường hiệu quả dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị gồm: Công cụ chỉ đạo, điều hành (các Bảng thông tin điều hành (Dashboard) giám sát, điều hành quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương); Nền tảng thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá triển khai chuyển đổi số; Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS); Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) và thành phần đo lường hiệu quả dùng chung khác do cấp có thẩm quyền quyết định. Các cơ quan đảng cập nhật, cung cấp dữ liệu theo thẩm quyền và phạm vi được phép chia sẻ.

3.2. Triển khai các công cụ chỉ đạo, điều hành: Các Bảng thông tin điều hành (Dashboard) giám sát, điều hành của các cơ quan đảng

Bảng thông tin điều hành là thành phần hiển thị trực quan các chỉ số, dữ liệu và kết quả tổng hợp nhằm phục vụ theo dõi, giám sát, phát hiện vấn đề và hỗ trợ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền.

Bảng thông tin điều hành được tổ chức phù hợp với từng cấp, cơ quan, nhóm người sử dụng và phạm vi dữ liệu được phân quyền; hỗ trợ hiển thị kết quả, so sánh với mục tiêu, theo dõi xu hướng, tiến độ và cảnh báo khi có dữ liệu, quy tắc đánh giá tương ứng.

Dữ liệu và kết quả hiển thị trên Bảng thông tin điều hành phải được khai thác từ hệ thống nghiệp vụ, hệ thống đánh giá, cơ sở dữ liệu và nền tảng có thẩm quyền; có khả năng truy vết nguồn dữ liệu, thời điểm cập nhật và phương pháp tính. Dữ liệu được thu thập tự động từ các hệ thống nguồn; hạn chế tổng hợp, báo cáo thủ công.

Bảng thông tin điều hành chỉ hiển thị kết quả từ nguồn dữ liệu đã được xác nhận; không tiếp nhận, xét duyệt hay tính lại hồ sơ đánh giá thay hệ thống nghiệp vụ. Hệ thống theo dõi, đánh giá năng lực số và mức độ chuyển đổi số cung cấp kết quả theo bộ chỉ số riêng; Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng cung cấp dữ liệu tuân thủ. Việc tổng hợp trên Bảng thông tin điều hành phải xác định nguồn, kỳ đo, công thức và phạm vi phân quyền.

Việc cung cấp Bảng thông tin điều hành phải ưu tiên sử dụng năng lực phân tích, tổng hợp và trực quan hoá dữ liệu dùng chung; không tổ chức các cơ chế thu thập, tính toán và lưu trữ kết quả trùng lặp khi đã có nguồn dữ liệu đáng tin cậy.

Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của Văn phòng Trung ương Đảng tích hợp các Bảng thông tin điều hành phục vụ lãnh đạo chủ chốt; IOC của các ban đảng, cơ quan đảng kết nối, dùng chung dữ liệu, nền tảng với IOC của Văn phòng Trung ương Đảng.

3.3. Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) của các cơ quan đảng

Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) của các cơ quan đảng được xây dựng trên cơ sở Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) triển khai Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì ban hành, bổ sung các chỉ số đặc thù của các cơ quan đảng theo thẩm quyền; dữ liệu phục vụ đo lường ưu tiên được thu thập tự động từ quá trình vận hành hệ thống. Bộ chỉ số gồm đủ 5 nhóm theo Mục 4 Phần III Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số: Tuân thủ kiến trúc; liên thông và tích hợp; quản trị và vận hành; kỹ thuật và an toàn; kết quả triển khai.

Việc đánh giá, xếp loại cán bộ theo KPI/OKR được thử nghiệm, thí điểm theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, sử dụng dữ liệu cán bộ từ nguồn có thẩm quyền.

3.4. Thành phần đo lường hiệu quả đặc thù khác của các cơ quan đảng (chỉ số, công cụ đo lường bổ sung cho nghiệp vụ đặc thù)

Các cơ quan đảng được bổ sung chỉ số và công cụ đo lường đối với những yêu cầu nghiệp vụ đặc thù chưa được Bộ chỉ số KPI hoặc thành phần dùng chung đáp ứng, trong phạm vi thẩm quyền được giao.

Chỉ số bổ sung phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi đo, công thức tính, nguồn dữ liệu, trách nhiệm cập nhật, xác nhận và quan hệ với các chỉ số đã có; không tạo nhiều chỉ số khác tên nhưng cùng nội hàm, hoặc sử dụng cùng tên cho các phương pháp tính khác nhau.

Công cụ đo lường bổ sung phải ưu tiên tái sử dụng dữ liệu, nền tảng phân tích và Bảng thông tin điều hành dùng chung. Chỉ xây dựng công cụ riêng khi có yêu cầu đặc thù về nghiệp vụ, dữ liệu, phân quyền hoặc bảo vệ mà thành phần dùng chung chưa đáp ứng.

Các chỉ số và công cụ bổ sung phải được quản lý trong danh mục thống nhất, bảo đảm khả năng tổng hợp, đối chiếu và cập nhật khi Bộ chỉ số KPI hoặc thành phần dùng chung thay đổi.

a) Hệ thống theo dõi, đánh giá năng lực số và mức độ chuyển đổi số của các cơ quan đảng: Phục vụ tổ chức đánh giá theo Bộ chỉ số được cấp có thẩm quyền ban hành; thu thập, kiểm tra, tổng hợp và quản lý dữ liệu, kết quả đánh giá; cung cấp thông tin phục vụ theo dõi, đo lường và chỉ đạo, điều hành chuyển đổi số. Các chỉ số, kết quả và bảng thông tin được cung cấp cho thành phần Đo lường hiệu quả thuộc Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả theo thẩm quyền.

b) Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng: Phục vụ quản lý, cập nhật hồ sơ và danh mục kiến trúc; quản lý thành phần, quan hệ, phiên bản và thay đổi kiến trúc; hỗ trợ đánh giá tuân thủ, kiểm soát trùng lặp và quản lý vòng đời kiến trúc. Hệ thống là công cụ thực hiện hoạt động quản trị kiến trúc, phục vụ thành phần xuyên suốt "Quản trị, điều phối và giám sát".

Các hệ thống nêu tại Điểm a, b Mục này kết nối, cung cấp dữ liệu cho Nền tảng thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá triển khai chuyển đổi số và Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS) theo quy định; không xây dựng chức năng trùng lặp với NAS.

4. Tổ chức triển khai và quản lý

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì hoặc phối hợp theo phân công quản lý, hướng dẫn, công bố và cập nhật danh mục kênh tương tác, chỉ số, Bảng thông tin điều hành và công cụ đo lường dùng chung trong các cơ quan đảng.

Cơ quan chủ quản nghiệp vụ chịu trách nhiệm xác định yêu cầu tương tác, chỉ số và phương pháp đánh giá; chủ quản dữ liệu và các đơn vị được giao chịu trách nhiệm cung cấp, cập nhật, xác nhận dữ liệu theo thẩm quyền. Đơn vị vận hành chịu trách nhiệm bảo đảm khả năng truy cập, tính sẵn sàng, chất lượng dịch vụ và an ninh mạng đối với các thành phần được giao.

Các kênh tương tác, chỉ số và công cụ đo lường phải được quản lý trong Danh mục kiến trúc, xác định rõ phạm vi dùng chung hoặc dùng riêng, chủ thể quản lý, nguồn dữ liệu, quan hệ tích hợp, trạng thái triển khai và lộ trình phát triển.

Việc triển khai phải bảo đảm kết nối với các hệ thống, ứng dụng thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung; khai thác dữ liệu, nền tảng thuộc Lớp Dữ liệu và nền tảng lõi; sử dụng hạ tầng và đáp ứng các yêu cầu an ninh mạng theo Khung.

IX- CÁC THÀNH PHẦN XUYỀN SUỐT

1. Quản trị, điều phối và giám sát

Thành phần Quản trị, điều phối và giám sát áp dụng xuyên suốt toàn bộ 4 lớp kiến trúc, bảo đảm Khung là công cụ quản trị, điều phối, thẩm định, giám sát, đánh giá, cập nhật và kiểm soát tuân thủ. Thành phần này xác định rõ chủ thể quản trị, chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, chủ thể quản lý nền tảng, hạ tầng, đơn vị vận hành, cơ quan bảo đảm an ninh mạng, cơ quan đánh giá và người sử dụng; đồng thời điều phối việc sử dụng chung, kết nối, chia sẻ, khai thác và theo dõi hiệu quả vận hành.

1.1. Vai trò của Văn phòng Trung ương Đảng

Văn phòng Trung ương Đảng là cơ quan chủ trì quản lý, duy trì và hướng dẫn triển khai Khung; tổ chức quản trị danh mục kiến trúc, thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng, trạng thái vòng đời, đánh giá tuân thủ, trường hợp đặc thù và việc cập nhật, ánh xạ với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng, ban hành, công bố và cập nhật theo thẩm quyền: Hướng dẫn triển khai Khung, bao gồm cách thức tổ chức triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã; danh mục dùng chung; bộ tiêu chí, phương pháp, biểu mẫu và tài liệu kỹ thuật triển khai Khung.

1.2. Đầu mối quản trị kiến trúc tại các cơ quan đảng ở Trung ương

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, quy mô và mức độ phức tạp của nghiệp vụ, dữ liệu, hệ thống, nền tảng, hạ tầng và danh mục đầu tư chuyển đổi số, người đứng đầu cơ quan đảng ở Trung ương phân công đơn vị, cán bộ làm đầu mối quản trị kiến trúc (kiêm nhiệm) phù hợp. Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) là đầu mối quản trị Khung.

Đầu mối quản trị kiến trúc có trách nhiệm hướng dẫn triển khai Khung tại cơ quan; cập nhật đối tượng, quan hệ kiến trúc thuộc phạm vi quản lý vào Danh mục kiến trúc; tham gia quản trị đầu tư, đánh giá tuân thủ, quản lý thay đổi, chênh lệch và trường hợp đặc thù; theo dõi sự phù hợp của hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu và nhiệm vụ, dự án với kiến trúc mục tiêu.

Nội dung này không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý mới. Nhiệm vụ cụ thể của đầu mối quản trị kiến trúc thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

1.3. Phân vai chủ quản nghiệp vụ và dữ liệu

Việc phân vai phải tách bạch tối thiểu: Chủ quản nghiệp vụ; chủ quản dữ liệu; đơn vị quản trị dữ liệu; đơn vị vận hành kỹ thuật; cơ quan, đơn vị khai thác; và chủ thể chịu trách nhiệm chất lượng dữ liệu. Chủ quản nghiệp vụ quyết định yêu cầu, quy tắc và mục đích sử dụng; chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm về nguồn dữ liệu có thẩm quyền, chất lượng, phạm vi chia sẻ và vòng đời; đơn vị vận hành kỹ thuật không mặc nhiên trở thành chủ quản dữ liệu.

1.3.1. Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản nghiệp vụ và chủ quản dữ liệu theo thẩm quyền đối với miền dữ liệu, hệ thống, quy trình quản trị, quản lý về tài chính, tài sản, đầu tư, mua sắm của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ.

1.3.2. Ban Tổ chức Trung ương chủ quản nghiệp vụ và chủ quản dữ liệu theo thẩm quyền đối với miền dữ liệu, hệ thống, quy trình quản trị, quản lý về công tác tổ chức xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức đảng, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, chính sách cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, nghiên cứu khoa học ngành Tổ chức xây dựng Đảng theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị quy định.

1.3.3. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ quản nghiệp vụ và chủ quản dữ liệu theo thẩm quyền đối với miền dữ liệu, hệ thống, quy trình về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, khiếu nại kỷ luật đảng, tố cáo tổ chức đảng, đảng viên, kiểm soát tài sản, thu nhập và các dữ liệu được khai thác theo thẩm quyền phục vụ kiểm tra, giám sát.

1.3.4. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ quản nghiệp vụ và chủ quản dữ liệu theo thẩm quyền đối với miền dữ liệu, hệ thống, quy trình quản trị, quản lý về công tác tuyên giáo, bảo vệ nền tảng tư tưởng, văn hoá, giáo dục, lịch sử theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3.5. Ban Nội chính Trung ương chủ quản nghiệp vụ và chủ quản dữ liệu theo thẩm quyền đối với miền dữ liệu, hệ thống, quy trình quản trị, quản lý về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cải cách tư pháp, vụ án, vụ việc, đơn, thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

1.3.6. Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ quản nghiệp vụ và chủ quản dữ liệu theo thẩm quyền đối với miền dữ liệu, hệ thống, quy trình chính sách, chiến lược, kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án lớn theo chức năng, nhiệm vụ.

1.3.7. Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, đảng uỷ bộ, ngành Trung ương, đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương chủ quản nghiệp vụ và dữ liệu phát sinh trong phạm vi tổ chức đảng trực thuộc, đồng thời tuân thủ Khung, chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, phân quyền và quy định bảo mật thống nhất. Việc phối hợp quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương với các cơ quan tương ứng được thực hiện theo phân định chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu và thẩm quyền quản lý hệ thống, bảo đảm đồng thời yêu cầu của Khung này và kiến trúc, quy định có liên quan của từng cơ quan.

1.3.8. Tỉnh uỷ, thành uỷ chủ quản dữ liệu, hệ thống và quy trình phát sinh trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền; đảng uỷ xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm đối với dữ liệu và quy trình phát sinh trong quá trình sử dụng các hệ thống do Trung ương hoặc tỉnh uỷ, thành uỷ cung cấp, không mặc nhiên là chủ quản hệ thống. Các chủ thể địa phương phải tuân thủ Khung, chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, yêu cầu bảo vệ và cơ chế tích hợp, chia sẻ theo thẩm quyền.

1.3.9. Các cơ quan, đơn vị báo chí, truyền thông, xuất bản, lý luận, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận chủ quản nghiệp vụ và miền dữ liệu chuyên ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm kết nối, chia sẻ, bảo vệ dữ liệu, kiểm soát nội dung và tuân thủ kiến trúc theo quy định.

1.3.10. Phân vai đối với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì quản trị Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; tổ chức quản lý, phát triển, vận hành, bảo đảm tính liên tục, an ninh mạng và khả năng dùng chung của Hệ thống theo thẩm quyền.

1.4. Cơ chế quản trị dữ liệu, chất lượng dữ liệu và đầu mối quản trị dữ liệu

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền khung, chuẩn, công cụ và cơ chế dùng chung về quản trị dữ liệu; điều phối chung về kiến trúc dữ liệu, nền tảng dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung, dịch vụ dữ liệu, hồ dữ liệu, kho dữ liệu và cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu trong các cơ quan đảng. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu là đầu mối chuyên trách giúp Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức vận hành kỹ thuật, điều phối công cụ quản trị dữ liệu, hỗ trợ cơ quan chủ quản dữ liệu, kiểm tra tuân thủ chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và chất lượng dữ liệu. Mô hình tổ chức quản trị, quản lý dữ liệu trong các cơ quan đảng bảo đảm tương thích với mô hình theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg và Hướng dẫn triển khai mô hình, tổ chức hoạt động quản trị dữ liệu (Phụ lục 1 kèm theo Công văn số 4856/BCA-TTDLQG, ngày 14/9/2026 của Bộ Công an), gồm: Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu; 5 bộ phận (Tuân thủ, Quản trị dữ liệu, Kỹ thuật dữ liệu, Tạo lập dữ liệu, Đổi mới sáng tạo) và nhân sự phụ trách dữ liệu chuyên ngành tại các cơ quan chủ quản dữ liệu. Các vai trò được phân công chuyên trách hoặc kiêm nhiệm trong biên chế hiện có, không bắt buộc thành lập đơn vị mới; Bộ phận Tuân thủ hoạt động độc lập. Văn phòng Trung ương Đảng là đầu mối phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, gửi danh sách Người chịu trách nhiệm và đầu mối các bộ phận theo hướng dẫn. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu là Văn phòng Quản trị dữ liệu (DGO) của Đảng theo Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0; mô hình tổ chức, vai trò chủ sở hữu, chủ quản dữ liệu và đầu mối quản trị, quản lý dữ liệu thực hiện theo Khung quản trị, quản lý dữ liệu trong các cơ quan đảng (Quyết định số 20-QĐ/BCĐ).

Cơ quan chủ quản nghiệp vụ chịu trách nhiệm xác định dữ liệu thuộc lĩnh vực mình quản lý, quy tắc nghiệp vụ, tiêu chí chất lượng, phạm vi khai thác, mức độ bảo vệ, quy trình cập nhật, trách nhiệm của đơn vị tạo lập dữ liệu và yêu cầu chia sẻ dữ liệu. Đơn vị cập nhật dữ liệu chịu trách nhiệm về tính đúng, đủ, kịp thời, hợp lệ của dữ liệu tại nguồn; đơn vị vận hành kỹ thuật chịu trách nhiệm về hạ tầng, nền tảng, sao lưu, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, giám sát và tính sẵn sàng của dịch vụ dữ liệu.

MÔ HÌNH THÀNH PHẦN XUYÊN SUỐT QUẢN TRỊ, ĐIỀU PHỐI VÀ GIÁM SÁT

1.1. Vai trò của Văn phòng Trung ương Đảng • Chủ trì quản lý, duy trì, hướng dẫn triển khai Khung Quản trị danh mục kiến trúc, thành phần dùng chung trong các cơ quan Đảng • Ban hành hướng dẫn, tiêu chí, biểu mẫu theo thẩm quyền • Xử lý xung đột kiến trúc, kiểm soát trùng lặp	1.2. Đảm bảo quản trị kiến trúc tại các cơ quan Đảng ở Trung ương • Do người đứng đầu cơ quan phân công • Tham mưu, điều phối, kiểm soát chuyên môn về kiến trúc • Không thay thế thẩm quyền quyết định • Không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế mới	1.3. Phân vai chủ quản nghiệp vụ và dữ liệu • Tách bạch: chủ quản nghiệp vụ; chủ quản dữ liệu; đơn vị quản trị dữ liệu; đơn vị vận hành kỹ thuật; cơ quan, đơn vị khai thác • Phân vai theo từng cơ quan ở Trung ương, đảng ủy trực thuộc, tỉnh ủy, thành ủy • Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì quản trị Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp
1.4. Quản trị dữ liệu, chất lượng dữ liệu • Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu là Văn phòng Quản trị dữ liệu (DGO) của Đảng • Mô hình tương thích Quyết định số 2439/QĐ-TTg: Người chịu trách nhiệm: 05 bộ phận; nhân sự phụ trách dữ liệu • Đầu mối quản trị dữ liệu tại từng cơ quan chủ quản dữ liệu	1.5. Đánh giá tuân thủ Khung • Đối tượng: chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, dự án, thuê dịch vụ, hệ thống, CSDL, nền tảng, hạ tầng, ứng dụng AI • Kết quả theo 04 trạng thái: Đáp ứng; Chưa đáp ứng; Chưa đủ cơ sở đánh giá; Không áp dụng • Bắt buộc trong hồ sơ đề xuất, thẩm định; theo dõi khắc phục	1.6. Phân công trách nhiệm quản trị Khung • Rõ chủ trì, phối hợp, trách nhiệm, sản phẩm, thẩm quyền, cơ chế giám sát • Quản lý phiên bản, lịch sử thay đổi của Khung • Quản lý quy định, hướng dẫn, tài liệu kỹ thuật triển khai
1.7. Quản trị động phạm vi dùng chung giữa Trung ương và địa phương • Trạng thái: định hướng nghiên cứu; thí điểm; triển khai mở rộng có điều kiện; vận hành chính thức dùng chung; thay thế, hợp nhất hoặc dừng • Công bố phạm vi phục vụ, dữ liệu, API, điều kiện kết nối	1.8. Trường hợp đặc thù không sử dụng thành phần dùng chung • Chỉ khi thành phần dùng chung chưa đáp ứng và chưa thể mở rộng • Làm rõ lý do, phạm vi, trách nhiệm, rủi ro, biện pháp kiểm soát, thời hạn, phương án kết thúc	1.9. Dữ liệu phát sinh tại cơ quan, địa phương và tích hợp ngược • Dữ liệu hợp lệ thuộc quyền quản lý, khai thác của cơ quan, địa phương • Dữ liệu thuộc phạm vi tổng hợp toàn hệ thống được tích hợp, đồng bộ về Trung ương theo chuẩn
ÁP DỤNG XUYÊN SUỐT 04 LỚP KIẾN TRÚC; CĂN CỨ THẨM ĐỊNH, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, CẬP NHẬT VÀ KIỂM SOÁT TUÂN THỦ		

SD-06.4. Mô hình thành phần xuyên suốt Quản trị, điều phối và giám sát

1.5. Đánh giá tuân thủ Khung Kiến trúc số

Đánh giá tuân thủ nhằm bảo đảm nhiệm vụ, dự án, hệ thống, dữ liệu, nền tảng, ứng dụng và hạ tầng phù hợp với Khung, ưu tiên sử dụng thành phần dùng chung, không đầu tư trùng lặp và đáp ứng yêu cầu tích hợp, dữ liệu, vận hành, an ninh mạng và chuyển giao.

Việc thẩm định, đánh giá tuân thủ Khung đối với hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 và Chương VI Nghị định số 224/2026/NĐ-CP, ngày 24/6/2026 của Chính phủ; cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm về tính tuân thủ; phương pháp đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI); kết quả được cập nhật trên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS) theo quy định khi Hệ thống được triển khai.

1.5.1. Đối tượng và thời điểm đánh giá tuân thủ

Đối tượng đánh giá gồm chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hạ tầng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các thay đổi lớn có tác động đến kiến trúc. Việc đánh giá được thực hiện tại các thời điểm phù hợp trong vòng đời, tương ứng với mức độ rủi ro và phạm vi tác động của đối tượng đánh giá; kết quả đánh giá tuân thủ là điều kiện đề xuất, thẩm định, bố trí vốn, nghiệm thu và đưa hệ thống vào vận hành.

1.5.2. Nội dung, phương pháp và kết quả đánh giá tuân thủ

Nội dung đánh giá tập trung vào sự phù hợp với Khung; khả năng sử dụng, tái sử dụng thành phần dùng chung; nguồn dữ liệu có thẩm quyền; tích hợp, định danh, mức dịch vụ, vận hành, an ninh mạng, hiệu quả đầu tư và khả năng chuyển giao. Phương pháp, tiêu chí đánh giá thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và của Văn phòng Trung ương Đảng. Kết quả kiểm tra, đánh giá an ninh mạng đạt yêu cầu theo Mục 5.3.5 Phần này là điều kiện bắt buộc trước khi đưa hệ thống vào sử dụng chính thức.

Văn phòng Trung ương Đảng ban hành, hướng dẫn và cập nhật theo thẩm quyền tiêu chí, phương pháp, biểu mẫu, yêu cầu minh chứng và cách thức tổ chức đánh giá phù hợp với mức độ rủi ro; các nội dung này không làm thay đổi mô hình tổng thể, nguyên tắc và yêu cầu bắt buộc của Khung.

1.5.3. Theo dõi khắc phục và xử lý trường hợp đặc thù

Chênh lệch hoặc nội dung chưa tuân thủ được phát hiện qua đánh giá phải được xác định rõ trách nhiệm, mức độ rủi ro và phương án khắc phục; cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổ chức khắc phục và duy trì sự phù hợp trong suốt vòng đời hệ

thống. Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, tổng hợp và kiểm tra việc khắc phục theo thẩm quyền.

Trường hợp đặc thù chỉ được xem xét khi có căn cứ và chưa thể đáp ứng ngay yêu cầu của Khung. Trường hợp đặc thù phải có phạm vi, chủ thể chịu trách nhiệm, đánh giá rủi ro, biện pháp kiểm soát, thời hạn và lộ trình khắc phục, kết thúc; được xem xét theo thẩm quyền và rà soát lại khi điều kiện áp dụng thay đổi. Trường hợp đặc thù không thay thế nghĩa vụ đánh giá tuân thủ và không được sử dụng để hợp thức hoá đầu tư trùng lặp. Thời hạn áp dụng trường hợp đặc thù được ghi cụ thể trong văn bản chấp thuận; hết thời hạn, thành phần đặc thù phải chuyển sang sử dụng thành phần dùng chung hoặc kết thúc theo lộ trình đã xác định; việc gia hạn (nếu có) do cấp có thẩm quyền đã chấp thuận quyết định, phải nêu rõ lý do và lộ trình kết thúc mới.

1.6. Phân công trách nhiệm quản trị Khung Kiến trúc số

Văn phòng Trung ương Đảng là đầu mối quản trị, điều phối, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng. Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu là đầu mối chuyên trách tham mưu, giúp Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật về kiến trúc số, hạ tầng số dùng chung, nền tảng số dùng chung, dữ liệu dùng chung, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, an ninh mạng, cơ yếu, bảo mật, giám sát tuân thủ kiến trúc và hỗ trợ triển khai.

Các cơ quan chủ quản nghiệp vụ chịu trách nhiệm xác định yêu cầu nghiệp vụ, quy trình nghiệp vụ, dữ liệu nghiệp vụ, chỉ số nghiệp vụ, chuẩn nghiệp vụ, phạm vi khai thác, yêu cầu bảo vệ dữ liệu và nhu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong lĩnh vực được giao. Các cơ quan, cấp uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm về dữ liệu phát sinh, hệ thống bổ sung, ứng dụng đặc thù, Bảng thông tin điều hành, sản phẩm số giá trị gia tăng và việc tuân thủ Khung trong phạm vi quản lý. Ma trận trách nhiệm chi tiết quản trị Khung Kiến trúc số do Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn.

Khung được quản lý theo phiên bản, có lịch sử thay đổi, đánh giá tác động và chủ thể phê duyệt. Nội dung ổn định thuộc thẩm quyền Ban Bí thư được cập nhật theo quy trình ban hành văn bản; nội dung kỹ thuật động được Văn phòng Trung ương Đảng cập nhật theo thẩm quyền, không làm thay đổi mô hình tổng thể, nguyên tắc và yêu cầu bắt buộc của Khung. Khung được rà soát ít nhất mỗi năm một lần, lưu kết quả rà soát kể cả khi không phải sửa đổi; rà soát, cập nhật khi có thay đổi lớn về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, dữ liệu, nền tảng, hạ tầng, yêu cầu bảo mật, kết nối liên thông hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Mỗi lần cập nhật phải bảo đảm thống nhất phiên bản giữa tài liệu Khung và bộ sơ đồ kiến trúc.

Mỗi quyết định, dịch vụ, dữ liệu và hệ thống phải xác định một chủ thể chịu trách nhiệm cuối cùng. Đối với hệ thống trọng yếu, chủ thể thiết kế, triển khai và

đánh giá tuân thủ phải được phân tách phù hợp, bảo đảm tính độc lập và trách nhiệm giải trình.

1.7. Quản trị động phạm vi dùng chung giữa Trung ương và địa phương

Phạm vi dùng chung của nền tảng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu, API, dịch vụ dữ liệu, hạ tầng và kênh tương tác trong các cơ quan đảng được quản trị theo trạng thái động. Một thành phần kiến trúc có thể ở các trạng thái: Định hướng nghiên cứu, thí điểm, triển khai mở rộng có điều kiện, vận hành chính thức dùng chung, thay thế, hợp nhất hoặc dừng sử dụng.

Đối với thành phần do Trung ương tổ chức dùng chung, cơ quan chủ trì phải công bố rõ phạm vi phục vụ, đối tượng sử dụng, dữ liệu được khai thác, API, dịch vụ dữ liệu, điều kiện kết nối, tài liệu kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, cơ chế cấp quyền, đầu mối hỗ trợ, yêu cầu bảo mật và lộ trình phát triển. Việc dùng chung không chỉ là sử dụng chung giao diện phần mềm, mà còn bao gồm khả năng khai thác dữ liệu, API, dịch vụ dữ liệu, danh mục dùng chung, định danh, phân quyền, giám sát và các năng lực nền tảng dùng chung theo thẩm quyền.

Đối với cơ quan, địa phương, việc xây dựng ứng dụng, phân hệ, Bảng thông tin điều hành, tiện ích nghiệp vụ, hạ tầng bổ sung hoặc sản phẩm số giá trị gia tăng được xem xét theo nguyên tắc bổ sung có kiểm soát khi hệ thống dùng chung của Trung ương chưa có, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa cung cấp API, dịch vụ dữ liệu phù hợp hoặc chưa bảo đảm hiệu năng, phạm vi nghiệp vụ, yêu cầu đặc thù của cơ quan, địa phương. Các thành phần bổ sung phải tuân thủ chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, chuẩn bảo mật, mô hình phân quyền, lưu vết, giám sát và có phương án tích hợp, đồng bộ, hội tụ, thay thế hoặc dừng khi hệ thống dùng chung đã đáp ứng.

1.8. Trường hợp đặc thù không sử dụng thành phần dùng chung

Trường hợp đặc thù chỉ được xem xét khi thành phần dùng chung chưa đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, hiệu năng, tính liên tục hoặc bảo vệ và việc mở rộng thành phần dùng chung chưa thể thực hiện phù hợp. Trường hợp đặc thù không được sử dụng để hợp thức hoá đầu tư trùng lặp hoặc né tránh nghĩa vụ dùng chung. Chỉ đầu tư, xây dựng mới khi chưa có thành phần dùng chung hoặc việc kế thừa, nâng cấp không đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật, an ninh mạng hoặc yêu cầu đặc thù theo quy định; do cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc xem xét trường hợp đặc thù phải làm rõ lý do, phạm vi, chủ thể chịu trách nhiệm, rủi ro, biện pháp kiểm soát, thời hạn và phương án khắc phục, kết thúc. Trình tự, hồ sơ, thời hạn xử lý, phân cấp theo mức độ rủi ro và cơ chế theo dõi chênh lệch, nội dung chưa tuân thủ, trường hợp đặc thù do Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn và cập nhật theo thẩm quyền. Trường hợp đặc thù, giải pháp chuyển tiếp được ghi nhận là nội dung cần hoàn thiện trong Danh mục kiến trúc.

1.9. Dữ liệu phát sinh tại cơ quan, địa phương và tích hợp ngược về Trung ương

Dữ liệu phát sinh hợp lệ từ hệ thống, ứng dụng, phân hệ, Bảng thông tin điều hành, công cụ phân tích, sản phẩm số hoặc hạ tầng do cơ quan, địa phương xây dựng, vận hành theo đúng thẩm quyền là dữ liệu nghiệp vụ chính thức của cơ quan, địa phương. Dữ liệu này phải được quản lý theo nguyên tắc có chủ quản dữ liệu, có nguồn tạo lập, có chuẩn dữ liệu, có phân loại, có kiểm soát chất lượng, có phân quyền, có lưu vết, có bảo vệ dữ liệu và có cơ chế chia sẻ theo thẩm quyền.

Đối với dữ liệu thuộc phạm vi tổng hợp toàn hệ thống, dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ, dữ liệu danh mục, dữ liệu tham chiếu, dữ liệu báo cáo, dữ liệu chỉ số, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cơ quan, địa phương có trách nhiệm tích hợp, đồng bộ hoặc cung cấp về Trung ương theo chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, API, dịch vụ dữ liệu, tần suất, phạm vi và yêu cầu bảo mật do cấp có thẩm quyền quy định. Việc tích hợp ngược không làm mất quyền quản lý, khai thác hợp pháp của cơ quan, địa phương đối với dữ liệu do mình là chủ quản hoặc nguồn tạo lập chính thức.

1.10. Quyền, trách nhiệm khi khai thác dữ liệu và trách nhiệm đối với kết quả liên thông

Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu có quyền: Được khai thác dữ liệu đúng phạm vi, mục đích, thời hạn đã được cấp quyền; được cung cấp thông tin về nguồn, thời điểm cập nhật, chất lượng dữ liệu; được đề nghị chủ quản dữ liệu hiệu chỉnh khi phát hiện sai lệch.

Chủ thể khai thác dữ liệu có trách nhiệm: Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, thẩm quyền, phân loại và mức độ bảo vệ; không cung cấp lại cho bên thứ ba, không tạo lập bản sao làm nguồn dữ liệu song song khi chưa được chủ quản dữ liệu cho phép; bảo đảm an ninh, bảo mật; chịu trách nhiệm về việc sử dụng và kết quả sử dụng dữ liệu. Mọi truy cập, khai thác dữ liệu được ghi nhật ký, lưu vết.

Chủ quản dữ liệu có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu được chia sẻ, điều kiện, phạm vi và thời hạn giải quyết yêu cầu khai thác; cấp, điều chỉnh, thu hồi quyền khai thác; bảo đảm chất lượng dữ liệu tại nguồn. Đơn vị vận hành kỹ thuật thực thi phân quyền, lưu vết, giám sát và không tự khai thác nội dung dữ liệu ngoài phạm vi được giao. Quy trình yêu cầu, phê duyệt, cấp quyền, theo dõi, thu hồi quyền khai thác được thực hiện theo nhiệm vụ NV-12 Phụ lục II.

Đối với quy trình trọng yếu sử dụng đồng thời hệ thống dùng chung và hệ thống chuyên ngành, cơ quan chủ quản nghiệp vụ của quy trình là đầu mối theo dõi kết quả chung; xác định rõ trách nhiệm xác nhận, cập nhật dữ liệu và xử lý vướng mắc tại từng khâu phối hợp. Việc liên thông được kiểm chứng bằng khả năng sử

dụng dữ liệu để giải quyết công việc đến kết quả cuối cùng, không chỉ bằng việc các hệ thống đã kết nối kỹ thuật. Trường hợp có sai lệch dữ liệu hoặc gián đoạn xử lý, cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xác minh, điều chỉnh tại nguồn và phối hợp cập nhật tại các hệ thống liên quan; không yêu cầu cơ sở hoặc người sử dụng cung cấp lại dữ liệu chỉ để khắc phục việc thiếu đồng bộ giữa các hệ thống. Cơ chế này gắn với trách nhiệm đã được phân công, không làm phát sinh đầu mối tổ chức mới hoặc thay đổi thẩm quyền chuyên môn.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung

Thành phần Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung áp dụng xuyên suốt 4 lớp, bảo đảm hạ tầng số, hệ thống số, hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu, ứng dụng, API, dịch vụ dữ liệu và kênh tương tác được thiết kế, xây dựng, kết nối, tích hợp, chia sẻ và vận hành theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật thống nhất; bảo đảm liên thông, tương thích, an ninh mạng và tránh phụ thuộc vào giải pháp cục bộ, khép kín.

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì công bố, cập nhật theo thẩm quyền danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, mô hình tham chiếu, chuẩn dữ liệu, chuẩn API, định danh, tích hợp, mức dịch vụ, khả năng quan sát, sao lưu, phục hồi và các yêu cầu kiểm thử, nghiệm thu áp dụng trong các cơ quan đảng. Khi tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn quốc gia, chuyên ngành thay đổi, các tài liệu kỹ thuật triển khai Khung phải được rà soát, cập nhật tương ứng.

Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng trong các cơ quan đảng phải phù hợp với Khung tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật chung do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an ban hành.

Các yêu cầu về an ninh mạng, bảo mật và bảo vệ dữ liệu tại Mục 5 Phần IX là một bộ phận của yêu cầu kỹ thuật chung áp dụng xuyên suốt; đồng thời phải tuân thủ Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia và các quy định chuyên ngành có liên quan. Việc xác định cấp độ an ninh mạng của hệ thống thông tin thực hiện theo Luật An ninh mạng năm 2025 và Nghị định số 331/2026/NĐ-CP; hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trước thời điểm các văn bản này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo quy định chuyển tiếp của các văn bản đó.

3. Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First)

AI First là thành phần xuyên suốt yêu cầu các hệ thống số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu, ứng dụng và quy trình nghiệp vụ được thiết kế theo hướng ưu tiên xem xét ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ phân tích, dự báo, tìm kiếm, tổng hợp, tự động hoá và hỗ trợ ra quyết định khi phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, hiệu quả và khả năng làm chủ.

Việc ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo không làm thay đổi thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của tổ chức, cá nhân. Hệ thống AI phải được quản trị trong toàn bộ vòng đời, có khả năng giám sát, truy vết, giải trình và kiểm soát rủi ro; dữ liệu huấn luyện, dữ liệu đầu vào, mô hình, câu lệnh, kết quả và nhật ký phải được quản lý, phân quyền và bảo vệ. Năng lực AI dùng chung được ưu tiên tái sử dụng, không đầu tư trùng lặp khi đã có thành phần dùng chung đáp ứng yêu cầu.

4. Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric)

Data-Centric là thành phần xuyên suốt xác định dữ liệu là tài sản chiến lược và nền tảng cốt lõi của Khung. Mọi lớp kiến trúc, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đo lường và ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải được thiết kế trên cơ sở xác định rõ nguồn dữ liệu có thẩm quyền, chủ quản dữ liệu, tiêu chuẩn, chất lượng, siêu dữ liệu, quyền khai thác, vòng đời và yêu cầu bảo vệ.

Dữ liệu phải được quản trị, chuẩn hoá, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thống nhất theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; tạo lập một lần tại nguồn có thẩm quyền và tái sử dụng theo phân quyền. Các quyết định quản trị, đầu tư, cải cách hành chính và đo lường hiệu quả phải ưu tiên sử dụng dữ liệu vận hành thực tế, hạn chế yêu cầu báo cáo thủ công khi dữ liệu đã có thể khai thác tự động từ hệ thống.

5. Yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

5.1. Vai trò và phạm vi

Yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu áp dụng xuyên suốt 4 lớp và toàn bộ vòng đời hệ thống, là một bộ phận của thành phần xuyên suốt Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung, đồng thời cụ thể hoá nguyên tắc bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Phạm vi bao gồm an ninh mạng, bảo mật thông tin, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu cán bộ, đảng viên, API, trí tuệ nhân tạo, thiết bị đầu cuối, chuỗi cung ứng và rủi ro vận hành.

5.2. Nguyên tắc bảo vệ

a) Mọi hệ thống, dữ liệu, nền tảng, hạ tầng, ứng dụng, kênh tương tác phải được phân loại và xác định yêu cầu bảo vệ ngay từ khi thiết kế.

b) Mọi truy cập phải được định danh, xác thực, phân quyền, ghi nhật ký, giám sát; quyền truy cập phải gắn với vai trò, nhiệm vụ, cấp tổ chức, loại dữ liệu, môi trường mạng và thời hạn sử dụng.

c) Dữ liệu tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cải

cách tư pháp, tài chính, tài sản Đảng, dữ liệu lãnh đạo Trung ương, dữ liệu quốc phòng, an ninh, công an, cơ yếu, dữ liệu mật, tối mật, tuyệt mật phải được bảo vệ nghiêm ngặt.

d) Không đưa dữ liệu mật, tối mật, tuyệt mật, dữ liệu hạn chế truy cập chưa được phê duyệt vào nền tảng trí tuệ nhân tạo công cộng hoặc nền tảng trí tuệ nhân tạo không đáp ứng yêu cầu bảo mật; mọi kết quả trí tuệ nhân tạo phục vụ tham mưu, tổng hợp, báo cáo, ra quyết định phải có cơ chế kiểm tra, truy vết, giải thích và trách nhiệm của con người.

5.3. Yêu cầu cốt lõi đối với an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

Các thành phần kiến trúc phải được bảo vệ thống nhất theo mức độ quan trọng của hệ thống, tính chất dữ liệu và phạm vi ảnh hưởng; áp dụng phòng thủ theo chiều sâu, lấy dữ liệu làm trung tâm, phòng vệ chủ động và quản trị rủi ro theo cấp độ; bảo đảm bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng, xác thực, không chối bỏ và khả năng truy vết. Yêu cầu an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư phải được tích hợp ngay từ thiết kế trong toàn bộ vòng đời từ phát triển, kiểm thử, triển khai, vận hành đến thay thế hoặc dừng hệ thống. Các yêu cầu này thực hiện theo nguyên tắc đồng bộ với Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia tại Điểm g Mục 2.2 Phần II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số: Phòng thủ chiều sâu (Defense-in-Depth), Lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric), Phòng vệ chủ động (Active Defense), Thiết kế an toàn ngay từ đầu (Security by Design) và quản trị rủi ro theo cấp độ.

5.3.1. Phân miền an ninh và kiểm soát kết nối liên miền: Các môi trường mạng và hệ thống có mức độ bảo vệ khác nhau phải được phân miền, tách biệt và tổ chức điểm kết nối có kiểm soát. Không thiết lập kết nối trực tiếp làm mất ranh giới giữa các miền an ninh hoặc tạo đường truyền dữ liệu ngoài phạm vi được phê duyệt.

5.3.2. Quản trị rủi ro đối với trí tuệ nhân tạo: Hệ thống trí tuệ nhân tạo phải được quản trị theo mức độ rủi ro, tính chất dữ liệu, mục đích sử dụng và mức độ ảnh hưởng của kết quả đầu ra. Dữ liệu huấn luyện, dữ liệu đầu vào, mô hình, câu lệnh, kết quả và nhật ký sử dụng phải được phân quyền, kiểm soát và bảo vệ. Không giao cho trí tuệ nhân tạo tự quyết định đối với nội dung thuộc thẩm quyền của tổ chức, cá nhân hoặc có ảnh hưởng lớn đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Kết quả có mức rủi ro cao phải được người có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm trước khi sử dụng.

5.3.3. Chủ quyền và phân loại dữ liệu: Dữ liệu phải được xác định nguồn gốc, chủ quản, phạm vi lưu trữ, xử lý, chia sẻ và chuyển dịch; dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu mật, dữ liệu cá nhân và dữ liệu nhạy cảm phải được phân loại, áp dụng biện pháp bảo vệ và kiểm soát theo quy định.

5.3.4. Quản lý nhà cung cấp và bên thứ ba: Tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia và nhân sự bên thứ ba chỉ được tiếp cận hệ thống, dữ liệu theo phạm vi được phê duyệt; phải có cam kết bảo mật, phân quyền tối thiểu, giám sát, lưu vết, thu hồi quyền khi kết thúc và kiểm soát xung đột lợi ích.

5.3.5. Kiểm thử, đánh giá và diễn tập: Hệ thống phải được kiểm thử an toàn, kiểm thử xâm nhập và đánh giá rủi ro định kỳ hoặc trước thay đổi lớn phù hợp với cấp độ, mức độ quan trọng; tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố, khôi phục thảm họa và duy trì hoạt động, có ghi nhận bài học và kế hoạch khắc phục. Hệ thống thông tin của các cơ quan đảng trước khi đưa vào sử dụng chính thức phải được Cục An ninh mạng (A05), Bộ Công an kiểm tra, đánh giá an ninh mạng và có kết quả đánh giá đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về an ninh mạng; kết quả đánh giá là điều kiện để đưa hệ thống vào sử dụng và được lưu trong hồ sơ hệ thống.

5.3.6. Quyền của chủ thể dữ liệu và trách nhiệm xử lý dữ liệu: Việc truy cập, biết, chỉnh sửa, hạn chế xử lý, yêu cầu xử lý và các quyền khác của chủ thể dữ liệu được thực hiện theo pháp luật và quy định của Đảng; đồng thời bảo đảm không làm ảnh hưởng đến yêu cầu bảo vệ bí mật, lưu trữ, kiểm tra, giám sát và thẩm quyền nghiệp vụ.

5.3.7. Nâng cao nhận thức, đào tạo, huấn luyện và diễn tập an ninh mạng phải được thực hiện định kỳ cho cán bộ, người sử dụng, quản trị viên, đơn vị vận hành và bên thứ ba có liên quan; nội dung phù hợp với vai trò, mức độ truy cập và rủi ro của từng nhóm.

5.4. Bảo đảm an ninh mạng đối với toàn bộ các thành phần kiến trúc

Mọi hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng, API, dịch vụ dữ liệu, hạ tầng và kênh tương tác trong Khung phải được bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu tương ứng với cấp độ hệ thống, tính chất dữ liệu và mức độ ảnh hưởng. Đối với các thành phần xử lý quy trình, hồ sơ công việc, nhiệm vụ và dữ liệu đo lường hiệu quả, ngoài các yêu cầu chung còn phải bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực, khả năng truy vết, phân quyền theo vai trò và tính liên tục của dữ liệu, hồ sơ số.

5.5. Bảo vệ Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp và các ứng dụng trên Hệ thống

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng và các ứng dụng được cấu hình, phát triển trên Hệ thống phải được bảo vệ thống nhất, xuyên suốt trong toàn bộ vòng đời; bảo đảm an ninh mạng, bảo mật và bảo vệ dữ liệu tương ứng với tính chất, mức độ quan trọng, phạm vi sử dụng và yêu cầu bảo vệ của từng nghiệp vụ.

MÔ HÌNH YÊU CẦU AN NINH MẠNG VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU

ÁP DỤNG XUYÊN SUỐT 04 LỚP VÀ TOÀN BỘ VÒNG ĐỜI HỆ THỐNG	1. Vai trò và phạm vi		2. Nguyên tắc bảo vệ		3.1. Phân miền an ninh, kiểm soát kết nối liên miền	
	• Bộ phận của thành phần Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật chung		• Phân loại, xác định yêu cầu bảo vệ từ khi thiết kế		• Phân miền, tách biệt, điểm kết nối có kiểm soát	
	• An ninh mạng, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, dữ liệu cá nhân, dữ liệu cán bộ, đảng viên, API, AI, thiết bị, chuỗi cung ứng		• Định danh, xác thực, phân quyền, ghi nhật ký mọi truy cập		• Không kết nối trực tiếp làm mất ranh giới miền an ninh	
			• Bảo vệ nghiêm ngặt dữ liệu trọng yếu, dữ liệu mật		• Kiểm soát hướng truyền, nội dung, định dạng, nhật ký	
			• Không đưa dữ liệu mật vào nền tảng AI công cộng			
Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả	3.2. Quản trị rủi ro đối với trí tuệ nhân tạo		3.3. Quyền của chủ thể dữ liệu		3.4. Quản lý nhà cung cấp và bên thứ ba	
	• Quản trị theo mức độ rủi ro, tính chất dữ liệu, mục đích sử dụng		• Xác định nguồn gốc, chủ quản, phạm vi lưu trữ, xử lý, chia sẻ, chuyển dịch		• Tiếp cận theo phạm vi được phê duyệt; cam kết bảo mật	
	• Không giao AI tự quyết định nội dung thuộc thẩm quyền		• Phân loại dữ liệu cốt lõi, quan trọng, mật, cá nhân, nhạy cảm		• Phân quyền tối thiểu, giám sát, lưu vết, thu hồi quyền	
Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung	3.5. Kiểm thử, đánh giá và điều tập		3.6. Thực hiện theo pháp luật và quy định của Đảng		3.7. Năng cao nhận thức, đào tạo, diễn tập	
	• Kiểm thử an toàn, kiểm thử xâm nhập, đánh giá rủi ro định kỳ		• Không ảnh hưởng yêu cầu bảo vệ bí mật, lưu trữ, kiểm tra, giám sát		• Định kỳ cho cán bộ, người sử dụng, quản trị viên, đơn vị vận hành, bên thứ ba	
	• Diễn tập ứng cứu sự cố, khôi phục thảm họa					
Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung	4. An toàn, an ninh đối với toàn bộ thành phần kiến trúc		5. Bảo vệ hệ thống thông tin điện hành tác nghiệp		Bảo đảm:	
	• Tương ứng cấp độ hệ thống, tính chất dữ liệu, mức độ ảnh hưởng		• Phân tách cơ quan, người dùng, dữ liệu, phạm vi quản trị		bí mật – toàn vẹn – sẵn sàng – xác thực – không chối bỏ – khả năng truy vết	
	• Thành phần phục vụ cải cách hành chính: toàn vẹn, xác thực, truy vết, liên tục		• Kiểm soát thay đổi, tích hợp, kết nối; dự phòng, cô lập sự cố; kiểm soát sử dụng AI			
Đông bộ Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia: phòng thủ chiều sâu; lấy dữ liệu làm trung tâm; phòng vệ chủ động; an toàn ngay từ thiết kế; quản trị rủi ro theo cấp độ						

SD-06.5. Mô hình yêu cầu an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

5.6. Mô hình kiến trúc đối với nền tảng, hạ tầng và hệ thống xử lý thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước

Các hệ thống thông tin, nền tảng, hạ tầng xử lý thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước của các cơ quan đảng được tổ chức theo mô hình sau:

a) Phân vùng: Tổ chức vùng xử lý bí mật nhà nước tách biệt với vùng xử lý thông tin không thuộc bí mật nhà nước và vùng kết nối Internet; không soạn thảo, lưu giữ, truyền đưa thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước trên thiết bị, hệ thống có kết nối Internet, trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu (Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước).

b) Hạ tầng: Truyền dẫn trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng hoặc hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, sử dụng sản phẩm mật mã, giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ (Mục 2.3 Phần V); tài nguyên tính toán, lưu trữ bố trí tại phân vùng riêng của Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước; sử dụng chung hạ tầng này cho các hệ thống xử lý bí mật nhà nước của các cơ quan đảng, không đầu tư phân tán, trùng lặp.

c) Nền tảng, ứng dụng: Sử dụng định danh, xác thực, chữ ký số chuyên dùng công vụ của Ban Cơ yếu Chính phủ; phân quyền theo độ mật; không đưa dữ liệu thuộc bí mật nhà nước vào nền tảng trí tuệ nhân tạo công cộng hoặc nền tảng không đáp ứng yêu cầu bảo mật (Điểm d Mục 5.2 Phần này).

d) Kết nối, chia sẻ: Thực hiện theo Điểm c Mục 4 Phần VI và Điều 11, Điều 12 Quy định số 384-QĐ/TW; gửi, nhận văn bản có độ mật qua Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật (Mục 3.1 Phần V; Mục 3.1 Phần VII); không chia sẻ qua NDOP khi chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

đ) Quản lý: Hệ thống được xác định cấp độ an ninh mạng và áp dụng biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, cơ yếu; đối tượng, quan hệ kiến trúc của vùng xử lý bí mật nhà nước được quản lý trong phụ lục, hồ sơ hạn chế lưu hành, không đưa vào bản hồ sơ Khung gửi cơ quan ngoài khối Đảng.

X- PHƯƠNG ÁN HOÀN THIỆN VÀ LỘ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI

Phương án hoàn thiện và lộ trình chuyển đổi tại Phần này xác định định hướng chuyển đổi để đưa kiến trúc hiện trạng từng bước đạt kiến trúc mục tiêu; được xác định trên cơ sở kết quả đối chiếu tại Mục 5 Phần III và Phụ lục II. Mỗi nhiệm vụ trong lộ trình phải duy trì quan hệ truy vết với khoảng cách kiến trúc tương ứng, sản phẩm đầu ra, cơ quan chủ trì/phối hợp, phụ thuộc, mức ưu tiên và

mốc hoàn thành; khi hiện trạng hoặc kiến trúc mục tiêu thay đổi thì lộ trình phải được rà soát, cập nhật đồng bộ. Mục tiêu và chỉ tiêu định lượng đến năm 2030 được xác định tại Mục 4 Phần này.

Thứ tự ưu tiên và điều kiện triển khai: (1) Các nhiệm vụ tiền đề được thực hiện trước, gồm kiểm kê, xác nhận hiện trạng (NV-1), chuẩn hoá quy trình (NV-4), xác định nguồn dữ liệu có thẩm quyền (NV-21), công bố danh mục và hồ sơ thành phần dùng chung đáp ứng yêu cầu (NV-2, NV-20). (2) Việc kết nối, chuyển đổi hệ thống sang thành phần dùng chung (NV-5, NV-7, NV-9, NV-24) chỉ thực hiện khi điều kiện tiền đề tương ứng đã đáp ứng; các nhiệm vụ không phụ thuộc lẫn nhau được thực hiện đồng thời. (3) Việc hợp nhất, thay thế, dừng hệ thống trùng lặp (NV-22, NV-23) thực hiện sau khi thành phần dùng chung đã vận hành ổn định. Thời hạn của từng nhiệm vụ gắn với sản phẩm cụ thể, cơ quan chịu trách nhiệm và điều kiện thực hiện của các nhiệm vụ có liên quan; nhiệm vụ phải hoàn thành trong năm 2026 được rà soát điều kiện để bố trí tiến độ phù hợp.

Việc chuyển sang sử dụng hệ thống dùng chung phải được chuẩn bị đồng bộ về chất lượng dịch vụ, dữ liệu, an ninh mạng, nhân lực và khả năng hỗ trợ vận hành, nhất là ở cấp xã. Trường hợp thành phần dùng chung chưa sẵn sàng, áp dụng phương án chuyển tiếp có thời hạn xử lý và trách nhiệm của từng cơ quan; bảo đảm công việc được duy trì liên tục, không kéo dài vận hành song song các hệ thống có chức năng trùng lặp. Việc đầu tư, điều chỉnh hoặc dừng hệ thống được xem xét trên cơ sở đánh giá hiệu quả, khả năng kế thừa và thực hiện theo đúng thẩm quyền.

Nguồn lực được ưu tiên bố trí trước cho nền tảng, dữ liệu dùng chung. Hạn chế bố trí vốn cho hệ thống riêng lẻ khi thành phần dùng chung đã đáp ứng hoặc sắp đáp ứng yêu cầu; thành phần dùng chung được coi là sắp đáp ứng khi đã có trong danh mục được công bố theo Mục 1.3 Phần này, có kế hoạch triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thời hạn cung cấp xác định. Trường hợp cần bố trí vốn cho hệ thống riêng lẻ trong thời gian chờ thành phần dùng chung, thực hiện theo Mục 1.8 Phần IX.

1. Giai đoạn 2026

1.1. Ban hành Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng, phiên bản 1.0; ban hành kế hoạch và các hướng dẫn triển khai ưu tiên, xác định sản phẩm đầu ra, chủ thể chịu trách nhiệm, nguồn lực, phụ thuộc và điều kiện hoàn thành.

1.2. Ban hành Hướng dẫn triển khai Khung, bao gồm hướng dẫn triển khai kiến trúc số và mô hình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng địa phương, trong

thời hạn 60 ngày kể từ ngày Khung có hiệu lực, phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số 7234/BKHCN-CĐSQG; các tài liệu kỹ thuật khác ban hành theo lộ trình tại Phụ lục II. Các cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ hoàn thành kiểm kê hiện trạng, cập nhật Danh mục kiến trúc thuộc phạm vi quản lý theo Mẫu số 03 kèm theo Công văn số 7234/BKHCN-CĐSQG trước ngày 31/12/2026; trên cơ sở đó, xác định, báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng danh sách hệ thống phải hợp nhất, chuyển đổi hoặc dừng.

1.3. Công bố danh mục ban đầu các nền tảng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu, API, dịch vụ dữ liệu và thành phần dùng chung; chuẩn bị hồ sơ, dữ liệu, nguồn lực và phương án kỹ thuật cho các nhiệm vụ lớn triển khai từ năm 2027.

1.4. Xác định phương án kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP), Trục liên thông văn bản quốc gia và cập nhật dữ liệu kiến trúc lên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS).

1.5. Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành các nền tảng số dùng chung quốc gia do cơ quan, đơn vị của Đảng chủ quản theo Phụ lục II Quyết định số 1425/QĐ-TTg.

1.6. Ban Nội chính Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lộ trình Đề án được Bộ Chính trị phê duyệt; bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, cơ sở dữ liệu có liên quan trong các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước (NV-27).

1.7. Văn phòng Trung ương Đảng hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh; tham mưu xây dựng Chiến lược trí tuệ nhân tạo trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 (hoàn thành trong tháng 11/2026); Ban Tổ chức Trung ương thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh, hệ thống theo dõi nhiệm vụ, chương trình công tác và phân mềm đánh giá, xếp loại cán bộ theo KPI/OKR, hoàn thành trong tháng 12/2026, có khả năng kết nối với các nền tảng do Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì phát triển (NV-28 đến NV-31).

1.8. Hoàn thành khắc phục các lỗ hổng bảo mật và đưa vào vận hành chính thức Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; chỉ vận hành chính thức khi có văn bản xác nhận đủ điều kiện an ninh mạng; cấp phát tài nguyên, cắt chuyển các hệ thống thông tin theo lộ trình của dự án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, bảo đảm không gián đoạn hoạt động; hoàn thiện giải pháp bảo mật đường truyền kết nối giữa Trung tâm dữ liệu tại Hoà Lạc và trụ sở số 1A Hùng Vương trong tháng 12/2026 (NV-16; KPI-11, KPI-12).

1.9. Các cơ quan chủ quản hoàn thiện, kiểm thử ở quy mô thực tế trước khi đưa vào vận hành chính thức các hệ thống thông tin chuyên ngành: Ban Tổ chức Trung ương hoàn thiện Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử; làm sạch, chuẩn hoá, đối soát dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên; tích hợp dữ liệu phục vụ Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử và 4 thủ tục hành chính của Đảng; hoàn thiện các phân hệ còn lại của Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng (trước ngày 30/11/2026); Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoàn thiện Hệ thống thông tin lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng giai đoạn 1 (trước ngày 23/11/2026); Ban Nội chính Trung ương hoàn thiện phân hệ "Tham gia ý kiến, góp ý" thuộc Hệ thống thông tin lĩnh vực nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp (trước ngày 15/11/2026); Ban Tuyên giáo Trung ương hoàn thiện Hệ thống thông tin lĩnh vực tuyên giáo (trước ngày 30/11/2026); Ban Chính sách, chiến lược Trung ương hoàn thiện Hệ thống thông tin lĩnh vực kinh tế - xã hội đối với dữ liệu không thuộc bí mật nhà nước (trước ngày 20/11/2026). Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với các ban đảng Trung ương tiếp tục mở rộng cung cấp thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử (NV-7, NV-25, NV-26).

2. Giai đoạn 2027 - 2028

2.1. Các cơ quan đảng ở Trung ương tổ chức triển khai Khung, đánh giá tuân thủ đối với nhiệm vụ, dự án theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Các tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức triển khai Khung tại địa phương phù hợp với lộ trình ban hành Hướng dẫn triển khai Khung.

2.2. Triển khai các nhiệm vụ lớn đã chuẩn bị từ năm 2026 và triển khai nền tảng trí tuệ nhân tạo dùng chung.

2.3. Vận hành thống nhất cơ chế quản trị kiến trúc, đánh giá tuân thủ và xử lý trường hợp đặc thù; gắn kết quả đánh giá với việc đề xuất, thẩm định, phê duyệt, bố trí nguồn lực, nghiệm thu, đưa vào vận hành và thực hiện thay đổi lớn đối với nhiệm vụ, dự án (đối với nhiệm vụ, dự án mới, yêu cầu này áp dụng ngay từ ngày Khung có hiệu lực theo Mục 1.5 Phần IX; giai đoạn 2027 - 2028 hoàn thiện công cụ và mở rộng áp dụng đối với hệ thống đang vận hành).

2.4. Hoàn thiện kết nối, liên thông có kiểm soát giữa hệ thống dùng chung, hệ thống chuyên ngành, các cơ quan đảng ở Trung ương, địa phương và hệ thống bên ngoài.

2.5. Rà soát, chuyển đổi, hợp nhất, thay thế hoặc dừng các hệ thống, ứng dụng và giải pháp chuyển tiếp có chức năng trùng lặp khi thành phần dùng chung

đã đáp ứng yêu cầu; bảo đảm chuyển đổi dữ liệu, duy trì hoạt động liên tục và không làm gián đoạn nghiệp vụ.

2.6. Mở rộng nền tảng AI và ứng dụng AI có kiểm soát; khai thác dữ liệu, phân tích, dự báo, hiển thị kết quả và đo lường hiệu quả nghiệp vụ, chất lượng dữ liệu, mức độ sử dụng, mức dịch vụ, hiệu quả đầu tư để cập nhật kiến trúc và lộ trình tiếp theo.

3. Giai đoạn 2029 - 2030

3.1. Hoàn thiện cơ chế quản trị dữ liệu, nền tảng, hạ tầng, ứng dụng, kênh tương tác và AI ở quy mô toàn hệ thống; bảo đảm thống nhất Bảng thông tin điều hành, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu theo chức năng, trách nhiệm từng thành phần.

3.2. Hoàn thiện hệ sinh thái ứng dụng tác nghiệp dùng chung và quan hệ kết nối với các hệ thống chuyên trách, chuyên ngành; không mặc nhiên triển khai mọi ứng dụng dùng chung trên cùng một hệ thống kỹ thuật.

3.3. Tối ưu và tự động hoá quy trình dựa trên dữ liệu vận hành.

3.4. Ứng dụng phân tích quy trình, trí tuệ nhân tạo và cảnh báo điểm nghẽn.

3.5. Hợp nhất, thay thế, dùng các hệ thống trùng lặp, phân tán, không đáp ứng yêu cầu kiến trúc; mở rộng nền tảng dùng chung, dữ liệu dùng chung, trí tuệ nhân tạo dùng chung và Bảng thông tin điều hành.

3.6. Đánh giá, tổng kết kết quả triển khai Khung; cập nhật phiên bản mới trên cơ sở thay đổi về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, dữ liệu, công nghệ, quy định bảo mật và yêu cầu thực tiễn.

4. Mục tiêu và chỉ tiêu định lượng đến năm 2030

Chỉ tiêu định lượng được xác định theo 5 nhóm chỉ số tại Mục 4 Phần III Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (tuân thủ kiến trúc; liên thông và tích hợp; quản trị và vận hành; kỹ thuật và an toàn; kết quả triển khai), kế thừa các mục tiêu đã được phê duyệt tại Quyết định số 204-QĐ/TW, Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 (Quyết định số 16-QĐ/BCĐ), Khung quản trị, quản lý dữ liệu (Quyết định số 20-QĐ/BCĐ) và Quy định số 384-QĐ/TW; không thay thế Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì ban hành. Khi Bộ chỉ số KPI được ban hành, Văn phòng Trung ương Đảng ánh xạ, điều chỉnh các chỉ tiêu dưới đây cho phù hợp.

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Hiện trạng (năm 2026)	Mức cần đạt	Nguồn kiểm chứng, căn cứ	Đơn vị chịu trách nhiệm
1. Tuân thủ kiến trúc					
KPI-1	Tỉ lệ nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số của các cơ quan đảng có kết quả đánh giá hoặc tự đánh giá tuân thủ Khung trong hồ sơ đề xuất, thẩm định	0% (Khung chưa ban hành; chưa có tiêu chí đánh giá tuân thủ Khung)	100% nhiệm vụ, dự án phê duyệt mới từ khi Khung có hiệu lực; duy trì 100% đến năm 2030	Hồ sơ thẩm định; Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS). Căn cứ: Điểm e Khoản 1 Điều 2 QĐ 1425/QĐ-TTg	Văn phòng Trung ương Đảng; cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án
KPI-2	Tỉ lệ cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ cập nhật tập dữ liệu kiến trúc tối thiểu (không thuộc bí mật nhà nước) lên NAS	0% (chưa có dữ liệu kiến trúc cấp Khung của các cơ quan đảng trên NAS)	2026: Văn phòng Trung ương Đảng cập nhật dữ liệu kiến trúc cấp Khung; 2028: 100%; 2030: 100%, cập nhật định kỳ	Căn cứ: Điểm e Mục 2.2 Phần II QĐ 1425/QĐ-TTg	Văn phòng Trung ương Đảng; các cơ quan đảng
2. Liên thông và tích hợp					
KPI-3	Tỉ lệ trường dữ liệu chủ (cán bộ, đảng viên; tổ chức đảng; cơ quan đảng) thuộc danh mục quy định được đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	Chưa đồng bộ (việc trao đổi dữ liệu qua NDOP thực hiện từ giai đoạn 2027-2028 theo QĐ 16-QĐ/BCĐ); đã xác định 25 trường dữ liệu chủ (cán bộ, đảng viên: 14; tổ chức đảng: 5; tổ chức bộ máy, cơ quan đảng: 6) tại Phụ lục 3 QĐ 16-QĐ/BCĐ	2028: $\geq 76\%$; 2030: $\geq 96\%$	Nhật ký đồng bộ trên NDOP. Căn cứ: Nhóm (iv) Mục 3.9 Khung quản trị, quản lý dữ liệu (QĐ 20-QĐ/BCĐ)	Ban Tổ chức Trung ương (chủ quản dữ liệu chủ); Văn phòng Trung ương Đảng
KPI-4	Tỉ lệ danh mục dùng chung, thuật ngữ của các cơ quan đảng đồng bộ với Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia	Đã xác định 26 danh mục dùng chung và 23 danh mục đồng bộ với danh mục dùng chung quốc gia (Phụ lục 3 QĐ 16-QĐ/BCĐ); Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 ban hành ngày 01/6/2026 (QĐ 308-QĐ/VPTW)	2027: 100% danh mục thuộc Phụ lục 3 Kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0; duy trì 100% đến năm 2030	Từ điển dữ liệu dùng chung (QĐ 308-QĐ/VPTW); QĐ 2439/QĐ-TTg	Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu); cơ quan chủ quản danh mục

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Hiện trạng (năm 2026)	Mức cần đạt	Nguồn kiểm chứng, căn cứ	Đơn vị chịu trách nhiệm
KPI-5	Tỉ lệ hệ thống thông tin, CSDL xây dựng mới hoặc nâng cấp kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP của Đảng bằng API (không kết nối trực tiếp CSDL)	LGSP của Đảng đã vận hành (công API, trực tích hợp); các cơ quan đang rà soát, đăng ký kết nối theo Hướng dẫn số 07-HD/VPTW ngày 29/5/2026	100% từ khi Khung có hiệu lực	Hồ sơ đăng ký kết nối theo Hướng dẫn số 07-HD/VPTW; nhật ký LGSP	Văn phòng Trung ương Đảng; chủ quản hệ thống
KPI-6	Tỉ lệ kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan ngoài khối Đảng qua NDOP đáp ứng thoả thuận mức dịch vụ	Chưa triển khai (chuyển trao đổi dữ liệu sang NDOP trong giai đoạn 2027-2028 theo QĐ 16-QĐ/BCĐ)	2028: $\geq 76\%$; 2030: $\geq 96\%$	Nhật ký kết nối LGSP - NDOP. Căn cứ: Nhóm (iv) Mục 3.9 QĐ 20-QĐ/BCĐ; NĐ 278/2025/NĐ-CP	Văn phòng Trung ương Đảng
3. Quản trị và vận hành					
KPI-7	Điểm trưởng thành quản trị, quản lý dữ liệu của các cơ quan đảng (thang 0 - 5)	Chưa đánh giá; kỳ đánh giá đầu tiên trong giai đoạn 2 (từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày 24/6/2026) theo QĐ 20-QĐ/BCĐ	2028: $\geq 3,0$ (đã xác định, có quy trình); 2030: $\geq 4,0$ (quản lý hiệu quả)	Đánh giá theo Mục 3.9 QĐ 20-QĐ/BCĐ	Văn phòng Trung ương Đảng; các cơ quan chủ sở hữu, chủ quản dữ liệu
KPI-8	Số lượng Bảng thông tin điều hành, báo cáo phân tích vận hành trên dữ liệu thu thập tự động	Chưa thống kê theo tiêu chí Mục 3.9 QĐ 20-QĐ/BCĐ; xác định cùng kỳ đánh giá tại KPI-7	2028: ≥ 10 , cập nhật tự động; 2030: Báo cáo, Bảng thông tin điều hành theo thời gian thực đối với các lĩnh vực trọng yếu	Nhóm (v) Mục 3.9 QĐ 20-QĐ/BCĐ; Điều 4 Quy định số 384-QĐ/TW	Văn phòng Trung ương Đảng; cơ quan chủ quản nghiệp vụ
KPI-9	Chỉ số chất lượng dữ liệu (DQI) của CSDL dùng chung, dữ liệu chủ của các cơ quan đảng được chia sẻ qua NDOP	Chưa áp dụng phương pháp DQI; chất lượng dữ liệu cần tiếp tục được nâng cao để bảo đảm tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống" (Mục III.1 QĐ 16-QĐ/BCĐ)	2028: Đạt mức đáp ứng (DQI $\geq 90\%$); trường định danh, mã dùng chung đạt 100% đối với tiêu chí Đúng, Đủ, Sạch; 2030: 100% CSDL chia sẻ qua NDOP đạt mức đáp ứng	Phương pháp DQI tại Hướng dẫn quản lý và đảm bảo chất lượng dữ liệu (Phụ lục 3 kèm Công văn số 4856/BCA-TTDLQG)	Cơ quan chủ quản dữ liệu; Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Hiện trạng (năm 2026)	Mức cần đạt	Nguồn kiểm chứng, căn cứ	Đơn vị chịu trách nhiệm
4. Kỹ thuật và an toàn					
KPI-10	Tỉ lệ hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo hồ sơ được phê duyệt; hệ thống có kết nối, chia sẻ dữ liệu đạt tối thiểu cấp độ 3	Điều kiện đạt cấp độ 3 trở lên đã áp dụng đối với hệ thống kết nối LGSP của Đảng (Hướng dẫn số 07-HD/VPTW); QĐ 16-QĐ/BCĐ yêu cầu 100% hệ thống được xác định cấp độ	2027: 100% hệ thống đang vận hành; 100% hệ thống mới trước khi đưa vào vận hành	Hồ sơ cấp độ; QĐ 16-QĐ/BCĐ (Mục III.3); Điều 13 Quy định số 384-QĐ/TW	Chủ quản hệ thống; Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu
KPI-11	Tỉ lệ hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng được giám sát an ninh mạng tập trung 24/7 và kết nối, chia sẻ thông tin với Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia	Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của Đảng đã vận hành, tiếp nhận nhật ký luồng dữ liệu qua LGSP (Hướng dẫn số 07-HD/VPTW)	2027: 100%	Báo cáo SOC của Đảng; QĐ 16-QĐ/BCĐ	Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu
KPI-12	Tỉ lệ hệ thống thông tin xây dựng mới, nâng cấp của các cơ quan đảng triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia (chỗ đặt, điện toán đám mây) hoặc trung tâm dữ liệu hiện có; không đầu tư mới trung tâm dữ liệu riêng	Trung tâm dữ liệu chính của các cơ quan đảng đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (Khu công nghệ cao Hoà Lạc); trung tâm dữ liệu dự phòng tại trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng (QĐ 16-QĐ/BCĐ)	100% từ khi Khung có hiệu lực	Hồ sơ thẩm định dự án; Mục II.4.a QĐ 1425/QĐ-TTg; Phụ lục 5 kèm Công văn số 4856/BCA-TTDLQG	Chủ đầu tư; Văn phòng Trung ương Đảng
5. Kết quả triển khai					
KPI-13	Tỉ lệ thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, tổ chức đảng, đảng viên được số hoá, tạo	Chưa hoàn thành; dữ liệu cán bộ, tổ chức đảng còn phân mảnh, lưu trữ lặp lại ở nhiều hệ thống (Mục III.1 QĐ 16-QĐ/BCĐ)	2030: 100%	QĐ 204-QĐ/TW; QĐ 16-QĐ/BCĐ (Mục I.2.2)	Ban Tổ chức Trung ương; Văn phòng Trung ương Đảng

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Hiện trạng (năm 2026)	Mức cần đạt	Nguồn kiểm chứng, căn cứ	Đơn vị chịu trách nhiệm
	thành tập dữ liệu nền tảng "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"				
KPI-14	Tỉ lệ công tác tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất (không bao gồm dữ liệu Tuyệt mật) thực hiện trên môi trường số; tỉ lệ yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu kinh tế - xã hội phục vụ tham mưu, thẩm định thực hiện qua kho dữ liệu, công cụ phân tích	Chưa hoàn thành; các hệ thống thông tin còn xây dựng riêng lẻ theo 06 lĩnh vực nghiệp vụ (Mục III.1 QĐ 16-QĐ/BCĐ)	2030: 100%	QĐ 204-QĐ/TW; QĐ 16-QĐ/BCĐ (Mục I.2.2)	Văn phòng Trung ương Đảng; các cơ quan đảng
KPI-15	Tỉ lệ chi bộ sử dụng ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử trong sinh hoạt chi bộ; tỉ lệ đảng viên thuộc đối tượng áp dụng được phê duyệt tài khoản, sử dụng ứng dụng	Ứng dụng đã được triển khai, sử dụng thống nhất trong toàn Đảng theo Quy định số 339-QĐ/TW ngày 10/7/2025; số liệu kỳ gốc được thống kê từ dữ liệu quản lý tài khoản trên ứng dụng	2027: 100% chi bộ sử dụng ứng dụng trong sinh hoạt chi bộ; 2030: 100% đảng viên thuộc đối tượng áp dụng được phê duyệt tài khoản (trừ trường hợp được hỗ trợ theo Khoản 4 Điều 5 Quy định số 339-QĐ/TW)	Dữ liệu quản lý tài khoản, thống kê sử dụng trên ứng dụng; báo cáo định kỳ của chi bộ, cấp ủy. Căn cứ: Điều 1, Điều 5 Quy định số 339-QĐ/TW	Văn phòng Trung ương Đảng; Ban Tổ chức Trung ương; tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

Hiện trạng tại bảng được xác định theo các văn bản đã ban hành tại thời điểm xây dựng Khung (Quyết định số 16-QĐ/BCĐ, 20-QĐ/BCĐ, 308-QĐ/VPTW, Hướng dẫn số 07-HD/VPTW); số liệu kỳ gốc của từng chỉ tiêu được xác định qua kiểm kê, xác nhận kiến trúc hiện trạng (nhiệm vụ 1 Phụ lục II) trước ngày 31/12/2026. Kết quả thực hiện được đo lường tự động từ dữ liệu vận hành hệ

thống, báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng hằng năm và cập nhật lên NAS theo quy định. Mã KPI-1 đến KPI-15 là mã chỉ số nội bộ tạm thời được liên kết với mục tiêu tại mục 3 Phần III và nhiệm vụ tại Phụ lục II; được thay bằng mã chính thức khi Bộ chỉ số KPI được ban hành. Bộ chỉ số KPI triển khai Khung và Bộ chỉ số đánh giá năng lực số, mức độ sẵn sàng chuyển đổi số dùng chung một nguồn dữ liệu, được khai thác từ dữ liệu vận hành hệ thống; không phát sinh thêm chế độ báo cáo thủ công.

Việc đánh giá kết quả triển khai, bên cạnh mức độ tuân thủ kiến trúc và mức độ sử dụng hệ thống, chú trọng những chuyển biến về chất lượng, tiến độ và kết quả giải quyết công việc: Thời gian xử lý toàn bộ quy trình, số lần phải nhập lại hoặc đối chiếu dữ liệu, chất lượng tổng hợp thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo và khối lượng công việc thực tế tại cơ sở. Các nội dung này được đánh giá trên cơ sở dữ liệu sẵn có, kết hợp phản hồi của người sử dụng; không đặt thêm yêu cầu báo cáo riêng. Đối với nhiệm vụ thí điểm (NV-29, NV-30 Phụ lục II), phải xác định rõ kết quả cần đạt, điều kiện áp dụng, tiêu chí xem xét nhân rộng và khả năng kết nối với hệ thống dùng chung. Việc sử dụng dữ liệu số phục vụ đánh giá cán bộ, công chức gắn với tính chất nhiệm vụ, trách nhiệm được giao và chất lượng sản phẩm, không chỉ căn cứ vào số lượng công việc hoặc thao tác trên hệ thống; dữ liệu là căn cứ bổ sung, việc đánh giá, xếp loại thực hiện theo đúng quy định và thẩm quyền.

XI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc tổ chức thực hiện Khung phải gắn với kế hoạch triển khai và điều kiện bảo đảm tương ứng; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động bố trí nhân lực, nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô, mức độ phức tạp và yêu cầu bảo vệ của hệ thống thuộc phạm vi quản lý. Khung không quy định cứng định biên, mức kinh phí hoặc cơ chế tài chính riêng; các nội dung cụ thể được xác định trong kế hoạch, dự toán và quyết định của cấp có thẩm quyền. Việc tổ chức thực hiện bảo đảm Khung được thực hiện thống nhất, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn và được cập nhật thường xuyên theo Mục 1.6 Phần IX.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về việc tuân thủ Khung trong phạm vi quản lý. Kết quả thực hiện Khung (mức độ tuân thủ kiến trúc, tiến độ nhiệm vụ được giao, mức độ sử dụng thành phần dùng chung, kết quả khắc phục nội dung chưa tuân thủ) được xem xét trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân hằng năm theo quy định của Đảng. Việc đo lường theo Bộ chỉ số KPI triển khai Khung và việc đánh giá năng lực số, mức độ sẵn sàng chuyển đổi số dùng chung nguồn dữ liệu, khai thác từ dữ liệu vận hành của hệ thống; không phát sinh thêm chế độ báo cáo thủ công.

Chú trọng quán triệt, tuyên truyền và bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ làm công tác tham mưu, quản trị kiến trúc; lấy thay đổi nhận thức, thói quen làm việc trên môi trường số là điều kiện để Khung đi vào thực chất.

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

Thực hiện vai trò chỉ đạo, điều phối các vấn đề liên cơ quan, liên ngành, liên cấp; định kỳ xem xét tình hình tuân thủ Khung, trạng thái thành phần dùng chung, chất lượng dữ liệu, mức độ sử dụng và hiệu quả đầu tư. Kết quả kiểm tra, đánh giá được sử dụng làm căn cứ tham mưu về trách nhiệm, ưu tiên đầu tư, tiếp tục, điều chỉnh hoặc biện pháp khắc phục đối với nhiệm vụ, dự án, nhưng không làm thay đổi thẩm quyền quyết định, phê duyệt đã được quy định.

2. Văn phòng Trung ương Đảng

Là cơ quan đầu mối hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đôn đốc và tham mưu Ban Chỉ đạo xử lý việc triển khai và áp dụng Khung; tổ chức theo dõi đầu tư trùng lặp, dữ liệu cát cứ, nhiệm vụ chậm tiến độ, mức độ sử dụng sản phẩm và hiệu quả đầu tư; tổng hợp kết quả để tham mưu trách nhiệm, ưu tiên nguồn lực và biện pháp khắc phục theo thẩm quyền, cụ thể như sau:

2.1. Chủ trì quản lý, duy trì, cập nhật và hướng dẫn các cơ quan đảng ở Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai Khung; tham mưu Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền.

2.2. Ban hành và cập nhật hướng dẫn triển khai Khung (ban hành trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Khung có hiệu lực), trong đó bao gồm ban hành hướng dẫn triển khai kiến trúc số và mô hình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng địa phương; bộ tiêu chí đánh giá tuân thủ, ma trận trách nhiệm quản trị, danh mục trạng thái vòng đời thành phần, quy trình xem xét trường hợp đặc thù và các tài liệu kỹ thuật triển khai Khung.

2.3. Cập nhật, duy trì Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng; cụ thể hoá trong Danh mục kiến trúc đối với các hệ thống, nền tảng, dữ liệu và dịch vụ số do Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản và các thành phần số phục vụ riêng chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng; không quy định lại các nội dung đã được xác lập tại Khung, mà làm rõ kiến trúc mục tiêu, quan hệ giữa các thành phần, trách nhiệm quản trị và lộ trình chuyển đổi thuộc phạm vi Văn phòng Trung ương Đảng quản lý.

2.4. Công bố, cập nhật danh mục và trạng thái vòng đời của thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng; danh mục dữ liệu, nguồn dữ liệu có thẩm quyền, API, dịch vụ dữ liệu, nền tảng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu, hạ tầng và dịch vụ dùng chung; hướng dẫn phân định phạm vi đầu tư, giải pháp chuyển tiếp và trường hợp đặc thù.

2.5. Tổ chức triển khai, cập nhật và quản lý phiên bản Khung kiến trúc dữ liệu trong các cơ quan đảng, Khung quản trị, quản lý dữ liệu trong các cơ quan đảng và Từ điển dữ liệu dùng chung; phối hợp cơ quan chủ quản dữ liệu xác định nguồn dữ liệu có thẩm quyền, tiêu chuẩn, chất lượng, siêu dữ liệu và cơ chế chia sẻ.

2.6. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan liên quan theo chức năng để bảo đảm tương thích, liên thông kiến trúc. Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức lập, quản lý bộ hồ sơ kiến trúc; tiếp nhận phản hồi và xử lý sai lệch. Dữ liệu mật, hạn chế chia sẻ chỉ cung cấp trong phạm vi được phép. Bộ hồ sơ phục vụ đối chiếu, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, trong phạm vi thông tin được phép cung cấp.

2.7. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tuân thủ; tổng hợp tình hình, khó khăn, vướng mắc, chênh lệch, nội dung chưa tuân thủ và trường hợp đặc thù, rủi ro và kết quả khắc phục; báo cáo cấp có thẩm quyền.

2.8. Chủ trì xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng - công cụ quản lý kiến trúc theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo Công văn số 7234/BKHCN-CĐSQG (quản lý Danh mục kiến trúc, bộ sơ đồ, bộ dữ liệu kiến trúc, hồ sơ đánh giá tuân thủ, lịch sử phiên bản); kết nối, cập nhật dữ liệu lên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS) theo quy định, không xây dựng chức năng trùng lặp với NAS; nội dung không được cập nhật lên NAS (thông tin thuộc bí mật nhà nước, hạn chế tiếp cận) được quản lý trên Hệ thống.

2.9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, chuyển đổi, hợp nhất, thay thế hoặc dừng các hệ thống, ứng dụng; bảo đảm chuyển đổi dữ liệu, duy trì hoạt động liên tục và không làm gián đoạn nghiệp vụ.

2.10. Rà soát quy định, hướng dẫn của Đảng cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm cơ sở triển khai Khung.

2.11. Quản lý Danh mục kiến trúc và phiên bản hồ sơ Khung; rà soát, cập nhật Khung ít nhất hằng năm và khi có thay đổi có khả năng ảnh hưởng đến kiến trúc; sau khi Khung được ban hành, cung cấp hồ sơ điện tử cho Bộ Khoa học và

Công nghệ trong phạm vi được phép cung cấp; thực hiện chuẩn hoá, ánh xạ, bổ sung định danh trên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS) khi Hệ thống được triển khai và yêu cầu kỹ thuật được công bố.

2.12. Trong Hướng dẫn triển khai Khung, cụ thể hoá: Nguyên tắc triển khai tại Mục 2.3 Phần III; thứ tự ưu tiên, điều kiện chuyển đổi tại Phần X; quyền, trách nhiệm khai thác dữ liệu và cơ chế phối hợp đối với quy trình trọng yếu tại Mục 1.10 Phần IX; phạm vi chi tiết, lộ trình triển khai Nền tảng thông báo và sự kiện tập trung, Nền tảng quản lý nội dung số và lưu trữ số dùng chung tại Mục 2.3 Phần IV.

3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương

Tổ chức triển khai Khung trong phạm vi quản lý; xác định chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, nguồn dữ liệu có thẩm quyền, thành phần dùng chung, thành phần đặc thù, lộ trình và danh mục nhiệm vụ, dự án; cập nhật vào Danh mục kiến trúc theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Hoàn thành kiểm kê hiện trạng, cập nhật Danh mục kiến trúc thuộc phạm vi quản lý và đề xuất hệ thống phải hợp nhất, chuyển đổi hoặc dùng chung theo mốc thời gian tại Mục 1.2 Phần X.

Các cơ quan chủ trì nghiệp vụ hoặc hệ thống dùng chung có trách nhiệm công bố yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, API, phạm vi phục vụ, trạng thái vòng đời, mức dịch vụ và lộ trình; phối hợp xử lý yêu cầu tích hợp, giải pháp bổ sung, chuyển tiếp và dữ liệu phát sinh từ địa phương.

Rà soát, chuẩn hoá và phê duyệt các quy trình thuộc phạm vi chức năng; xác định chủ quản quy trình, dữ liệu và ứng dụng; phối hợp cấu hình, kiểm thử, triển khai và đánh giá hiệu quả ứng dụng trên Hệ thống.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tham mưu các nội dung liên quan đến tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, chức danh hoặc chính sách cán bộ đối với đầu mối quản trị kiến trúc khi phát sinh; bảo đảm dữ liệu về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, cán bộ, đảng viên được cập nhật kịp thời theo quyết định có hiệu lực, làm căn cứ đồng bộ quy trình, phân quyền trên các hệ thống (Mục 2.2.9 Phần III); thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh, hệ thống theo dõi nhiệm vụ, chương trình công tác và phần mềm đánh giá, xếp loại cán bộ theo KPI/OKR.

Ban Nội chính Trung ương xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lộ trình Đề án được Bộ Chính trị phê duyệt; bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, cơ sở dữ liệu có liên quan trong các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước (NV-27).

Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức quán triệt, tuyên truyền Khung; phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố đưa nội dung chuyển đổi số, kiến trúc số vào chương trình bồi dưỡng cán bộ.

4. Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và đảng uỷ bộ, ngành Trung ương

Không xây dựng Kiến trúc số riêng, trừ trường hợp có yêu cầu đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định. Các đảng uỷ này khai thác các hệ thống, nền tảng, ứng dụng, dữ liệu và dịch vụ dùng chung được cơ quan có thẩm quyền cung cấp; quản lý người dùng, dữ liệu và quy trình theo phân quyền. Không tự đầu tư ứng dụng trùng lặp; nhu cầu đặc thù chỉ phát triển khi được cấp có thẩm quyền cho phép, đáp ứng điều kiện kiến trúc và bảo vệ của Khung.

5. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai Khung Kiến trúc số theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng; lựa chọn giải pháp, công nghệ, mô hình triển khai và tổ chức vận hành trong phạm vi thẩm quyền, với điều kiện tuân thủ giao diện, dữ liệu, mức dịch vụ, an ninh mạng, khả năng chuyển giao và các yêu cầu bắt buộc của Khung. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng nội dung chuyển đổi số, kiến trúc số trong chương trình bồi dưỡng cán bộ; hướng dẫn các trường chính trị tỉnh, thành phố thực hiện.

6. Các cơ quan đảng địa phương

Tỉnh uỷ, thành uỷ không xây dựng Khung kiến trúc số riêng cho địa phương; có trách nhiệm tổ chức triển khai Khung do Ban Bí thư ban hành đối với các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng; sử dụng Khung làm công cụ quản trị đầu tư. Tỉnh uỷ, thành uỷ hoàn thành kiểm kê hiện trạng, cập nhật Danh mục kiến trúc của các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã và đề xuất hệ thống phải hợp nhất, chuyển đổi hoặc dừng theo mốc thời gian tại Mục 1.2 Phần X.

Nội dung thuộc phạm vi các cơ quan đảng phải do tỉnh uỷ, thành uỷ xác định, thống nhất; bảo đảm không làm thay đổi thẩm quyền nghiệp vụ, dữ liệu, hệ thống, cơ yếu, bảo mật, an ninh mạng và tài sản số của các cơ quan đảng.

Tỉnh uỷ, thành uỷ cụ thể hoá cách thức tổ chức triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã.

PHẦN PHỤ LỤC

Các phụ lục dưới đây là bộ phận của Khung. Nội dung các phụ lục được Văn phòng Trung ương Đảng rà soát, cập nhật phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu quản lý và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

PHỤ LỤC I- PHÂN LOẠI CÁC NHÓM CƠ QUAN ĐẢNG PHỤC VỤ ÁP DỤNG KHUNG KIẾN TRÚC SỐ

Việc phân nhóm nhằm xác định đặc trưng nghiệp vụ, dữ liệu, yêu cầu bảo vệ, mức độ sử dụng thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng và nhu cầu xây dựng thành phần đặc thù; không làm thay đổi tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan. Danh sách tên cơ quan được cập nhật theo quy định về tổ chức bộ máy đang có hiệu lực. Trường hợp cơ quan, đơn vị được thành lập mới, sắp xếp lại hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, việc xác định nhóm áp dụng thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

1. Nhóm đảng uỷ lãnh đạo, chỉ đạo

Nhóm này bao gồm các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cấp uỷ địa phương và các đảng uỷ cấp dưới theo phân cấp.

2. Nhóm cơ quan tham mưu, giúp việc

Nhóm này bao gồm các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương, các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ trực thuộc Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, phường, đặc khu theo quy định, trong đó có:

a) Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

b) Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các đảng uỷ bộ, ngành Trung ương.

c) Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ; Ban Tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ; Cơ quan Ủy ban Kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ; Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ, thành uỷ; Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ.

d) Văn phòng, Ban Xây dựng Đảng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra đảng ủy xã, phường; Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra đảng ủy đặc khu theo quy định.

3. Nhóm cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng

3.1. Nhóm cơ quan, đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận

- a) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- b) Trường chính trị tỉnh, thành phố.
- c) Trung tâm chính trị hoặc đơn vị sự nghiệp của đảng ủy xã, phường, đặc khu.
- d) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
- đ) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- e) Tạp chí Cộng sản.
- g) Các cơ quan, đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận khác thuộc phạm vi áp dụng của Khung.

3.2. Nhóm cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản

- a) Báo Nhân Dân.
- b) Đài Tiếng nói Việt Nam.
- c) Đài Truyền hình Việt Nam.
- d) Thông tấn xã Việt Nam.
- đ) Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- e) Cơ quan báo và phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh, thành phố.
- g) Cơ quan báo chí, truyền thông, xuất bản khác thuộc phạm vi áp dụng của Khung theo các quy định hiện hành của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC II- PHƯƠNG ÁN HOÀN THIỆN VÀ NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỘI KIẾN TRÚC ƯU TIÊN

Phụ lục này xác định nội dung cần hoàn thiện (Mục 1) và nhiệm vụ chuyên đổi kiến trúc ưu tiên, lộ trình (Mục 2) ở cấp Khung, được xác định từ kết quả đổi chiều hiện trạng với kiến trúc mục tiêu. Danh mục nội dung cần hoàn thiện và nhiệm vụ được rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo kết quả kiểm kê hiện trạng, yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; việc cập nhật không làm thay đổi kiến trúc mục tiêu đã được phê duyệt.

1. Nội dung cần hoàn thiện và phương án xử lý ở mức kiến trúc

Bảng dưới đây xác định nội dung cần hoàn thiện từ kết quả đổi chiều hiện trạng với kiến trúc mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nhiệm vụ tương ứng; không bao gồm giải pháp kỹ thuật chi tiết, hình thức đầu tư, dự toán hoặc phương án lựa chọn nhà thầu.

Mã	Hiện trạng cần hoàn thiện	Yêu cầu cần đạt	Nhiệm vụ
ND-1	Thông tin hiện trạng về hệ thống, CSDL, nền tảng, kết nối và trạng thái vận hành chưa được kiểm kê, xác nhận đầy đủ; một số thông tin còn ghi "Chưa xác định" (Mục 4 Phần III).	Mỗi thành phần chủ yếu được ghi nhận đầy đủ thông tin bắt buộc trong Danh mục kiến trúc, có nguồn và đầu mối xác nhận.	NV-1
ND-2	LGSP của Đảng đã vận hành (trực tích hợp, công API) nhưng chưa thực hiện đầy đủ chức năng chia sẻ, điều phối dữ liệu (LDOP); chưa trao đổi dữ liệu qua NDOP (KPI-6: Chưa triển khai).	LGSP thực hiện vai trò LDOP của khối cơ quan đảng theo QĐ 2439/QĐ-TTg; kết nối NDOP qua Agent Node trong giai đoạn 2027 - 2028.	NV-24; NV-9
ND-3	Dữ liệu cán bộ, tổ chức đảng còn phân mảnh, lưu trữ lặp lại ở nhiều hệ thống; chưa đồng bộ 25 trường dữ liệu chủ với CSDL tổng hợp quốc gia (Mục III.1, Phụ lục 3 QĐ 16-QĐ/BCĐ).	Dữ liệu chủ "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; đồng bộ $\geq 76\%$ (2028), $\geq 96\%$ (2030) trường dữ liệu chủ (KPI-3).	NV-10; NV-21; NV-24
ND-4	Đã có 26 danh mục dùng chung, 23 danh mục cần đồng bộ quốc gia; Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0 (QĐ 308-QĐ/VPTW) chưa đồng bộ với Nền tảng số từ điển dữ liệu dùng chung.	100% danh mục thuộc Phụ lục 3 QĐ 16-QĐ/BCĐ đồng bộ năm 2027 (KPI-4).	NV-10

Mã	Hiện trạng cần hoàn thiện	Yêu cầu cần đạt	Nhiệm vụ
ND-5	Hệ điều hành tác nghiệp chủ yếu là hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ, xử lý công việc; chưa hoàn thiện năng lực của hệ thống dùng chung cung cấp nhiều ứng dụng, nhiều quy trình, nhiều cơ quan, nhiều cấp (NV-3).	Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp cung cấp danh mục ứng dụng tác nghiệp dùng chung, có quy chế cấu hình, phát triển, phát hành.	NV-3; NV-5; NV-6
ND-6	Chưa có danh mục tổng thể và tiêu chí phân loại quy trình làm việc triển khai trên Hệ thống.	Danh mục quy trình dùng chung, quy trình cấu hình theo cơ quan, quy trình chuyên ngành tích hợp; có chủ quản quy trình.	NV-4
ND-7	Hệ thống tổ chức, cán bộ, tài chính, tài sản và nghiệp vụ chuyên ngành vận hành tách biệt; người dùng truy cập nhiều hệ thống, nhập lại dữ liệu (NV-7).	Ứng dụng chuyên ngành tích hợp qua LGSP với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp và Cổng ứng dụng; truy cập thống nhất.	NV-7; NV-14
ND-8	Chưa có bộ chỉ số đo hiệu quả nghiệp vụ tác nghiệp và chất lượng vận hành; chưa ánh xạ Bộ chỉ số KPI (NV-8).	Bộ chỉ số KPI của các cơ quan đảng gồm 5 nhóm, ánh xạ Bộ chỉ số KPI do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.	NV-8
ND-9	Dữ liệu phục vụ báo cáo, phân tích, dự báo, AI chưa được tổ chức đầy đủ theo mô hình dữ liệu nguồn - làm sạch - tổng hợp - theo chủ đề, truy vết nguồn gốc (NV-11).	Hồ dữ liệu, kho dữ liệu tập trung dùng chung; dữ liệu theo chủ đề; truy vết nguồn gốc.	NV-11
ND-10	Nhiều Bảng thông tin điều hành chưa xác định rõ nguồn dữ liệu, chỉ số, tần suất cập nhật, cơ quan chịu trách nhiệm số liệu, phân quyền (NV-13).	Bộ chỉ số Bảng thông tin điều hành tối thiểu; dữ liệu thu thập tự động từ nguồn có thẩm quyền (KPI-8).	NV-13
ND-11	Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng (công cụ quản lý danh mục, phiên bản, hồ sơ tuân thủ, trạng thái triển khai và cảnh báo trùng lặp đầu tư) chưa được hình thành đầy đủ (NV-15).	Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng quản lý Danh mục kiến trúc, đồng bộ NAS.	NV-15
ND-12	Cơ chế phân tách dữ liệu, cấu hình, quyền quản trị, kiểm soát phát hành, lưu vết và cô lập sự cố đối với hệ thống dùng chung nhiều cơ quan, nhiều cấp chưa đầy đủ (NV-16).	Phương án phân tách, kiểm soát phát hành, lưu vết, cô lập sự cố được áp dụng trước khi mở rộng cung cấp ứng dụng.	NV-16
ND-13	Dữ liệu huấn luyện, kho tri thức, truy vết kết quả AI và kiểm soát dữ liệu mật/nhạy cảm chưa được quản trị đầy đủ (NV-17).	Quy chế quản trị AI và tri thức số; Nền tảng AI tích hợp năng lực dùng chung.	NV-17; NV-31

Mã	Hiện trạng cần hoàn thiện	Yêu cầu cần đạt	Nhiệm vụ
ND-14	Sản phẩm dùng chung chưa được công bố đầy đủ phạm vi phục vụ, trạng thái, điều kiện khai thác, mức dịch vụ, đầu mối hỗ trợ (NV-2, NV-20).	Danh mục thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng và hồ sơ thông tin tối thiểu được công bố.	NV-2; NV-20
ND-15	Chưa rõ nguồn xác lập giá trị gốc và cơ chế xử lý sai khác dữ liệu (NV-21).	Sổ đăng ký nguồn dữ liệu có thẩm quyền; quy trình đối soát.	NV-21
ND-16	Một số hệ thống có nguy cơ trùng chức năng, khó tích hợp hoặc chưa rõ lộ trình (trong đó các phần mềm còn lại thuộc Hệ thống thông tin quản trị nội bộ, Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc trực tuyến cần đổi chiều với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp và Nền tảng hợp trực tuyến quốc gia); chưa xác định danh mục thành phần chưa phù hợp, trùng lặp theo Điểm a Khoản 4 Điều 3 QĐ 1425/QĐ-TTg.	Danh mục thành phần chưa phù hợp, trùng lặp và phương án xử lý theo 6 phương án.	NV-14; NV-22; NV-23
ND-17	Chưa xác định phương án kết nối với NDXP, NDOP, Trục liên thông văn bản quốc gia, Bàn làm việc số và cập nhật NAS.	Phương án kết nối được thống nhất; dữ liệu kiến trúc cập nhật lên NAS (KPI-2).	NV-24
ND-18	Chưa xác định nhiệm vụ, lộ trình tương ứng đối với Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng thuộc 4 nền tảng số dùng chung quốc gia do Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản.	Kế hoạch xây dựng, nâng cấp, vận hành từng nền tảng; phân định chủ quản hệ thống và chủ quản nghiệp vụ.	NV-25
ND-19	SOC của Đảng đã vận hành, giám sát luồng tin qua LGSP; chưa kết nối, chia sẻ thông tin với Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia.	100% hệ thống tại Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng được giám sát 24/7 và kết nối Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia năm 2027 (KPI-11).	NV-16
ND-20	Khung chưa được cụ thể hoá bằng hướng dẫn triển khai, tiêu chí đánh giá tuân thủ; năng lực áp dụng Khung tại cơ quan, địa phương chưa đồng đều.	Hướng dẫn triển khai, tiêu chí đánh giá tuân thủ, cơ chế đào tạo, kiểm tra định kỳ được ban hành và áp dụng (KPI-1).	NV-18; NV-19; NV-22

Mã	Hiện trạng cần hoàn thiện	Yêu cầu cần đạt	Nhiệm vụ
ND-21	Dữ liệu quản lý tập trung chưa được cung cấp kịp thời, đầy đủ, có kiểm soát cho cơ quan, địa phương có thẩm quyền khai thác (NV-9, NV-12).	Danh mục dữ liệu, API, dịch vụ dữ liệu được công bố; quy trình cấp quyền khai thác dữ liệu.	NV-9; NV-12
ND-22	Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử đã được Ban Bí thư quy định sử dụng thống nhất trong toàn Đảng (Quy định số 339-QĐ/TW, ngày 10/7/2025), gồm các tính năng: Sơ lược về đảng viên; hỗ trợ sinh hoạt chi bộ; văn kiện - tư liệu; học tập nghị quyết; đóng góp ý kiến. Yêu cầu tiếp tục cập nhật, mở rộng tính năng và kết nối với các ứng dụng khác (Khoản 3 Điều 2 Quy định số 339-QĐ/TW); dữ liệu sơ lược về đảng viên phải thống nhất với dữ liệu đảng viên từ nguồn có thẩm quyền.	Ứng dụng được sử dụng thống nhất trong toàn Đảng; dữ liệu đảng viên khai thác từ nguồn có thẩm quyền qua LGSP của Đảng, không lập CSDL đảng viên riêng; định danh, xác thực theo nền tảng dùng chung; tính năng được mở rộng, kết nối với ứng dụng khác theo yêu cầu nghiệp vụ (KPI-15).	NV-26
ND-23	Quan hệ giữa Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, Công ứng dụng của các cơ quan đảng với Nền tảng điều hành số quốc gia (Bàn làm việc số) chưa được thống nhất với Bộ Công an.	Phân định chức năng, điểm kết nối, dữ liệu trao đổi và trách nhiệm tại ranh giới được thống nhất bằng văn bản; thông tin mật xử lý trên hệ thống của các cơ quan đảng.	NV-24
ND-24	Quan hệ kết nối, dùng chung giữa các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã với Khung kiến trúc Chính quyền số cấp tỉnh và Kiến trúc của Mô hình chuyển đổi số cấp xã (Hình 9 QĐ 1425/QĐ-TTg) chưa được xác định cụ thể.	Điểm kết nối, hạ tầng, dữ liệu trao đổi và trách nhiệm quản lý được xác định; tỉnh uỷ, thành uỷ cung cấp thông tin cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 29/01/2027; không đầu tư trùng lặp tại cấp xã.	NV-18
ND-25	Ban Nội chính Trung ương đang được giao chủ trì xây dựng Đề án "Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực" trình Bộ Chính trị; yêu cầu hoàn thành Đề án trong tháng 11/2026.	CSDL quốc gia được xây dựng theo Đề án được phê duyệt; xác định rõ vai trò, phạm vi, chủ quản dữ liệu, nguồn dữ liệu có thẩm quyền, cơ quan cung cấp, khai thác; kết nối, chia sẻ qua LGSP của Đảng và NDOP theo phân loại dữ liệu; tuân thủ Kiến trúc dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung; được đánh giá an ninh mạng đạt yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng.	NV-27

Mã	Hiện trạng cần hoàn thiện	Yêu cầu cần đạt	Nhiệm vụ
ND-26	Văn phòng Trung ương Đảng đang hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC); Ban Tổ chức Trung ương được giao thử nghiệm IOC có khả năng kết nối, tích hợp với IOC của Văn phòng Trung ương Đảng; chưa xác định mô hình kết nối, tích hợp, nguồn dữ liệu, bộ chỉ số dùng chung giữa IOC các cấp (kết luận của đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo (8 giờ, thứ Năm, ngày 24/9/2026)).	IOC của Văn phòng Trung ương Đảng là đầu mối tích hợp; IOC của các ban đảng, cơ quan đảng kết nối, tích hợp, khai thác dữ liệu qua LGSP của Đảng, kho dữ liệu dùng chung; Bảng thông tin điều hành; không đầu tư trùng lặp nền tảng.	NV-28; NV-29
ND-27	Chưa có hệ thống dùng chung theo dõi nhiệm vụ, chương trình công tác và đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức theo KPI/OKR; Ban Tổ chức Trung ương thử nghiệm tại Ban, Văn phòng Trung ương Đảng thí điểm trong Đảng bộ các cơ quan đảng Trung ương (kết luận của đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo (8 giờ, thứ Năm, ngày 24/9/2026)).	Mô hình, bộ chỉ số, quy trình đánh giá thống nhất; dữ liệu cán bộ khai thác từ nguồn có thẩm quyền; kết nối với các hệ thống dùng chung; kết quả thử nghiệm, thí điểm được đánh giá trước khi nhân rộng.	NV-30

2. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi kiến trúc và lộ trình

Bảng dưới đây xác định các nhiệm vụ ưu tiên ở cấp Khung; cột Mã nhiệm vụ ghi mã NV-x, được dẫn chiếu tại cột Nhiệm vụ của bảng Mục 1 Phụ lục này. Các nhiệm vụ được xác định ở mức định hướng, làm căn cứ để xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công chủ trì, bố trí nguồn lực, xác định sản phẩm đầu ra, kiểm tra tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn. Nhiệm vụ chuyển đổi kiến trúc không đồng nhất với dự án đầu tư; một nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua một hoặc nhiều chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hoặc hoạt động thường xuyên theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Đơn vị chủ trì, lộ trình nêu tại bảng là định hướng, được xác định chính thức theo phân công và kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-1	Kiểm kê và xác nhận kiến trúc hiện trạng; lập danh mục thành phần, nguồn dữ liệu có thẩm quyền và mối quan hệ giữa hiện trạng, mục tiêu, khoảng cách và nhiệm vụ chuyển đổi.	Biên bản kiểm kê; Danh mục kiến trúc có nguồn xác nhận, trạng thái; danh mục nhiệm vụ cấp nhật, truy vết khoảng cách → nhiệm vụ → sản phẩm.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; các cơ quan chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, tinh uý, thành uý, đảng uý trực thuộc Trung ương phối hợp.	Năm 2026; ưu tiên rất cao; hoàn thành kiểm kê trước ngày 31/12/2026; xác định hệ thống phải hợp nhất, chuyển đổi, dừng trước ngày 31/12/2026
NV-2	Công bố Danh mục nền tảng số, ứng dụng số, cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu, dịch vụ dữ liệu dùng chung và trạng thái vòng đời của từng sản phẩm.	Danh mục nền tảng số, ứng dụng số, cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu, dịch vụ dữ liệu dùng chung được công bố; trạng thái vòng đời và hồ sơ thông tin tối thiểu của từng sản phẩm.	Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì; Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, cơ quan chủ quản hệ thống, đơn vị vận hành phối hợp.	Năm 2026; ưu tiên rất cao
NV-3	Triển khai Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng (hiện gọi là Hệ điều hành tác nghiệp) thuộc Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung, cung cấp các chức năng dùng chung để số hoá, xử lý, phối hợp và theo dõi các quy trình làm việc phổ biến trong các cơ quan đảng.	Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng được triển khai dùng chung cho các cơ quan đảng.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; các cơ quan chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, đơn vị vận hành, cơ quan chuyên trách an ninh mạng, tinh uý, thành uý và đảng uý trực thuộc Trung ương phối hợp.	Năm 2026; ưu tiên rất cao.
NV-4	Rà soát, chuẩn hoá, tái cấu trúc và lập danh mục các quy trình làm việc để triển khai trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng.	Danh mục tổng thể quy trình; bộ tiêu chí phân loại; bản đồ quy trình; danh mục quy trình dùng chung; danh mục quy trình cấu hình theo cơ quan; danh mục	Cơ quan chủ quản nghiệp vụ chủ trì; Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn, điều phối; các cơ quan, địa phương phối hợp.	2026 - 2028; ưu tiên rất cao.

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/ nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/ phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
		quy trình chuyển ngành tích hợp; lộ trình số hoá; chủ quản quy trình, dữ liệu và chỉ số của từng quy trình.		
NV-5	Xây dựng, cung cấp và quản lý các ứng dụng tác nghiệp dùng chung được giao trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; tích hợp các hệ thống chuyên trách độc lập qua dịch vụ, dữ liệu được phê duyệt.	Danh mục ứng dụng tác nghiệp: Văn bản, hồ sơ, trình ký, lịch, hợp, quy trình nội bộ; API tích hợp với hệ thống TTHC, NQ/CT/KL, đánh giá CDS, quản trị kiến trúc theo nhu cầu; biên bản thử nghiệm và công bố trạng thái.	Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì các ứng dụng dùng chung toàn hệ thống; cơ quan chủ quản nghiệp vụ; chủ trì nội dung nghiệp vụ; cơ quan, địa phương tham gia thí điểm và sử dụng.	2026 - 2030; ưu tiên rất cao.
NV-6	Ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chế quản trị việc cấu hình, phát triển, tích hợp, kiểm thử, phát hành, vận hành và kết thúc ứng dụng trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.	Tiêu chuẩn kỹ thuật; quy chế quản trị việc cấu hình, phát triển, tích hợp, kiểm thử, phát hành, vận hành và kết thúc ứng dụng trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; đơn vị vận hành, cơ quan an ninh mạng và nhà cung cấp phối hợp.	2026 - 2027; ưu tiên rất cao.
NV-7	Tích hợp ứng dụng chuyên ngành với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng và Công ứng dụng qua nền tảng tích hợp; phân định hệ thống nghiệp vụ và giao diện truy cập.	Danh mục API, dịch vụ tích hợp giữa ứng dụng chuyên ngành với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng và Công ứng dụng; bảng phân định hệ thống nghiệp vụ và giao diện truy cập.	Văn phòng Trung ương Đảng điều phối; cơ quan chủ quản hệ thống chuyên ngành và chủ quản dữ liệu chủ trì nội dung tích hợp.	2027 - 2029; ưu tiên cao.

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-8	Xây dựng chỉ số đo hiệu quả nghiệp vụ tác nghiệp và chất lượng vận hành; ánh xạ kết quả với KPI đo lường theo phạm vi đã phê duyệt.	Danh mục chỉ số tác nghiệp: Định nghĩa, nguồn dữ liệu, công thức, kỳ đo, chủ quản, API cung cấp kết quả; bảng ánh xạ với Bộ chỉ số KPI tại Phần VIII.	Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) chủ trì; cơ quan chủ quản nghiệp vụ phối hợp.	2026 - 2028; ưu tiên cao, duy trì đo lường thường xuyên
NV-9	Công bố danh mục dữ liệu, API, dịch vụ dữ liệu và cơ chế đồng bộ từ các hệ thống dùng chung của Trung ương để cơ quan, địa phương khai thác theo thẩm quyền.	Danh mục dữ liệu, API, dịch vụ dữ liệu được công bố; cơ chế đồng bộ và cấp quyền khai thác dữ liệu cho cơ quan, địa phương.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, cơ quan chủ trì hệ thống dùng chung chủ trì; các cơ quan chủ quản dữ liệu, địa phương phối hợp.	2026 - 2027; ưu tiên rất cao
NV-10	Xây dựng, chuẩn hoá từ điển dữ liệu, danh mục dữ liệu, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, mô hình dữ liệu và quy tắc chất lượng dữ liệu cho các miền dữ liệu trọng yếu.	Từ điển dữ liệu; bảng thuật ngữ nghiệp vụ; danh mục dữ liệu; mô hình dữ liệu logic; bộ dữ liệu chủ; bộ dữ liệu tham chiếu; quy tắc chất lượng dữ liệu; cơ chế xử lý sai lệch dữ liệu.; công bố định kỳ tỉ lệ dữ liệu đúng, thiếu, chậm đồng bộ và trách nhiệm của đơn vị tạo lập dữ liệu	Cơ quan chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu chủ trì theo lĩnh vực; Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu điều phối, hỗ trợ kỹ thuật.	2026 - 2028; ưu tiên rất cao
NV-11	Hoàn thiện hồ dữ liệu, kho dữ liệu tập trung dùng chung, dữ liệu theo chủ đề và không gian khai thác dữ liệu theo quyền.	Hồ dữ liệu, kho dữ liệu tập trung dùng chung; dữ liệu theo chủ đề; không gian khai thác dữ liệu theo quyền; cơ chế truy vết nguồn gốc dữ liệu.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì nền tảng; cơ quan chủ quản dữ liệu phối hợp cung cấp dữ liệu, chuẩn nghiệp vụ.	2026 - 2028; ưu tiên rất cao

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/ nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/ phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-12	Thiết lập cơ chế yêu cầu, phê duyệt, cấp quyền và khai thác dữ liệu	Quy trình yêu cầu, phê duyệt, cấp quyền và khai thác dữ liệu; danh mục quyền khai thác; cơ chế theo dõi, thu hồi quyền.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; cơ quan chủ quản dữ liệu, đơn vị chuyển trách an ninh mạng, địa phương phối hợp.	2027 - 2028; ưu tiên cao
NV-13	Chuẩn hoá Bảng thông tin điều hành lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ở cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, phường, đặc khu và theo các lĩnh vực nghiệp vụ trọng yếu.	Bộ chỉ số Bảng thông tin điều hành tối thiểu; mô hình dữ liệu chỉ số; nguồn dữ liệu có thẩm quyền; phân quyền xem; Bảng thông tin điều hành lãnh đạo; Bảng thông tin điều hành chuyển ngành; Bảng thông tin điều hành Nghị quyết số 57-NQ/TW; Bảng thông tin điều hành tuân thủ kiến trúc.	Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì với Bảng thông tin điều hành dùng chung; cơ quan chủ quản nghiệp vụ, địa phương chủ trì Bảng thông tin điều hành chuyển ngành/địa phương theo hướng dẫn.	2026 - 2028; ưu tiên cao
NV-14	Rà soát, phân định và chuẩn hoá hệ thống văn bản, tác nghiệp, thủ tục hành chính, giám sát thực hiện NQ/CT/KL, đánh giá CDS và quản trị kiến trúc; duy trì hệ thống độc lập có chủ quản, tích hợp theo kiến trúc, chi hợp nhất khi chức năng thực sự trùng.	Danh mục hệ thống theo các thành phần của Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung và 4 nền tảng số dùng chung quốc gia do Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản; ma trận phân định chức năng và nguồn dữ liệu; danh sách chức năng trùng lặp cần xử lý; kế hoạch tích hợp, chuyển đổi có thẩm quyền.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu điều phối; cơ quan chủ quản hệ thống, chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu phối hợp.	2027 - 2028; ưu tiên cao

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/ nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/ phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-15	Thiết lập Hệ thống quản lý kiến trúc số của các cơ quan đảng (công cụ quản lý kiến trúc số), danh mục kiến trúc số và hồ sơ đánh giá tuân thủ kiến trúc đối với nhiệm vụ, dự án, hệ thống, CSDL, nền tảng, hạ tầng.	Đăng ký kiến trúc; danh mục thành phần kiến trúc; ma trận tuân thủ; mẫu hồ sơ thẩm định kiến trúc; quy trình đánh giá tuân thủ; Bảng thông tin điều hành tuân thủ; báo cáo cảnh báo trùng lặp. Danh mục năng lực Nền tảng; danh mục quy trình và ứng dụng; quan hệ giữa quy trình - ứng dụng - dữ liệu - dịch vụ - API - cơ quan chủ quản; trạng thái triển khai tại từng cơ quan, địa phương; cảnh báo đầu tư trùng với Nền tảng.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; đơn vị tham định, đơn vị vận hành, cơ quan chủ quản dự án phối hợp.	2026 - 2028; ưu tiên cao
NV-16	Hoàn thiện cơ chế an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu đối với dữ liệu, API, kho dữ liệu, nền tảng số, Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng, các ứng dụng được cung cấp trên Hệ thống, trí tuệ nhân tạo và các kết nối liên thông	Phương án phân tách dữ liệu, cấu hình, quyền quản trị; quy trình kiểm soát phát hành; cơ chế lưu vết, cô lập sự cố; kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn; quyết định giải pháp cơ yếu đối với từng hệ thống thông tin; quy trình thẩm định, đánh giá hệ thống có sử dụng sản phẩm, giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ; văn bản xác nhận đủ điều kiện an ninh mạng trước khi vận hành chính thức	Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu và đơn vị chuyên trách an ninh mạng chủ trì; cơ quan chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu, đơn vị vận hành và các cơ quan, địa phương sử dụng phối hợp. Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Công an (Cục An ninh mạng) phối hợp.	2026 - 2028; ưu tiên rất cao. Hoàn thành yêu cầu bảo vệ và quy trình kiểm soát phát hành trước khi mở rộng cung cấp ứng dụng trong Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; duy trì kiểm tra, giám sát và cập nhật thường xuyên.

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/ nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/ phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-17	Thiết lập cơ chế quản trị trí tuệ nhân tạo và tri thức số dùng chung, gắn với kho tri thức, dữ liệu huấn luyện, truy vết kết quả và trách nhiệm của con người.	Quy chế quản trị trí tuệ nhân tạo và tri thức số dùng chung; danh mục kho tri thức, dữ liệu huấn luyện; cơ chế truy vết kết quả và xác định trách nhiệm của con người.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; cơ quan chủ quản tri thức, dữ liệu, nghiệp vụ và đơn vị chuyên trách an ninh mạng phối hợp.	Từ năm 2026 - 2030; ưu tiên rất cao. Khởi động ngay trong năm 2026 đối với nền tảng và các ứng dụng AI dùng chung đã đủ điều kiện an toàn; mở rộng trong giai đoạn 2027-2030 theo mức độ sẵn sàng, kết quả đánh giá an toàn và hiệu quả thực tế.
NV-18	Ban hành hướng dẫn triển khai Khung, bao gồm cách thức tổ chức triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã.	Hướng dẫn triển khai Khung; hướng dẫn cập nhật Danh mục kiến trúc; tiêu chí đánh giá; quy trình thẩm định; mẫu báo cáo tuân thủ; cách thức tổ chức triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã; nguyên tắc triển khai, thứ tự ưu tiên và điều kiện chuyển đổi; quyền, trách nhiệm khai thác dữ liệu và cơ chế phối hợp đối với quy trình trọng yếu. Hướng dẫn triển khai Khung ban hành trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Khung có hiệu lực	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; cơ quan chủ quản nghiệp vụ, địa phương phối hợp.	2026 - 2027; ưu tiên cao

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-19	Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra định kỳ việc áp dụng Khung, cập nhật hiện trạng, phân tích khoảng cách và triển khai nhiệm vụ chuyển đổi kiến trúc.	Chương trình hướng dẫn; tài liệu tập huấn; mẫu biểu cập nhật hiện trạng; lịch kiểm tra, giám sát; báo cáo định kỳ; danh mục kiến nghị xử lý; cập nhật phiên bản Khung khi cần. Nội dung quán triệt Khung; nội dung chuyển đổi số, kiến trúc số trong chương trình bồi dưỡng cán bộ.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; các cơ quan, địa phương phối hợp. Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố phối hợp về quán triệt, bồi dưỡng.	2026 - 2030; ưu tiên cao
NV-20	Công bố danh mục và hồ sơ thông tin tối thiểu của thành phần dùng chung trong các cơ quan đảng	Danh mục dịch vụ, trạng thái vòng đời, API, SLO, năng lực, bảo vệ, hỗ trợ và lộ trình	Văn phòng Trung ương Đảng và cơ quan chủ trì sản phẩm	Năm 2026; ưu tiên rất cao
NV-21	Xây dựng sổ đăng ký nguồn dữ liệu có thẩm quyền	Sổ đăng ký nguồn; dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu; hợp đồng dữ liệu; quy trình đối soát	Cơ quan chủ quản dữ liệu chủ trì; Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp	2026 - 2027; ưu tiên rất cao
NV-22	Tổ chức đánh giá, xử lý trùng lặp, chênh lệch, nội dung chưa tuân thủ và trường hợp đặc thù	Bộ tiêu chí; hồ sơ minh chứng; danh mục khắc phục; Danh mục theo dõi chênh lệch và trường hợp đặc thù; kế hoạch hợp nhất, thay thế, dừng	Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì; cơ quan, địa phương thực hiện	Thường xuyên; ưu tiên cao
NV-23	Rà soát, xác định danh mục và lộ trình xử lý hạ tầng số, hệ thống số, hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu, dịch vụ số chưa phù hợp hoặc trùng lặp với thành phần dùng chung.	Danh mục thành phần chưa phù hợp, trùng lặp; phương án xử lý theo 06 phương án (tiếp tục sử dụng; chuẩn hoá, kết nối, tích hợp; nâng cấp, mở rộng; hợp nhất, tổ chức lại; thay thế, kết thúc; bổ sung mới) và lộ trình thực hiện.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; các cơ quan chủ quản hệ thống phối hợp.	Năm 2026; ưu tiên rất cao; hoàn thành trước 31/12/2026

Mã nhiệm vụ		Phương án hoàn thiện/ nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/ phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-24		Kết nối với NDXP, NIDOP, Trục liên thông văn bản quốc gia, Bàn làm việc số; cập nhật dữ liệu kiến trúc lên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS).	Phương án kết nối; danh mục dịch vụ kết nối; dữ liệu kiến trúc được cập nhật trên NAS.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ phối hợp.	2026 - 2027; ưu tiên rất cao
NV-25		Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành 4 nền tảng số dùng chung quốc gia do Văn phòng Trung ương Đảng chủ quản: Hệ thống thông tin giai quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng; Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng; Phần mềm theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương.	Kế hoạch xây dựng, nâng cấp, vận hành từng nền tảng; phân định chủ quản hệ thống và chủ quản nghiệp vụ; phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu với các thành phần dùng chung quốc gia.	Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì; Ban Tổ chức Trung ương (chủ quản nghiệp vụ Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng) và các cơ quan chủ quản nghiệp vụ liên quan phối hợp.	2026 - 2028; ưu tiên rất cao; năm 2026: Hoàn thiện các phân hệ còn lại của Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng trước ngày 30/11/2026; mở rộng thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo lộ trình
NV-26		Duy trì, hoàn thiện Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử theo Quy định số 339-QĐ/TW: Cập nhật, mở rộng tính năng; khai thác dữ liệu đảng viên từ nguồn có thẩm quyền; kết nối với các ứng dụng khác; tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật.	Ứng dụng được cập nhật, mở rộng tính năng; danh mục dữ liệu, dịch vụ khai thác qua LGSP của Đảng; phương án định danh, xác thực người dùng; tài liệu hướng dẫn, tập huấn.	Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì (Khoản 1 Điều 5 Quy định số 339-QĐ/TW); Ban Tổ chức Trung ương (hướng dẫn nghiệp vụ tổ chức đảng, đảng viên trên ứng dụng; chủ quản dữ liệu đảng viên), tình uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương phối hợp.	2026 - 2030; ưu tiên cao. Duy trì sử dụng thống nhất; mở rộng tính năng, kết nối theo yêu cầu nghiệp vụ. Năm 2026: Ban Tổ chức Trung ương hoàn thiện ứng dụng, làm sạch, đổi mới dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, tích

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-27	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo Đề án được Bộ Chính trị phê duyệt; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, cơ sở dữ liệu có liên quan trong các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước.	CSDL quốc gia được hình thành; danh mục dữ liệu, dịch vụ dữ liệu; phương án kết nối qua LGSP của Đảng, NDOP; kết quả đánh giá an ninh mạng đạt yêu cầu.	Ban Nội chính Trung ương chủ trì; Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) và các cơ quan liên quan phối hợp theo Đề án.	Theo tiến độ tại Đề án được Bộ Chính trị phê duyệt (yêu cầu triển khai, hoàn thành trong tháng 11/2026); ưu tiên đặc biệt cao
NV-28	Hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của Văn phòng Trung ương Đảng phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo chủ chốt; làm đầu mối kết nối, tích hợp IOC của các ban đảng, cơ quan đảng.	IOC vận hành chính thức; bộ chỉ số, nguồn dữ liệu có thẩm quyền, phân quyền khai thác; chuẩn kết nối, tích hợp IOC các cấp; kết quả đánh giá an ninh mạng đạt yêu cầu.	Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu chủ trì; các cơ quan chủ quản nghiệp vụ, chủ quản dữ liệu phối hợp.	2026 - 2027; ưu tiên đặc biệt cao
NV-29	Thử nghiệm, mở rộng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của các ban đảng, cơ quan đảng; bảo đảm kết nối, tích hợp với IOC của Văn phòng Trung ương Đảng, dùng chung dữ liệu, nền tảng, không đầu tư trùng lặp.	Kết quả thử nghiệm IOC tại Ban Tổ chức Trung ương (phạm vi, tiêu chí đầu vào, người dùng, phương pháp đánh giá); phương án kết nối với IOC của Văn phòng Trung ương Đảng; đề xuất mô hình nhân rộng. Kết quả cần đạt, điều kiện áp dụng, tiêu chí xem xét nhân rộng.	Ban Tổ chức Trung ương chủ trì thử nghiệm, phối hợp với Thành ủy Hà Nội; Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn, bảo đảm kết nối; các ban đảng, cơ quan đảng triển khai khi được cấp có thẩm quyền cho phép.	Thử nghiệm hoàn thành tháng 12/2026; mở rộng giai đoạn 2027 - 2028 theo quyết định của cấp có thẩm quyền; ưu tiên cao

Mã nhiệm vụ	Phương án hoàn thiện/ nhiệm vụ ưu tiên	Sản phẩm đầu ra chủ yếu	Chủ trì/ phối hợp đề xuất	Lộ trình/giai đoạn, mức ưu tiên
NV-30	Xây dựng hệ thống theo dõi nhiệm vụ, chương trình công tác và phần mềm đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức theo phương pháp KPI/OKR; khai thác dữ liệu cán bộ từ nguồn có thẩm quyền; kết nối với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, Phần mềm theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương và IOC.	Kết quả thử nghiệm tại Ban Tổ chức Trung ương; kết quả thí điểm trong Đảng bộ các cơ quan đảng Trung ương; bộ chỉ số, quy trình đánh giá; phương án kết nối, dùng chung; đề xuất mô hình áp dụng. Kết quả cần đạt, điều kiện áp dụng, tiêu chí xem xét nhân rộng; dữ liệu là căn cứ bổ sung cho đánh giá, xếp loại theo quy định và thẩm quyền.	Ban Tổ chức Trung ương chủ trì thử nghiệm tại Ban; Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì thí điểm trong Đảng bộ các cơ quan đảng Trung ương; Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương phối hợp.	Thử nghiệm hoàn thành tháng 12/2026; thí điểm, tổng kết năm 2027; ưu tiên cao
NV-31	Xây dựng Chiến lược trí tuệ nhân tạo trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; cụ thể hoá yêu cầu đối với Nền tảng AI của các cơ quan đảng và cơ chế quản trị trí tuệ nhân tạo.	Chiến lược trí tuệ nhân tạo trong các cơ quan đảng được xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành; danh mục ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo; yêu cầu kiến trúc đối với Nền tảng AI.	Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì; các cơ quan đảng phối hợp.	Tháng 11/2026; ưu tiên đặc biệt cao

Ghi chú: Danh mục nhiệm vụ nêu trên là danh mục ưu tiên bước đầu, được cập nhật theo kết quả rà soát hiện trạng, phân tích khoảng cách, thay đổi tổ chức bộ máy, yêu cầu nghiệp vụ, mức độ sẵn sàng của nền tảng dùng chung và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Nhiệm vụ chỉ được xác nhận hoàn thành khi có sản phẩm vận hành, dữ liệu kiểm chứng, người dùng thực tế, hiệu quả đo đếm được và bảo đảm đầy đủ điều kiện an toàn, an ninh mạng; không xác nhận hoàn thành khi mới dừng ở mức dự thảo, cài đặt, tập huấn hoặc báo cáo ti lệ tiến độ (theo kết luận của đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo (8 giờ, thứ Năm, ngày 24/9/2026)).

PHỤ LỤC III- QUY TẮC GIẢI QUYẾT PHẠM VI PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG, ỨNG DỤNG, CƠ SỞ DỮ LIỆU GIỮA CÁC CƠ QUAN VÀ GIỮA TRUNG ƯƠNG VỚI ĐỊA PHƯƠNG

Phụ lục này quy định các nguyên tắc bắt buộc để xử lý tình huống phân định phạm vi xây dựng, sử dụng, bổ sung, chuyển tiếp, hợp nhất, thay thế hoặc dừng nền tảng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan và giữa Trung ương với địa phương. Danh mục sản phẩm, trạng thái sẵn sàng và ma trận chi tiết do Văn phòng Trung ương Đảng công bố, cập nhật theo thẩm quyền. Trường hợp phát sinh tình huống chưa được nêu tại Phụ lục này, Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn hoặc báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng xem xét, quyết định.

Tình huống	Cách xử lý	Yêu cầu tuân thủ
Thành phần dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị (cấp quốc gia) đã được triển khai, đáp ứng yêu cầu	Các cơ quan đảng khai thác, sử dụng; không đầu tư độc lập thành phần trùng lặp, trừ trường hợp đặc thù do cấp có thẩm quyền quyết định.	Tuân thủ Điểm b Mục 3 Phần III Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; kết nối qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.
Thành phần dùng chung đã được công bố sẵn sàng, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu, mức dịch vụ, năng lực và bảo vệ	Cơ quan, địa phương sử dụng, cấu hình, phân quyền, tích hợp; không đầu tư mới chức năng lõi trùng lặp.	Tuân thủ hướng dẫn sử dụng, chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, phân quyền, bảo mật, lưu vết và quy trình vận hành.
Trung ương đã có sản phẩm dùng chung nhưng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu địa phương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ được xây dựng phân hệ bổ sung, Bảng thông tin điều hành, công cụ phân tích hoặc công cụ điều hành hỗ trợ.	Không làm thay đổi dữ liệu gốc; không phá vỡ kiến trúc dùng chung; kết nối qua giao diện lập trình ứng dụng, dịch vụ dữ liệu hoặc cơ chế chia sẻ được phê duyệt.
Trung ương đang nghiên cứu, đang xây dựng hoặc dự kiến xây dựng nhưng chưa có sản phẩm, chưa có thời hạn cung cấp rõ ràng	Các tỉnh uỷ, thành uỷ được xây dựng giải pháp chuyển tiếp hoặc giải pháp tạm thời phục vụ nhu cầu cấp thiết.	Có phương án tích hợp, kế thừa, chuyển đổi, hợp nhất hoặc dừng khi hệ thống dùng chung được đưa vào sử dụng và đáp ứng yêu cầu.

Tình huống	Cách xử lý	Yêu cầu tuân thủ
Trung ương không xây dựng hoặc xác định không thuộc phạm vi sản phẩm dùng chung của Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ được chủ động xây dựng giải pháp phục vụ nhu cầu địa phương.	Tuân thủ Khung, chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.
Hệ thống dùng chung của Trung ương chất lượng kém, địa phương đã kiến nghị nhưng không được khắc phục trong thời hạn hợp lý	Các tỉnh uỷ, thành uỷ được đề xuất giải pháp riêng, giải pháp bổ sung hoặc giải pháp chuyển tiếp để đáp ứng nhu cầu cấp thiết.	Hồ sơ phải làm rõ lý do, phạm vi khác biệt, phương án dữ liệu, phương án kết nối, bảo mật, tránh trùng lặp và phương án chuyển đổi khi hệ thống dùng chung được nâng cấp đáp ứng yêu cầu.
Dữ liệu phát sinh trên hệ thống do địa phương xây dựng đúng thẩm quyền, đúng chuẩn, đúng quy trình nghiệp vụ	Dữ liệu được xác định là dữ liệu nghiệp vụ chính thức của địa phương và được khai thác phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương.	Phải cung cấp giao diện lập trình ứng dụng, dịch vụ dữ liệu hoặc cơ chế đồng bộ để Trung ương tích hợp, đối soát, tổng hợp, phân tích và giám sát theo thẩm quyền.
Cùng một loại dữ liệu tồn tại ở hệ thống Trung ương và hệ thống địa phương	Xác định hệ thống nguồn có thẩm quyền, nguyên tắc đồng bộ, đối soát, xử lý sai lệch và trách nhiệm cập nhật.	Không duy trì lâu dài hai nguồn dữ liệu độc lập, không đồng bộ; trường hợp đặc biệt phải được cấp có thẩm quyền cho phép và có cơ chế đối soát rõ ràng.
Các thành phần của khối Đảng triển khai trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng và xác định rõ quan hệ với Khung kiến trúc tham chiếu tổng thể số cấp tỉnh	Tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức triển khai Khung theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng; xác định quan hệ kết nối, dùng chung và liên thông với Khung kiến trúc tham chiếu tổng thể số cấp tỉnh.	Nội dung khối Đảng do tỉnh uỷ, thành uỷ xác định; không thay đổi thẩm quyền nghiệp vụ, dữ liệu, bảo mật và tài sản số của các cơ quan đảng.
Giải pháp chuyển tiếp hoặc trường hợp đặc thù được phê duyệt	Tổ chức vận hành trong phạm vi, thời hạn và điều kiện được chấp thuận; theo dõi riêng và rà soát khi thành phần dùng chung thay đổi trạng thái.	Có chủ thể chịu trách nhiệm, SLO, phương án dữ liệu, tích hợp, chuyển đổi, hợp nhất và dùng; không tạo nguồn dữ liệu cạnh tranh.
Cấp xã có nhu cầu nhiệm vụ đặc thù	Lập hồ sơ nhiệm vụ, dự án theo mẫu; không xây dựng Khung kiến trúc số cấp xã.	Được tỉnh uỷ, thành uỷ hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, ưu tiên cấu hình và dịch vụ dùng chung.

PHỤ LỤC IV- PHƯƠNG THỨC ÁP DỤNG CÁC THÀNH PHẦN DÙNG CHUNG GIỮA CÁC CƠ QUAN TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

Phương thức áp dụng gồm: (1) Sử dụng trực tiếp. (2) Kết nối, tích hợp. (3) Sử dụng phiên bản hoặc phân vùng chuyên biệt. (4) Chưa áp dụng do yêu cầu bảo vệ bí mật (nếu cần cứ và thành phần thay thế). Danh mục thành phần theo Mục 3 Phần II và Phụ lục II Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Phương thức áp dụng là căn cứ thẩm định nhiệm vụ, dự án; trạng thái sẵn sàng của từng thành phần do Văn phòng Trung ương Đảng cập nhật định kỳ trong Danh mục thành phần dùng chung. Phương thức áp dụng được rà soát, điều chỉnh khi thành phần dùng chung thay đổi trạng thái hoặc có hướng dẫn mới của cơ quan có thẩm quyền.

Thành phần dùng chung (cơ quan chủ quản)	Phương thức áp dụng	Ghi chú
LỚP HẠ TẦNG SỐ VÀ AN NINH MẠNG DÙNG CHUNG		
Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia (Bộ Công an)	(3) Phân vùng chuyên biệt	Phương án bố trí theo hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dữ liệu thuộc bí mật nhà nước xử lý theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.
Trung tâm tính toán hiệu năng cao của Trung tâm dữ liệu quốc gia (Bộ Công an)	(1) Sử dụng trực tiếp	Ưu tiên cho tài nguyên tính toán phục vụ trí tuệ nhân tạo.
Mạng thông tin diện rộng của Đảng (Văn phòng Trung ương Đảng)	(1) Sử dụng trực tiếp	Hạ tầng dùng chung cho kết nối yêu cầu độ mật, độ tin cậy cao nhất.
Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan đảng, nhà nước	(2) Kết nối, tích hợp	Theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg; không đầu tư trùng lắp hạ tầng truyền dẫn.
Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (Ban Cơ yếu Chính phủ); Hạ tầng chứng thực điện tử quốc gia	(1) Sử dụng trực tiếp	

Thành phần dùng chung (cơ quan chủ quản)	Phương thức áp dụng	Ghi chú
Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia (Bộ Công an)	(2) Kết nối, tích hợp	Thành phần giám sát an ninh mạng của các cơ quan đảng kết nối, chia sẻ thông tin.
Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia (Bộ Công an)	(1) Sử dụng trực tiếp	Không đầu tư giải pháp có tính năng tương tự.
Giải pháp bảo mật cho hệ thống gửi, nhận văn bản mật liên thông	(1) Sử dụng trực tiếp	Trao đổi văn bản mật với Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

LỚP DỮ LIỆU VÀ NỀN TẢNG LỖI

Nền tảng số từ điển dữ liệu dùng chung (Bộ Công an)	(2) Kết nối, tích hợp	Kế thừa Từ điển dữ liệu dùng chung (Quyết định số 2439/QĐ-TTg).
Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức	(2) Kết nối, tích hợp	Đồng bộ dữ liệu chủ; đối soát dữ liệu cán bộ, đảng viên theo trường định danh.
Nền tảng định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an)	(2) Kết nối, tích hợp	Tích hợp với nền tảng định danh, xác thực của các cơ quan đảng.
Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP, Bộ Khoa học và Công nghệ); Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP, Bộ Công an)	(2) Kết nối, tích hợp. (4) đối với dữ liệu thuộc bí mật nhà nước	Theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, Quy định số 384-QĐ/TW, Hướng dẫn số 07-HD/VPTW; LGSP của Đảng kết nối NDOP theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; dữ liệu thuộc bí mật nhà nước chia sẻ trên hạ tầng, giải pháp chuyên dùng theo quy định.

Thành phần dùng chung (cơ quan chủ quản)	Phương thức áp dụng	Ghi chú
Nền tảng chuỗi khối (blockchain) quốc gia (Bộ Công an); Bản đồ số quốc gia và hệ thống mã bưu chính	(1) Sử dụng trực tiếp	Khi có nhu cầu nghiệp vụ.
Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung	(1) Sử dụng trực tiếp. (4) đối với dữ liệu thuộc bí mật nhà nước	Thành phần thay thế: Nền tảng AI của các cơ quan đảng (Mục 2.5 Phần VII).
LỚP ỨNG DỤNG VÀ NGHIỆP VỤ DÙNG CHUNG		
Trực liên thông văn bản quốc gia (Văn phòng Chính phủ)	(2) Kết nối, tích hợp	Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng kết nối; không xây dựng kênh song song.
Nền tảng điều hành số quốc gia; Trợ lý ảo quốc gia (Bộ Công an)	(2) Kết nối, tích hợp. (4) đối với thông tin thuộc bí mật nhà nước	Thông tin mật xử lý trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng.
Thành phần dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính	(2) Kết nối, tích hợp	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử kết nối.
Hệ thống thư điện tử (email) công vụ thống nhất; Nền tảng hợp tác trực tuyến quốc gia	(2) Kết nối, tích hợp. (4) đối với thông tin thuộc bí mật nhà nước	Thông tin mật sử dụng hệ thống chuyên dùng của các cơ quan đảng trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng.
Nền tảng quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia	(2) Kết nối, tích hợp	Kết nối, đối soát với Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng theo thẩm quyền.
Nền tảng quản lý dữ liệu thống kê (Bộ Tài chính); Hệ thống Công báo điện tử (Văn phòng Chính phủ); Công Pháp luật quốc gia (Bộ Tư pháp)	(1) Sử dụng trực tiếp	Khai thác theo nhu cầu nghiệp vụ.

16.QD/TW/487/DOC

Thành phần dùng chung (cơ quan chủ quản)		Phương thức áp dụng		Ghi chú	
LỚP KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ					
Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nền tảng VNeID (Bộ Công an)	(2) Kết nối, tích hợp	Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính của Đảng, định danh người dùng.			
Giao diện tương tác của Nền tảng điều hành số quốc gia (Bàn làm việc số)	(2) Kết nối, tích hợp. (4) đối với thông tin thuộc bí mật nhà nước	Theo lộ trình, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; hệ thống riêng truy cập qua Cổng ứng dụng.			
Cổng dữ liệu quốc gia (Bộ Công an); Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo	(1) Sử dụng trực tiếp	Công bố dữ liệu mở được phép của các cơ quan đảng.			
Công cụ chỉ đạo, điều hành; Nền tảng thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá triển khai chuyển đổi số; Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS); Bộ chỉ số KPI	(2) Kết nối, tích hợp	Cung cấp dữ liệu theo thẩm quyền, phạm vi được phép chia sẻ.			
